

I THÁNG 7 NĂM 1971

BACH KHOA

năm mười lăm

TRẦN NGỌC NINH *tương lai của chúng ta* *
NGUYỄN VĂN HẦU *cuộc bốc mộ vĩ đại của Tuyên
Trung Hầu Nguyễn văn Tuyên tại Sadek* * ĐỖ
ĐÌNH TUÂN *lược sử Đông y ở Trung-hoa và Việt-
nam* * VÕ THỊ THANH ROON *vấn đề cắt bỏ tử
cung so với lối chữa trị bằng phép nhịn ăn* * TRẦN
NGỌC NINH *viết về xã hội và văn-hóa thái cổ Việt-
nam* * VŨ HOÀNG CHƯƠNG *lòng đầy tưởng nhớ
(nhân ngày kỷ niệm nhà thơ Nguyễn-Đình-Chiều)* *
NGUYỄN MỘNG GIÁC *đêm trên thung lũng* *
HOÀNG NGỌC TUẤN *tuổi trẻ hư không* * **SINH
HOẠT** *thời sự thế giới*
* *thời sự khoa học* *
thời sự văn nghệ *

348

MỤC LỤC BỘ MÔN TỪ 337 ĐẾN 348

TẠP CHÍ BÁCH-KHOA

160 Phan Đình Phùng Saigon

Sáng lập: HUỖNH VĂN LANG Thư ký: TÔN THẮT HÀM
HOÀNG MINH TUYNH Tòa soạn:

Chủ nhiệm: LÊ NGỘ CHÂU Quản lý: NGHIÊM NGỌC HUÂN
Chủ bút: NGUYỄN HUY NHÂN

GIÁ BÁO

MỖI SỐ	50đ.
SÁU THÁNG	550đ.
MỘT NĂM	1050đ.

Cao nguyên và Miền Trung, thêm cước phí máy bay 50 đ. một năm.

Ngoại quốc đường thủy: thêm cước phí 120 đ. một năm.

Chi phiếu, bưu phiếu, xin đề tên ông Lê-Ngộ-Châu 160 Phan đình Phùng Saigon, hoặc Tạp chí Bách-Khoa Thời-Đại trương mục 54.262 Tổng ngân khố Việt-Nam.

Bưu chi phiếu xin chuyển cho Tạp chí Bách Khoa Thời Đại 160 Phan đình Phùng Saigon, Trương mục 27-46, Trung Khu Saigon

GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

trên bán nguyệt san BÁCH-KHOA

1 trang giấy màu	:	mỗi kỳ	:	4000đ
1/2 trang giấy màu	:	mỗi kỳ	:	2000đ
		oOo		
1 trang trong	:	mỗi kỳ	:	3000đ
1/2 trang trong	:	mỗi kỳ	:	1500đ
1/4 trang trong	:	mỗi kỳ	:	800đ

Muốn đăng quảng cáo từ 6 tháng trở lên có giá đặc biệt, xin liên lạc với Ty Quản-lý Tạp-chí Bách Khoa, 160 Phan-đình-Phùng Saigon. Đ.T. 25.539.

BÁCH KHOA

Số 348 ngày 1-7-1971

TRẦN NGỌC NINH	<i>Tương lai của chúng ta.</i>	05
NGUYỄN VĂN HẦU	<i>Cuộc bốc mộ vĩ đại của Tuyên Trung Hầu Nguyễn văn Tuyên tại Sa-đéc.</i>	13
ĐỖ ĐÌNH TUÂN	<i>lược sử Đông Y ở Trung-hoa và Việt-nam</i>	23
VÕ THỊ THANH ROÒN	<i>vấn đề cắt bỏ tử cung so với lối chữa trị bằng phép nhịn ăn.</i>	33
TRẦN NGỌC NINH	<i>Viết về xã hội và văn hóa thái cổ Việt-nam</i>	39
VŨ HOÀNG CHƯƠNG	<i>lồng đậy tưởng đó (thơ : nhân ngày kỷ niệm nhà thơ Nguyễn-dình-Chiều)</i>	48
NGUYỄN MỘNG GIÁC	<i>đêm trên thung lũng (truyện)</i>	51
HOÀNG NGỌC TUẤN	<i>tuổi trẻ hư không (truyện dài)</i>	65
TỪ TRÍ	<i>thời sự thế giới</i>	78
MỤC LỤC BỘ MÔN TỪ 337 ĐẾN 348		81

Chủ nhiệm : LÊ NGỘ-CHÂU
Chủ bút :
Tòa soạn 160, Phan-Đình-Phùng Saigon
Điện-thoại : 25.539
H.T. 339 Saigon

In tại nhà in TRÍ ĐĂNG
21, Nguyễn Thiện Thuật - Sài Gòn
GIÁ : 50đ Công sở : 100đ
Cao Nguyên và Miền Trung
thêm cước phí máy bay

NGUYỄN TRỌNG THI

Tốt nghiệp Đại Học Sư Phạm Cao Học Vật Lý
Hội Viên Tiêu Ban Cải tổ Chương Trình vật Lý
Giáo sư các trường Nguyễn Trãi, Nguyễn Bá Tòng
Thăng Long, Hưng Đạo.

Câu hỏi giáo khoa

VẬT LÝ

Tú tài I AB

Chương trình mới của Bộ Giáo Dục

oOo

Giáo Khoa và Phương Pháp Giải Toán

QUANG HỌC

ĐIỆN HỌC

Lớp II AB

Chương trình mới của Bộ Giáo Dục

oOo

VẬT LÝ

Lớp 12 AB

Tập I

Có hướng dẫn các giải toán
Chương trình mới của Bộ Giáo Dục

do hai Giáo sư :

NGUYỄN TRỌNG THI và PHẠM THU soạn

Đại Dương Xuất bản

Thống Nhất 117 Lê Lợi Tổng Phát Hành

Tương lai của chúng ta

Ngay trong lúc này chúng ta, — tôi muốn nói dân-tộc Việt-nam, — đang ở một điểm khủng-hoảng của lịch sử, không phải là vì những chuyện thay đổi nội các, bầu cử Tổng thống, v v... Bắc Việt có bầu lại Quốc Hội và đổi thành phần chính-phủ, Nam Việt có thay một vài tổng trưởng, và bầu lại Hạ-viện với Tổng thống, (tất cả đều ở trong vòng năm 1971), thì cũng chỉ là những việc sỏi nổi nhất thời ở bề mặt mà thôi. Trên trường chính-trị, có những việc có hạn kỳ, và có những việc để đáp ứng với thời cuộc. Tất nhiên phải có những công việc đón gió, nhưng vấn đề chính là gió gì, ở đâu lại, mạnh bao nhiêu. Tôi nghĩ rằng chúng ta, là những người dân lo lắng đến ngày mai của chính ta và của cả dân-tộc cần biết đến những luồng gió đang thổi đến, để chống đỡ cho vững vàng.

Đặt lại cái đại-cục của Á-Đông.

Lịch sử có những sự vận chuyển mà ta chỉ nhìn thấy được khi đã lui ra xa một chút.

Tất cả lịch sử của dân-tộc Việt-nam, từ lúc khởi thủy cho đến ngày nay, nghĩa là không phải bốn ngàn năm mà là mấy chục lần bốn ngàn năm, đã bị chi phối bởi một sự tranh-chấp vững bền nhất trong lịch sử nhân-loại, giữa những người dân làm ruộng của Trung Hoa và những người dân du-mục ở đồng cỏ và sa-mạc trên Phương Bắc.

Vì sự tranh chấp ấy, nên dân Trung Hoa, bị ngăn chặn, bị xâm phạm, bị đánh đuổi ở phía trên phải bành trướng về phía dưới. Tần Thủy Hoàng đã xây vạn-lý trường thành để cản những người Phương Bắc, và đồng thời cũng đã định hẳn, một lần nhưng cho mãi-mãi, rằng dân Trung Hoa sẽ chỉ tiến về Phương Nam mà thôi. Do đó, dân Việt, cũng như những giống dân khác ở miền Nam sông Dương tử, đã lui dần; nhưng đến cuối đời Tần (Triệu Đà) thì chúng ta đã bị Trung-hoa chinh phục; họ đã đuổi và bắt được chúng ta từ lúc đó. Và dầu rằng sau một ngàn năm bị đô hộ, chúng ta có thoát khỏi chế-độ thái-thứ thì sự thần phục Bắc triều vẫn còn là một điều kiện bắt buộc cho nền tự-chủ tương đối của ta.

Dòng lịch sử ấy mới chỉ bị cắt đứt hồi hơn một trăm năm trước đây. Lúc đó, Tây Phương, (Anh Pháp, Hòa Lan) sau khi đã phát triển về kỹ thuật máy móc, đã tung những hạm đội mới chạy bằng hơi nước để viễn chinh và chiếm những đất đai khác làm thuộc địa khai thác. Nước Việt-nam đã rơi vào tay Đế quốc Pháp. Trong cái bất hạnh ấy, cũng có một cái hay, là từ lúc đó trở đi, Việt-nam đã cắt đứt hẳn được mọi liên lạc lệ thuộc với Trung Hoa. Bởi thế nên, sau khi đánh Pháp, chúng ta mới có thể tuyên bố được rằng Việt nam là một nước độc lập.

Ở phía bên kia Thái-bình-dương, Mỹ-quốc mới được thành lập năm 1776.

Trước đó, Mỹ-quốc cũng là một nước thuộc-địa của Anh-Hoàng. Trận chiến tranh độc lập đã chấm dứt tình trạng ấy. Nhưng còn người Pháp, còn người Ý-pha-nho ở trên đất Mỹ. Những nước Âu-châu có hải quân vẫn dòm ngó sang Tân Thế-giới. Năm 1823, vị Tổng-thống thứ năm của Hoa - kỳ là Monroe tuyên bố rằng Âu châu phải chấm dứt những ý đồ đặt thêm thuộc-địa ở Mỹ-Châu và thôi không nhúng vào nội-bộ của các nước thuộc châu Mỹ. Thuyết Monroe đã là Vạn-Lý trường thành của Mỹ quốc : ngăn chặn Âu-châu ở bờ phía Đông, Hoa-kỳ tất phải nhìn về phía Tây để bành trướng. Do đó, đã có một chính-sách Thái-bình dương liên tục của Hoa kỳ. Alaska, Hawaii, Phi-luật-tân, Guam, Okinawa là những giai-đoạn của chính-sách này. Đứng ở miền Viễn-Tây (Far West) của họ, họ nhìn sang miền Viễn-Đông của thế-giới Âu-châu như một chân trời mà họ sẽ phải chế phục.

Và vì thế, vào đúng giữa thế kỷ thứ hai mươi, Hoa-kỳ đã chạm vào nước Trung-Hoa của một Tần-Thủy-Hoàng mới. Sự va chạm xảy ra ở đất Việt-Nam.

Trong cái lịch-sử làm bởi tham-vọng, không có chỗ cho đạo-đức hay tình thương. Những sự đau khổ mà dân Việt-nam phải chịu từ 1948 (năm Mao-Trạch-Đông toàn thắng ở Trung Hoa lục địa) cho đến ngày nay chỉ là những sóng gió tạo ra bởi sự đụng độ của hai luồng lịch sử.

Thuyết Nixon

Nixon, vị Tổng Thống thứ 37 của

của Hoa kỳ, đã dùng danh-từ «thuyết» (doctrine) để nói về chủ-trương của ông ; danh-từ này nhắc cho ta nhớ đến thuyết Monroe. Thuyết Nixon là biến-thân của thuyết Monroe trong một thời đại mà sự đe dọa bởi khí-giới hạch-tâm đã hết hiệu nghiệm, vì hai siêu cường - quốc đối diện nhau (Mỹ và Nga) đều có đủ phương tiện để tiêu diệt và tận diệt nhau trong một cái chớp mắt. Vì không thể có một sự đụng-độ trực-tiếp giữa hai nước này, nên chỉ có thể có những chiến-tranh gọi là cách-mạng. Chiến-tranh cách mạng là một phát minh chiến-thuật ghê gớm nhất của thế-kỷ thứ hai mươi. Sự phát-minh này là của Nga-sô. Trước sự phát-minh này, cũng đã có những chiến-tranh cách-mạng, như ở Pháp, ở Hoa-kỳ, nhưng chưa có lý thuyết về chiến-tranh cách-mạng. Những sự nổi dậy của những nước bị trị ở Á-Đông sau Thế-chiến thứ hai, tại Nam-Dương, tại Việt-Nam, đã giúp cho Nga-sô nhận định thấy rõ sự lợi hại của chiến-thuật mới, mà sau đó Mao-Trạch-Đông, Võ-Nguyên-Giáp, Che Guevera đã áp dụng với những thành-công rực-rỡ. Tùy theo trận-địa, lại có những chiến-lược thích hợp : chiến-lược du-kích, như đã được thử lửa ở Việt-nam, ở Trung-Hoa, ở Cuba,... là hình-thức hiệu-quả nhất, trong thời kỳ đầu tiên của chiến-tranh cách-mạng. Để chống lại chiến-tranh cách-mạng, chưa có một phát-minh chiến-thuật nào khả dĩ thành-công được cả. Ở Hi-lạp, ở Phi-luật-tân, ở Mã-lai, quân-đội chính-quyền có thắng các quân-đội phản-loạn thực, nhưng những sự thắng này mới chỉ là

thắng về chiến lược, thắng du-kích-chiến, chứ chưa thể nói là thắng chiến-tranh cách-mạng được. Hơn nữa, quân Huk vẫn còn trên miền núi của Phi-luật-tân; và vẫn còn hơn 500 quân cộng-sản Mã-lai có võ-trang hoạt-động ở biên giới Mã-lai — Thái-lan. Những hình-thức du kích chiến mới lại được thí-nghiệm từ sáu bảy năm nay tại miền Đông Bắc Thái lan, sau những thất bại ở Mã-lai. Bất cứ lúc nào, nếu tình-hình thuận-tiện, chẳng hạn như nếu Cộng-quân toàn thắng ở Việt-nam, thì chiến-cuộc sẽ lại bùng nổ lại ở Mã-lai cũng như ở Phi-luật-tân và ở Thái-lan. Như Võ Nguyên-Giáp đã nói: «Nếu chúng ta thắng ở đây, thì chúng ta sẽ thắng ở tất cả mọi nơi». Chúng ta, ở đây, tất nhiên không phải là người Việt-nam.

Thuyết Nixon gián tiếp công nhận sự thất bại của Hoa-kỳ trước những chiến tranh cách mạng. Hoa-kỳ sẽ trực tiếp can thiệp để giúp các đồng-minh về quân-sự khi nào những đồng minh này bị đe dọa bởi một cuộc tấn-công nguyên-tử từ bên ngoài. Tấn-công nguyên-tử đây có thể hiểu là mọi tấn-công bởi một nước có khí-giói nguyên-tử và hạch-nhân. Điều cần thiết là cuộc tấn-công ấy phải do bên ngoài tới, và điều này loại bỏ những cuộc nổi loạn trong một quốc-gia, dầu có những bằng chứng đích xác rằng sự nổi loạn đã được thúc đẩy, chỉ huy và giúp đỡ bởi một quốc gia khác. Do thuyết ấy, Hoa kỳ sẽ giảm dần quân-lực của họ ở Việt-nam. Sự giảm quân-lực này sẽ theo một nhịp độ trung-bình là 12 ngàn người mỗi tháng cho đến hết năm 1972. Nhưng vì những liên-hệ đặc biệt giữa Hoa-Kỳ và Việt-Nam (hay đúng hơn, vì toàn thể cái

chính-sách liên-tục của Hoa-kỳ ở Thái-Bình-dương) một số quân của Hoa-kỳ sẽ còn được giữ lại tại đây cho đến 1975, rồi sau đó, sẽ chỉ còn chừng 25.000 quân, mà một phần là lính chuyên nghiệp với một phần là tự-nguyên-quân ở lại mà thôi. Tất cả các cuộc biểu tình phản chiến ở Mỹ cũng như ở mọi nơi chắc cũng không ảnh hưởng gì đến toàn bộ chương trình rút quân này, nhưng có những tác dụng chính-trị khác.

Để thực hiện thuyết Nixon, tất nhiên Hoa kỳ phải xét lại toàn-thể vấn-đề viện-trợ.

Cơ-cấu tương lai của Viện-trợ Mỹ đã được trình bày trong Bản thuyết trình của Paterson, là căn bản của bài diễn văn mà Tổng-thống Nixon đã đọc trước Quốc-Hội Mỹ ngày 21-4-1971, dưới đề-tài «Để xây dựng một thể-hệ phát-triển trong hòa-bình». Paterson là Giám-đốc Ngân-hàng Mỹ châu, đã cầm đầu một Ủy-ban nghiên cứu riêng của Tổng-thống mệnh danh là lực lượng Đặc biệt về Phát triển Quốc-tế, trong đó có những giáo-sư, kinh-tế gia, chính-trị gia và những người rất có ảnh hưởng như D. Rockefeller, Th. Curtis, W. Gossett, và Tổng Giám mục Nữu Ước Hồng Y Cooke.

Những điểm chính của đề nghị của Tổng-thống Nixon trước Quốc Hội là:

1 — Giải tán cơ-quan USAID (thường gọi là Viện-trợ Mỹ).

2 — Phân biệt rõ ba loại viện-trợ, và thiết lập ba cơ-cấu tổ chức riêng biệt cho mỗi loại: a — Viện trợ về mục-tiêu an-ninh, để cho các quốc-gia liên kết có đủ khả-năng tự vệ; do đó sự

hiện diện của quân đội Mỹ sẽ được bớt dần. Trong khuôn-khổ viện trợ này, quân-nhu và khí-giói sẽ được bán với những điều-kiện đặc biệt cho những nước không đủ khả năng để trả tiền mặt. Một phần quân trang thừa (surplus) của quân đội Mỹ vẫn có thể được chuyển giao cho đồng minh, như trong chương trình Việt-nam-hóa. Và có một phần viện trợ nữa, trong mục-tiêu này, nhằm vào sự xây dựng kinh tế để các Quốc gia còn yếu có thể tự mình đảm nhiệm việc quốc phòng được; đó là vấn-đề «tự lực tự cường».

b.— Viện trợ để phát triển đặc biệt cho các nước đang mở mang. Hai cơ-quan phụ trách việc này sẽ là: một Viện nghiên cứu IDI: International Development Institute) và một Tổ hợp để phân phối tiền cho vay (IDC: International Development Corporation). Đường hướng viện trợ sẽ thay đổi. Các nước muốn nhận viện trợ phải có những chương trình và kế hoạch của mình, và những Cơ quan trên sẽ quyết định việc viện trợ cho những phần nào của mỗi kế-hoạch. Tổ-hợp nói trên sẽ hợp tác tối đa với các cơ quan tư nhân Mỹ và bản xứ. Ngoài ra, đã có một tổ-hợp để thúc đẩy và thực hiện sự đầu tư ở ngoài nước Mỹ.

c — Viện trợ về lý do nhân đạo, để bắt thường giúp những nước bị thiên tai hay bị chiến tranh tàn phá, với mục đích cứu trợ và phục hồi.

Viễn tượng hòa-bình ở Việt-Nam

Trong cái ngôn-ngữ chính-trị đặc-biệt của các nước thuộc khối Cộng-

sản, Bắc-Việt được gọi là « nước anh em ». Trong cái ngôn-ngữ của chính-phủ Hoa-kỳ, Nam Việt được gọi là « nước đồng-minh », và có khi được gọi một cách sượng hơn là « nước ở đó Hoa-kỳ có những quyền-lợi trọng yếu (major interests) », cùng với Israel và Jordan ở Trung Đông và Đại-Hàn ở Á châu.

Điều này có nghĩa là khi nào còn có một tình-trạng đối-ngịch giữa Hoa-kỳ và Nga xô, thì sẽ vẫn còn có hai nước Việt-nam.

Vậy thì vì sao mà lại có cuộc chiến-tranh không kể bại người thắng ở Việt-Nam ?

Và vì sao vấn đề hòa bình được đặt ra trong hiện-tại ?

Trong khung cảnh của chính - sách đắp đê (endiguement) hay ngăn chặn (containment) của Ngoại-trưởng F. Dulles và trước viễn-ảnh một sự bành-trướng của nước Trung-Hoa có vô-khí hạch nhân, Hoa-kỳ đã bắt đầu tăng quân-số đóng ở Việt-Nam vào năm 1952, và xây dựng những ấp chiến lược như ở Mã-lai cũng vào khoảng đó. Để đáp lại, MTGPMN đã nhận mệnh-lệnh từ Bắc-Kinh và Hà-nội để chuyển sang thời-kỳ du-kích chiến, sửa soạn một cuộc chiến tranh cách mạng mới.

Sự đe dọa của một cuộc chiến-tranh Việt-Nam khả dĩ lan rộng ra cả Đông dương đối với những quyền-lợi của Pháp đã thúc đẩy người Pháp đứng ra làm trung gian giữa chính-phủ Ngô-Đình-Diệm và chính phủ Hồ-Chí-Minh

(xem tiếp trang 71)

Cuộc lễ bốc mộ vĩ đại của Tuyên Trung Hầu NGUYỄN VĂN TUYÊN tại Mỹ-An-Hưng (Sa-Đéc)

Ngày 15 tháng 5-1971, một cuộc cải táng được diễn ra tại ấp Thạnh-Phú, xã Mỹ-An-Hưng, quận Lấp-Vò, tỉnh Sa-Đéc.

Cuộc cải táng này được xem là quan-trọng vì nơi khai quật là một «Lăng Ông» mà dân chúng địa phương từ bao thế-hệ đã đem hết thành tâm sùng kính.

Lý do cải táng là vì giọt nước Tiền Giang đã xoi mòn từ cuối bãi đất Tòng-sơn chạy dài xuống mé «Lăng Ông» mà sức người không tài nào đắp đê hay rào cản để ngừng ngăn lại được. Việc cải táng đã được dự liệu từ lâu. Nhưng vì sự kiêng sợ của quần chúng trong vùng trước uy đức thiêng liêng của người nằm dưới huyết mà người ta mãi e dè. Đã có những cuộc lễ được tổ chức đảo cáo trước tôn linh để xin bốc mộ, nhưng đều bị điềm ứng không cho. Và lại rồi đất cũng không lở thêm, mặc dù công lăng đã nằm kề mặt nước.

Thời gian trôi qua, gần đây, bỗng vị Xã-trưởng sở tại được báo mộng bảo phải dời lăng, vì cho đến năm nay, đất nạc không còn có thể bảo vệ khuôn viên khu lăng được nữa. Thế là một cuộc cải táng được bắt đầu do sự góp tay của nhân dân và chánh quyền địa phương, đúng

vào ngày tháng nói trên.

Đó là ngôi lăng mộ của Tuyên Trung Hầu Nguyễn Văn Tuyên, một bậc đại tướng trải phò hai triều Gia-Long và Minh-Mạng, từng cai-quản Biên binh thành Gia-định, lãnh ấn Trấn-thủ Định-tường và Trấn-thủ Vĩnh-thanh. Có lúc án thủ Châu-đốc kiêm quản Hà-tiên, giữ chức Bảo hộ Cao-miên và một lần quyền nhiếp Gia-Định Thành Tổng-Trấn thay cho Thượng Công Tả Quân Lê-Văn-Duyệt.

Qua sự chủ lễ của miêu duệ Tuyên Trung Hầu là Nguyễn Trường Cháp, phối hợp với những bậc hào mục địa phương, có sự ủng hộ tích-cực của chánh quyền, hằng trăm người luân phiên khai quật suốt bốn ngày mà không xuê. Lăng xây bằng đá ong, vôi cát, trộn lẫn nước nhựa cây ô dước, thế mà cứng chắc vô cùng. Người ta cảm thấy bất lực nếu cứ dùng sức mạnh và những dụng cụ thô sơ, nên đã phải yêu cầu đến xe cần khoan của công binh tiểu-khu Sa-đéc tăng viện.

Suốt 3 ngày hoạt động, xe cần khoan mới phá vỡ được các huyết và người ta đếm được cả thảy có sáu mộ phần, được kê theo thứ-tự như sau:

1) Ông Nguyễn Văn Hậu, thân phụ của Thống-chế Nguyễn Văn Tuyên

(sắc phong Anh Dũng Tướng quân, Khinh xa đô úy, Thần sách vệ úy Nguyễn Hầu).

2) Bà Võ-thị-Đức, thân mẫu của Thống-chế Nguyễn Văn Tuyên (sắc phong mỹ hiệu Thục Nhân).

3) Ông Nguyễn-Văn-Tuyên, con trưởng nam của Ông Nguyễn Văn Hậu và bà Võ-thị-Đức (sắc phong Tuyên Trung Hầu, Cầm Phủ Quân chỉ thần)

4) Ông Nguyễn Trường Cửu, con trưởng nam của Tuyên Trung Hầu, từng làm Phó Lãnh Binh triều Minh-Mạng; được phong An Hà Đốc Phủ, tử trận tại Cao-Miên.

5) Bà Đặng thị Vị, chánh thất của Lãnh-Binh Nguyễn Trường Cửu (sắc phong Đặng Thục Thị An Nhơn).

6) Ông Nguyễn Công Lực, em ruột của Tuyên Trung Hầu, Đô-úy triều Minh-Mạng, đã hi-sinh vì tổ-quốc tại Gò-Sắt (Cao-Miên).

Trong các mồ mả vừa kể, chỉ còn được hai cái linh quan nguyên vẹn, còn 4 cái kia đều hư. Hai cái còn lại đó là của Tuyên Trung Hầu và của con dâu Ông là Bà Đặng-thị-Vị. Người ta phải dùng đến xe cần trục để quay lên chứ sức người không tài nào làm di động được.

Khi xe cần trục quay linh-cữu của Tuyên Trung Hầu khỏi mặt đất, kim trọng lượng đã chỉ đến con số 1.017 kí. Hòm làm bằng cây giáng-hương, mùi thơm phảng phất không dứt. Thân hòm vĩ đại, ngày xưa sơn đen, có lẽ là sơn mài, nhưng bây giờ bị mòn phai, thịt cây lộ ra đe đục và nhẵn bóng, có chỗ trông như chiếc ván gỗ.

Tính ra thì hòm này đã chôn xuống huyết cho đến nay được 140 năm.

Chiếc linh-cữu của Bà Đặng Thục Thị An Nhơn thì nhỏ hơn, nhưng cũng không kém phần lẫm-liệt và chắc-chắn. Khi cở bao quan vừa bật ra, thì cây triệu đặt trên nắp hòm vẫn còn nguyên. Chử bằng giấy kim-tương óng-ánh dán liền trên nền vải đỏ vẫn còn nguyên vẹn để chúng ta tha hồ mà đọc hoặc sao chép nguyên văn (cây triệu ấy hiện nay vẫn còn cất giữ tại đền thờ Tuyên Trung Hầu, nhưng vì nắng gió, đã bị khô-héo, nhăn-nheo).

Cho đến ngày 22 tháng 5, tức sau bảy ngày làm công việc khai quật, hai linh cữu còn nguyên và bốn hài cốt được đặt lại vào bốn chiếc quách mới, một cuộc lễ di quan được diễn ra trước sự hiện diện của miếu-đuệ Tuyên-Trung-Hầu, của chánh quyền các xã, ấp lân cận, của các vị đại-diện các đoàn-thể chánh trị, tôn-giáo, của nhiều vị Quận-trưởng và ba vị Tỉnh-trưởng Sa-đéc, Kiến-phong và An-giang. Hàng chục quân xa đưa đón, hàng vạn dân chúng đã tự động kéo đến cung nghinh, chiêm ngưỡng bắt đầu và liên tục từ ngày ấy đến nay.

Hiện nay, các quan quách này được đặt tại một nền đất cao rộng, bên cạnh nhà thờ Tuyên Trung Hầu, ở tả-ngạn vàm rạch Cái-Tàu Thương, thuộc ấp Thái-ninh-bình, xã Mỹ an hưng (Sa-đéc) cho quần-chúng viếng thăm, lễ bái và cầu đảo chứ không chôn xuống đất.

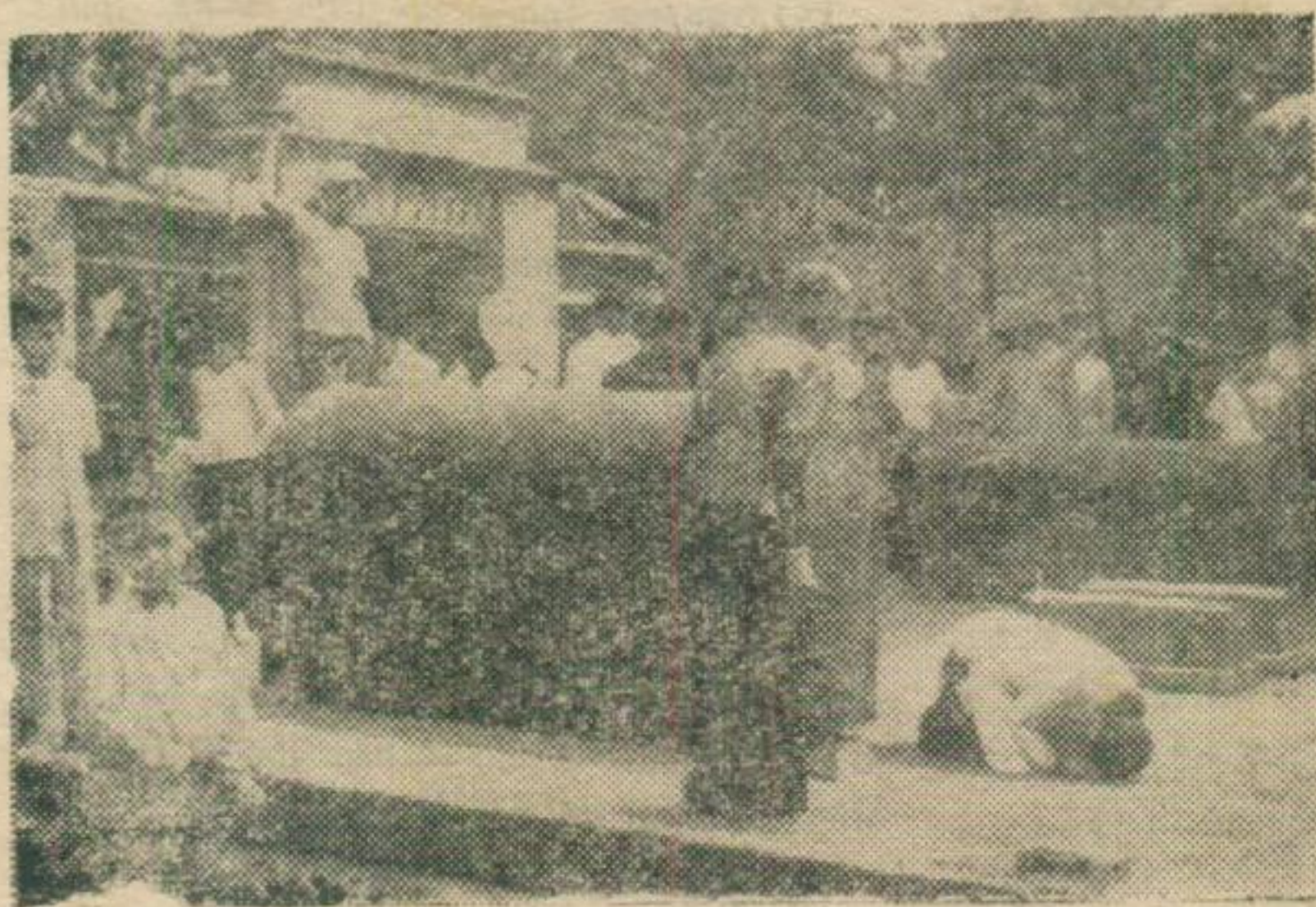
Khói hương ở đây không ngớt. Người ta đua nhau tưng lấy một



HÌNH I : Đất lở khi
lũng nằm sét nê nước
đang được khai quật
(góc trái : cờ, lầu và i,
biểu ngữ...)



HÌNH II : Linh cữu của
Tuyên Trung Hầu, đã
chôn xuống đất 140
ngày, khi xe cần trục
đưa lên khỏi mặt đất.



HÌNH III : Dân chúng
chiêm bái ngày đêm
trước các quan quách
của Tuyên Trung Hầu
và quyền thuộc.

chất nước có màu nâu đỏ như màu rượu chát, rỉ ra từ một nơi phía dưới linh-quan của Tuyên Trung Hầu rồi nguyện cầu để đem về trị bệnh. Người ta đã thoa bóp, phết vào các chỗ đau và uống thứ nước ấy như một linh dược.

Một cuộc vận động xây cất lăng mộ

được bắt đầu tổ chức do sự phối hợp của các thân hào nhân sĩ liên tỉnh Sa-đéc — An-giang — Kiể-~~phong~~ qua sự hỗ trợ của chánh quyền. Đây là một việc đáng làm để tỏ niềm tri ân đối với các bậc tiền bối đã dày công góp phần khai thác và kiến-thiết quê-hương Miền Nam.

TUYÊN TRUNG HẦU NGUYỄN - VĂN - TUYÊN

Tuyên Trung Hầu Nguyễn Văn Tuyên người thuộc dòng dõi họ Phan.

Sách *Histoire et description de la Basse Cochinchine* (1) do Aubaret dịch lại bộ *Gia-Định Thông-Chí* của Trịnh-Hòa-Đức, gọi ông là Phan Văn Tuyên. Trong tấm minh tinh (cũng gọi là cây triệu) đào được trên áo quan của một người con dâu của ông, tức là vợ của Phó Lãnh Binh Nguyễn Trường Cửu, trong cuộc bốc mộ ngày 21 tháng 4 Tân-hợi (1971) cũng xác nhận dòng dõi này họ Phan (2). Nhưng nhờ lập được công lớn trong nhiều cuộc chiến đấu để thống nhất và bình định giang-sơn, dòng họ này được triều-đình sắc tứ theo họ nhà vua là họ Nguyễn (3).

Sách *Đại Nam Chánh Biên Liệt Truyện*, nơi mục dành chép tiểu sử Nguyễn Văn Tuyên (4) và sách *Đại Nam Nhất Thống Chí*, phần An-giang Tỉnh, mục nhân vật, cũng như các sắc chỉ, chiếu văn liên hệ, đều gọi ông là Nguyễn Văn Tuyên (5).

Như vậy, vấn-lề mâu-thuẫn giữa

hai họ Nguyễn, Phan đã có nhiều bằng chứng xác thực đủ tin, không còn gì là mơ hồ nữa.

Thân phụ của Tuyên Trung Hầu là Phan Văn Hậu, chánh quán tại làng Kiêm-toàn, huyện Phú-xuân, tỉnh Thừa-thiên (6) Ông vốn con nhà vũ dũng, làm quan trải đến Vệ úy, về sau, được truy phong Anh

(1) *Par's impr Impérial*, 1863, trang 284

(2) Nguyên văn chép trên minh tinh, «Đặng gia đệ thất nưong, y vị nhiệm tử Phan tông chánh thất, thụ viết Thực Thận An Nhơn chi cửu».

(3) *Gia-Phả Nguyễn Hầu* do miêu duệ là Nguyễn Trường Chắt lưu giữ.

(4) Sách đã dẫn, tờ 14 b, 15 a, 15 b.

(5) Trong các sắc phong của vua Minh-Mạng ban tặng cho thân phụ ông, đề ngày mừng 9 tháng 3 năm thứ 5 (1821), ban tặng cho thân mẫu ông đề ngày 25 tháng 6 năm thứ 9 (1828) và trong chiếu chỉ nội ông đề ngày 5 tháng 2, năm thứ 11 (1830) đều gọi dòng dõi này là họ Nguyễn.

(6) Chép theo gia-phả Nguyễn Hầu.

Dũng Tướng quân, Kinh xa Đô úy, Thần sách Vệ úy Nguyễn Hầu (1).

Thân mẫu ông tên Võ thị Đức, người thuộc dòng lễ nghĩa lương môn, cùng chồng hòa hợp, được vua Minh-Mạng ban khen là trang hiền mẫu và sắc phong mỹ hiệu Thục Nhân (2).

Năm Giáp-ngọ (1774), Kinh thành Thuận-hóa bị hãm, vua Duệ-Tông phải chạy vào Quảng-nam, rồi năm sau (1775), theo đường biển trốn vào Gia-định (3). Bấy giờ cuộc chiến rối bời, dân tình kinh hãi. Nhiều gia-đình phải bỏ xứ chạy loạn vào Nam (4). Phan Văn Hậu chắc đã phải cùng thân quyến đem nhau vào miền Đồng-nai lúc ấy.

Trong buổi đầu, ông đến đất Gia-định (5). Nhưng sau đó, Gia-định thất thủ, ông lại chạy về miền Tiền-Giang, đến định cư tại bãi Tòng sơn. Lúc này thế lực Tây Sơn mạnh như vũ bão. Định Vương Nguyễn-Phúc-Thuần bị bắt và bị xử tử với 18 kẻ tùy tùng. Nguyễn Ánh phải chạy trốn ra Thồ-châu, tình thế cực kỳ bi đát (1777).

Bãi Tòng Sơn lúc đó là một thôn cư tịch mịch, ít giặc cướp, ruộng đất lại phì nhiêu, do đó mà đoàn lưu dân khai hoang xem như một nơi đắc địa. Đại Nam Nhất Thống Chí đã mô tả đất nước miền này như sau :

Bãi Tòng-sơn ở phía đông Tiền giang và Mỹ-an-giang, đó là một làng có dân cư đông đảo. Bốn mặt làng có sông nước, làng nằm giữa như một cánh bèo vênh tai phiêu bạt.

Trong làng cá lội cò bay. Thanh tú. Về phía thượng lưu gần đó là Ngưu-châu (tức Cù lao Trâu) và Hồ-châu (tức bãi Hồ Cự). Cù-lao Trâu có các làng An-nhơn, Tân-thuận, Hòa-an ; còn bãi Hồ Cự thì có các làng Tân-tịch và Tịnh-thới. Một trận thư hùng giữa phe Nguyễn-Ánh và phe Tây Sơn xảy ra tại đây năm Kỉ-Dậu (1789), bãi Hồ Cự đã chứng kiến sự đại bại của quan Thái-bảo nhà Tây Sơn là Phạm Văn Tham (6).

Nguyễn-Văn-Tuyên sanh năm Quý-vị (1763), đã theo gia-quyển chạy loạn hết nơi này đến chỗ kia rồi mới đến Tòng-sơn. Tuy vậy, vốn dòng dõi Phấn-dũng tướng quân, ông đã nuôi một hoài bão lớn là lấy nghiệp cung đạo để lập thân trong thời loạn. Ông có cả thảy ba anh em mà ông là trưởng nam. Người em kế ông là Nguyễn Công Lực và người em út là Nguyễn Công Tấn (Nguyễn-Công-Lực sau làm đến chức Đô-úy và đã hi sinh vì tổ-quốc trong một trận chiến tại Gò-Sắt, Cao-miên).

(1) Sắc chỉ Minh-Mạng ban xuống năm thứ 9 (1828), tháng 6 ngày 25.

(2) Xem sắc chỉ vua Minh-Mạng ban xuống năm thứ 5 (1824), tháng 3, ngày mùng 9.

(3) Theo Đại Nam Thực Lục Chính Biên, đệ nhất kỉ.

(4) Thoại Ngọc Hầu Nguyễn Văn Thoại trong dịp này cũng đã cùng mẹ và thân quyến chạy loạn vào Nam. Bia Thoại sơn dựng tại núi Sập có chép : «Thiếu tị địa Nam lai».

(5) Theo lời truyền khẩu của dòng họ Tuyên Trung Hầu.

(6) Sách đã dẫn, Bộ Giáo-Dục xuất bản, 1959, phần An giang Tỉnh, mục Sơn thủy, trang 62.

Sách *Đại Nam Chánh Biên Liệt Truyện*, một bộ chánh sử chép dưới triều Nguyễn, nói Ông người huyện Vĩnh-an, tỉnh An-giang (1). Sách *Đại Nam Nhất Thống Chí*, một bộ địa chí viết bằng chữ Hán do Quốc-Sử-Quán soạn rất công phu, cũng liệt Ông vào An-giang nhân-vật (2). Điều này chứng tỏ rằng Ông đã cư ngụ thâm niên tại An-giang nếu không phải là sanh trưởng tại đây (3).

Nay xét lại gia phả, việc sinh cư của miêu duệ Ông, cũng như lăng mộ của cả Ông lẫn thân thuộc Ông đều chôn cất tại An-giang (4), chúng ta có thể xác nhận được rằng chi tiết trên đây là đúng.

Năm Mậu-thân (1788), Nguyễn-Ánh sau khi lưu vong ở Xiêm, kéo binh về Gia-định. Nguyễn-Văn-Tuyên ra xin đầu quân. Lúc ấy Ông được 25 tuổi. Với nhiệt-huyết và khả-năng sẵn có, Nguyễn-Văn-Tuyên sớm được tin dùng.

Mặc dù được gia nhập quân-đội của Chúa Nguyễn-Ánh sau Thoại Ngọc Hầu hằng chục năm, sau cả Lê-Văn Duyệt và Trương-Tấn-Bửu nữa, nhưng không bao lâu Ông được cất nhắc lên ngay đến chức Thần-sách-quân, hồ oai Phó Vệ úy (5). Với chức vụ này, Ông đã xông pha nhiều trận trước quân lực quá hùng hậu của Tây-Sơn. Nhờ đó mà vua Gia-Long tin cậy, liệt Ông vào hàng tâm phúc.

Nhưng có một lần phạm lỗi, Nguyễn-Văn-Tuyên bị giáng chức. Sau đó, lại được khôi phục như trước.

Năm Quý-hợi (1803), khi vua Gia-Long lên ngôi vừa được một năm, mọi Đá Vách ở Quảng-ngãi (do đây Trường-sơn) nổi lên cướp phá rất dữ, tàn-sát đến nhân mạng. Vua sai Thượng-công Tả-quân Lê-Văn-Duyệt bình ác man. Tuyên Trung Hầu Nguyễn Văn Tuyên bấy giờ được thăng Chấn võ quân, hữu bảo Vệ úy, cầm quân đánh giặc. Bọn ác man tan tã (6).

Mùa đông năm Kỷ-mão (1818), khi đã nghiên-cứu tỉ mỉ về tình hình miền biên viễn, vua Gia-Long bèn sắc dụ dạy phải đào kinh ăn thông từ Châu-đốc suốt đến Hà-tiên. Công việc được khởi công vào ngày rằm tháng chạp năm nói trên. Trấn-thủ Vĩnh-Thanh lúc đó là Thoại Ngọc Hầu Nguyễn-Văn-Thoại, phụ lực có Chương cơ Nguyễn-Văn-Tuyên và Điều-hát Nguyễn-Văn-Tồn, cả ba người đứng ra chỉ huy việc đào kinh (7).

(1) Sách đã dẫn, quyển 17, tờ 14 b.

(2) Sách đã dẫn, phần An-giang Tỉnh, mục Nhân vật, trang 75.

(3) Theo lời truyền thuật từ trong dòng họ Tuyên Trung Hầu, thì thân phụ và thân mẫu ông mất tại Gia-định và an táng tại đó. Rồi về sau không rõ là năm nào, Lãnh binh Nguyễn-Trường-Cửu mới cải táng về nơi mà ta được biết hiện nay (xã Mỹ-An-Hưng—Sa-Déc).

(4) An-giang xưa rộng lớn, bao trùm các tỉnh Châu-đốc, Longxuyên, Sađéc, Kiểnpông, Vĩnhlong. Nơi chôn cất Ông mà ta còn thấy tại Mỹ-An-Hưng ngày nay, xưa là làng Mỹ-an, huyện Vĩnh-an, tỉnh An-giang.

(5) *Đại-Nam Chánh-Biên Liệt Truyện*, truyện Nguyễn-Văn-Tuyên, quyển 17, tờ 14 b.

(6) *Bản Triều Bận Nghịch Liệt Truyện*, tờ 2 b.

(7) *Histoire et Description de la Basse Cochinchine*, trang 248.

Ngay trong đợt đầu, đã có đến 5.000 nhân công, bắt trong thường dân và binh lính Việt-nam, đó là chưa kể đến 500 người khác đang phục-vụ tại đồn Uy-viễn ở Trà-Ôn, tất cả đều do Nguyễn-Văn-Tuyên và Nguyễn Văn Thoại điều-khiển. Phần quan Điều-bát Nguyễn-Văn-Tồn cũng đã bắt đến 5.000 dân Miên để phục dịch (1).

Kinh đào trải qua nhiều đợt rất đổi gian nan. Nhiều dân xâu bị chết về nạn thú dữ làm hại, nạn lam sơn chướng khí và nhiều sự rủi ro trong khi công-tác. Cá mập ở Vàm nao cũng không tha cho những người trốn xâu lội ngang qua đây (2).

Thời-gian công-tác kéo dài đến 5 năm, từ tháng chạp năm Meo (1819) cho đến tháng 5 năm Thân (1824) mới hoàn thành.

Kh. vẽ bản đồ dân. lên, vua Minh-Mạng cho lấy tên vợ của Thoại Ngọc Hầu là bà Châu thị Vĩnh Tế mà đặt cho tên kinh là kinh Vĩnh-tế, vì bà này đã góp công với chồng trong việc đào kinh. Vả lại, Thoại Ngọc Hầu cũng đã được lấy tên để đặt tên rồi cho Thoại-hà ăn thông từ Long-xuyên đến Kiên-giang từ mấy năm trước.

Ngoài việc đặt tên cho kinh, vua Minh-Mạng còn ban thưởng tiền bạc và the lụa cho những người hữu công. Trong dịp này, Nguyễn-Văn-Tuyên cũng được nhà vua khen thưởng công lao suất dân công-tác.

Ngày nay, nhìn lại con kinh dài đến 98 ngàn 300 thước tây, trải từ bờ Hậu-giang cho đến cửa Giang-

thành, được giao thương thuận lợi, ta không chỉ cảm ghi công-đức của Thoại Ngọc Hầu Nguyễn Văn Thoại mà còn phải mang ơn nặng của Tuyên Trung Hầu Nguyễn-Văn-Tuyên.

Năm Minh-Mạng thứ 5, đề tỏ niềm ân-hậu đặc-biệt cho bậc công thần, nhà vua sắc phong cho thân mẫu của Nguyễn-Văn-Tuyên là bà Võ-thị Đức mỹ hiệu Thục Nhân. Riêng Nguyễn-Văn-Tuyên cũng được ban cho chức Khâm sai thuộc nội Chưởng cơ và đưa ra ngồi trấn Định-Tường (3). Sau đó, vào năm Minh-Mạng thứ 5, Ông lại được cử về làm Trấn-thủ tại trấn Vĩnh-Thanh, một trấn lớn gồm cả Tiền và Hậu-Giang, chạy dài từ biên giới Việt-Miên đến tận biên (4).

Năm Minh-Mạng thứ 9 (1828), nhờ lập được nhiều đại công, vua nghĩ đến thâm tình của người hiếu tử, muốn làm rạng danh cha mẹ một bậc danh thần, nên xuống chiếu truy phong cho thân-phụ của Ông là Phan-Văn-Hậu chức Anh dũng tướng

(1) Nguyễn-Văn-Tồn gốc người Cao-Miên tên là Duồn, nguyên-quán tại Trà-Vinh. Mọi đầu theo Gia-Long được sung vào hàng dịch đình nô. Từng phò giá sang Xiêm, lần lần thăng lên hàng đại tướng. Năm thứ 10, được triệu về Kinh làm Thống-chế. Mất năm Minh-Mạng nguyên niên, mồ mả và đền thờ hiện còn tại Trà-Ôn (Chánh Biên Liệt Truyện sơ tập quyển 28, tờ 3a, 3b, 4a).

(2) Xem bia Vĩnh-Tế-Sơn và việc đào kinh Vĩnh-Tế của tác giả đăng trên Văn-hóa nguyệt san số 59, 60 tháng 3, 4, 5, 1961.

(1) Sắc chỉ Minh-Mạng năm thứ 5, tháng 3 ngày mùng chín.

(2) Đại Nam Chánh Biên Liệt Truyện, cuốn thứ 17, tờ 15a.

quân, Kinh xa Đô úy, Thần sách Vệ úy Nguyễn Hầu (1).

Cũng trong thời gian này, Nguyễn-Văn-Tuyên được cử làm Thống chế, cai quản biên binh thành Gia-định. Khi Tổng-trấn Lê-Văn-Duyệt có việc về Kinh, Thống-chế Nguyễn-Văn-Tuyên được cử nhiếp quyền Tổng-Trấn Gia-Định (2). Chúng ta nên hiểu rằng chức Tổng-tấn Gia-Định Thành lúc đó quyền hạn rất to, cai trị cả lục tỉnh Miền Nam chứ không riêng một tỉnh Gia-định.

Ngày 6 tháng 6 năm Kỷ-Sửu (1829), Thoại Ngọc Hầu Nguyễn-Văn-Thoại, đương nhiệm Bảo hộ Cao-miên, bị lâm trọng bệnh mà mất. Tuyên Trung Hầu Nguyễn Văn Tuyên được chánh thức bổ-nhiệm chức vụ Bảo-hộ Cao-Miên thay cho Thoại Ngọc Hầu (3). Trong một tờ chiếu của vua Minh-Mạng năm thứ 11 tháng 2, ngày mùng 5, đã xưng gọi chức tước của Nguyễn Văn Tuyên như sau :

«Thống-chế lãnh Bảo-hộ Cao-Miên quốc ấn. Ấn thủ Châu-Đốc Đồn, kiêm lãnh Hà-Tiền Trấn biên vụ, Tuyên Trung-Hầu Nguyễn-Văn-Tuyên.»

Ông giữ chức Bảo-hộ Cao-miên chỉ được hơn một năm thì từ trần giữa khi tại chức tại Đồn Châu-đốc, nơi Ông có trách-nhiệm Ấn thủ. Thọ được 68 tuổi (5). Hôm ấy là ngày 28 tháng 5 Tân-mão (1831).

Linh-cữu Ông được đem về an táng tại trú quán của Ông ở Mỹ-an thôn, phủ Tân-thành, huyện Vĩnh-an

tỉnh An-giang, gần đại đồn Hồ Cự, một nơi dân cư trù mật nhờ công khai thác của Ông, nay thuộc ấp Thạnh phú, xã Mỹ-An-Hưng, quận Lấp-vò, tỉnh Sa-Đéc. Tang lễ được cử hành trọng thể theo nghi-thức của bậc thượng tướng và lăng mộ Ông cũng được quan hữu tư lo xây đắp qui mô.

Ông trải phò hai triều Gia-Long và Minh-Mạng, từng xông pha trăm trận đề chống với Tây Sơn, dẹp giặc Cao Miên và bình-định ác man. Rồi nào là khai hoang, đào kinh, lập ấp. Dân chúng ở các nơi đặt dưới quyền cai trị của Ông, đều được ấm no, yên ổn. Căn-cứ vào các tài-liệu chắc-chắn còn lại, chúng ta có thể kết luận được rằng Ông là một nhà quân-sự đa tài và một bậc chấn dân lỗi lạc.

Bình sinh, Ông có vợ và có bốn người con trai. Người con trưởng nam của Ông là Nguyễn Trường Cửu, làm quan đến chức Phó Lãnh Binh, có lúc được cử giữ nhiệm-vụ An Hà Đốc Phủ. Sau chinh phạt Cao Miên, tử trận tại Gò-Sặt, được truy phong «Tráng Dực Phan Công Chi Thần» !

(1) Sắc chỉ Minh-Mạng năm thứ 9, tháng 6, ngày 25.

(2) Đại Nam Chánh Biên Liệt Truyện, sách đã dẫn, tờ 15b.

(2b) Hoàng-Việt Giáp Tý Niên Biều của Nguyễn-Bá-Trác, bản dịch của Bộ Giáo Dục trang 334.

(3) Sách Đại Nam Chánh Biên Liệt Truyện nói Ông mất năm Minh-Mạng thứ 11 (1830) Nhưng gia-phả và thần chủ thờ Ông tại ấp Thái-Ninh-Bình (SaĐéc) cho biết ngày tháng như trên và nói là năm Tân-mão (1831), có khác nhau ít tháng.

PHỤ LỤC

Xác thịt của Tuyên Trung Hầu đã gởi sâu trong lòng đất từ 140 năm qua, nhưng hương linh của Ông đã về thần mà lòng người địa-phương vẫn mãi mãi khâm phục uy-đức của Ông. Có lẽ vì chính sự khâm phục đó mà hồn thiêng của Ông bất diệt. Tương truyền rằng ngay từ sau khi lăng mộ Ông được xây cất xong, sự linh thiêng hiển hách đời đời không dứt.

«Mỗi khi có dịch tả bạo hành hoặc gặp cơn binh cách tao loạn, hương chức làng tổ chức những cuộc cầu đảo thì cấp thời được sự gia hộ của ông. Ông đã phù trì cho nhân-dân địa-phương an cư lạc nghiệp và tại lăng mộ Ông, vào những đêm khuya canh chầy thuộc ngày lành tháng tốt, người ta thường nghe thấy tiếng nhạc ngựa lẫn tiếng binh khí reo vang qua sự hóa hiện rực-rỡ của những ánh hồng quang kì-diệu».

Nhưng tiếc thay, sự nghiệp của Ông vĩ-đại dường ấy mà thanh danh Ông gần như mai một theo cát bụi thời gian! Tuy các vua Gia-Long, Minh-Mạng đã tuyên dương, tưởng lệ Ông, cũng như các sử-thần triều Nguyễn không quên ghi chép lịch-sử Ông để lưu lại đời sau. Nhưng các sử-gia đời sau đã hững hờ gần như quên lãng. Trong các bộ Sử-kí viết bằng Quốc văn, người ta đã không mấy ai nói đến công-nghiệp của Ông. Và cũng vì vậy mà trong chương-trình giáo-khoa, các nhà giáo từ Tiểu,

Trung đến Đại-học đều không dạy gì về Ông hết. Bằng chứng là mới đây, nhiều vị cử-nhân Sử Địa, khi được biết cuộc cải táng và nghe thấy danh tước Ông, họ đều đã ngạc-nhiên đến ngỡ-ngác vì không rõ Tuyên Trung Hầu Nguyễn Văn Tuyên là ai và đã làm nên những việc gì cho xứ sở! Sự kiện trên là một điều đáng buồn cho nền Sử-học Việt-Nam!

Từ 20 năm nay, tôi biên-khảo về Thoại Ngọc Hầu Nguyễn-Văn-Thoại, đã đọc thấy nhiều trong các cổ sử nói về Tuyên Trung Hầu Nguyễn-Văn-Tuyên. Tôi có dịch những đoạn liên hệ đến Ông trong tác-phẩm nói trên của tôi. Tác-phẩm đó sẽ được đến tay độc giả trong vài năm sắp tới. Giờ đây thêm may mắn, tôi lại được biết có cuộc bốc mộ Tuyên Trung Hầu nên đã đích thân đến tận chỗ để khảo sát tình tường. Tôi chụp ảnh được tất cả các tài-liệu liên hệ và nhất là tôi đã có đủ trong tay hai đạo sắc phong, ba tờ chiếu chỉ, bốn bản bằng cấp và sáu tờ công văn có ấn tín của vua, của đình thần hoặc của các quan Trấn-thủ. Quyền gia-phả của Nguyễn Hầu do miêu-duệ Ông còn trân tàng cũng được trao gởi đến tay tôi.

Nay, đề kịp ngày kỉ-niệm lần thứ 140 ngày về thần của Thống-chế Tuyên Trung Hầu Nguyễn Văn Tuyên (28-5 Tân-mão, 1831)

tôi vội vã công-bổ thiên b'ên-khảo sơ-lược này đề đồng-bào ngưỡng mộ tôn linh được biết. Tôi ước ao sẽ có thì giờ viết thành sách kể rõ tất cả công đức khai thác sơn hà của Ông, trong

những ngày sắp tới, ngõ hầu báo đáp phần nào công ơn cao cả của người xưa.

Viết xong ngày 12 tháng 6 năm 1971

NGUYỄN VĂN HẦU

Tài liệu tham khảo :

Phần chữ Hán :

— Đại Nam Chánh Biên Liệt Truyện, sơ tập, quyển 17, 27 và 28. (Bản khắc in, tại Viện Khảo-Cồ)

— Đại Nam Thực Lục Chánh Biên, đệ nhất kỉ (Bản in của Hữu Lân Đường xuất bản ở Nhật Bản năm Chiêu Hòa 36, lưu trữ tại Viện Khảo Cồ).

— Bản Triều Bận Nghịch Liệt Truyện (Bản chép tay, tại Viện Khảo Cồ).

— Nhiều sắc, chiếu, thần chủ, bia, và một cây triện.

Phần chữ Việt :

— Nam Kỳ Lục Tỉnh Địa Dư Chí, bản dịch của Duy Minh Thị. Đại-Việt tạp chí số 50, 51, 52, tháng 12 năm 1944.

— Đại-Nam Nhất-Thống Chí, bản dịch của Tu-Trai, Bộ Giáo Dục x. b. 1963.

— Hoàng Việt Giáp Tí Niên Biều, bản dịch của Bộ Giáo Dục, x. b. 1963.

Phần chữ Pháp :

— Histoire et discription de la Basse Cochinchine - Paris. Imprimerie Impériale, 1863 - bản dịch từ Hán sang Pháp của G. Aubaret.

— Petit cours de Géographie de la Basse Cochinchine, của P. Trương Vĩnh Ký - Imprimerie du Gouvernement, 1875.

— Monographie de la province de Long Xuyên, Éditions du Moniteur d' Indochine, Hà-nội, 1930.

SỬA LẠI CHO ĐÚNG

Trong bài : "Giáo dục, một phương tiện chiếm quyền và giữ quyền, của Tạ Chí Đại Trường trên Bách-Khoa số 346 (1-6 71) trang 11, cột 2, sau hàng 12 đã in thiếu vài hàng (in chữ xiên) như sau, mong quý bạn vui lòng sửa lại giùm cho : "đề cử xử với những người khác, với nhau, hướng theo một trật tự *nhịp nhàng, điều hòa — trật tự tạm thời cũng được, mà trật tự mong muốn* xây dựng trên sự rối loạn tạm thời cũng phải".

Ngoài ra cũng trong bài này tại trang 13, cột 1, đoạn 2, bắt đầu bằng câu : Gọi là «trò chơi kiến thức đối kháng»... Tòa soạn có đề nghị với tác giả bỏ một phần nên đoạn văn này thành tối nghĩa.

Xin trân trọng cáo lỗi cùng tác giả và quý vị độc-giả.

Lược sử Đông y ở Trung-hoa và Việt-nam

II— Ở VIỆT NAM

Đối với Việt-Nam thì có lẽ Đông-Y xuất hiện vào khoảng 2.000 năm trước đây.

Ngày xưa ở nước ta cũng như ở Trung-Hoa, nhà vua không mở trường để đào tạo các y-sĩ. Tuy nhiên cũng có một vài vị vua chú ý đến y-học và lưu tâm đến sức khỏe dân chúng như:

Đời nhà Trần, Trần-Thái-Tông (1258-1278) mở khoa thi tuyển thầy thuốc vào Thái-y-viện.

Đời nhà Hồ, Hồ-Hán-Thương (1400-1407) đặt ra y-ty trông nom thuốc thang cho dân chúng.

Đời nhà Lê, Lê-Thái-Tổ (1428-1433) sau khi khôi phục được sơn-hà nhận thấy các y-thư bị thất lạc khá nhiều trong mười năm chinh-chiến, vua liền ra lệnh thu thập các các y-thư còn lại và đem in phổ biến trong dân gian. Lê-Thánh-Tông (1460-1497) lập ra viện Tể-sinh giúp đỡ những người già cả hoặc đau yếu, cùng phát thuốc cho dân chúng ở những nơi có bệnh dịch. Trống thời Lê-Thánh-Tông, Thái-Y-Viện gồm có công-đường 3 gian và nghi môn 1 gian, viện Tể-sinh gồm có Công đường 3 gian 2 chái và nghi-môn 1 gian.

Về quan chức và lương bổng của các viên chức y-tế, theo sử sách (1) đời nhà Trần (1225-1400) đã có thiết-lập Thái-Y-viện, các quan chức trong Thái-Y-viện đều thuộc chức nội-nhiệm (2).

Đời nhà Hậu Lê, Lê-Thánh-Tông năm Hồng-Đức nguyên-niên (1470) định lại quan chế, các quan chức trong Thái-Y-viện vẫn thuộc chức nội-nhiệm, đặc biệt tháng 7 năm Hồng-Đức thứ 4 (1473) Lê-Thánh-Tông sai mở khoa thi để tuyển lựa thầy thuốc. Đời Lê-Trung-Hưng, Lê-Gia-Tông niên hiệu Đức-nguyên thứ 2 (1675) qui-định việc y-tế trực thuộc bộ Lễ; Lê-Dụ-Tông niên hiệu Vĩnh-Thịnh thứ 14 (1718) ấn-định lại quan chức cho viện Thái-Y (gồm có: Thái-Y viện Đại-Sứ đứng đầu Thái-Y-viện được phẩm trật chánh ngũ-phẩm, Thái-Y-viện sứ được phẩm trật tòng ngũ-phẩm, Ngự-y chính được phẩm trật chánh lục-phẩm, Ngự-y phó được phẩm trật tòng lục-phẩm, Biện-nghiệm (3) được phẩm trật chánh thất-phẩm, Lương-y chính được phẩm trật tòng bát-phẩm, Lương-y phó được phẩm trật chánh cửu-phẩm, Thiện y (4) được phẩm trật chánh cửu phẩm, viện Tể sinh (gồm có: Tể sinh-đường-sứ đứng đầu viện Tể-sinh được phẩm trật tòng bát phẩm và Tể-sinh đường khán-trân (5) được phẩm

(1) — Lịch-triều hiến-chương loại-chí của Phan-Huy-Chú.

(2) — Chức quan làm việc trong kinh thành

(3) — Có chức vụ bàn bạc về y-sự ở viện Thái-y.

(4) — Thầy thuốc giỏi

(5) — Làm việc ở viện Tể-sinh.

trật chánh cửu phẩm). ngoài ra còn đặt chức Y-học-huấn-khoa được phẩm trật tòng cửu-phẩm và Sinh-dược khố-sứ để trông nom về thuốc được phẩm trật chánh cửu-phẩm, nếu chiếu theo lương bổng ấn định vào đời Lê-Thánh-Tông niên hiệu Hồng-Đức năm thứ 8 (1477) ta thấy :

— Thái-Y-viện Đại-sứ được phẩm trật chánh ngũ-phẩm nên mỗi năm được hưởng 40 quan tiền.

— Thái-Y-viện sứ được hưởng phẩm trật tòng ngũ-phẩm nên mỗi năm được hưởng 33 quan tiền.

— Ngự-y-chính được phẩm trật chánh lục-phẩm nên mỗi năm được hưởng 30 quan tiền.

— Ngự-y-phó được phẩm trật tòng lục-phẩm nên mỗi năm được hưởng 27 quan tiền.

— Biện-nghiệm được phẩm trật chánh thất-phẩm nên mỗi năm được hưởng 24 quan tiền.

— Lương-y-chính, Tế-sinh đường-sứ được phẩm trật tòng bát-phẩm mỗi năm được hưởng 16 quan tiền.

— Lương-y-phó, Thiện-y, Tế-sinh đường khản-trân, Sinh-dược khố-sứ được phẩm trật chánh cửu-phẩm mỗi năm được hưởng 14 quan tiền.

— Y-học huấn-khoa được phẩm trật tòng cửu-phẩm nên mỗi năm được hưởng 12 quan tiền.

6 Cũng đời Lê-Dụ-Tông niên hiệu Bảo-Thái năm thứ 2 (1721) vua sai ban tiền tử-tuất cho các quan chức ở viện Thái-Y như sau : Thái-Y-viện Đại-sứ được hưởng 40 quan tiền, Thái-Y-viện-sứ được hưởng 35 quan tiền,

Ngự-y-chính được hưởng 30 quan tiền, Ngự-y-phó được hưởng 25 quan tiền, Biện-nghiệm được hưởng 30 quan tiền, Lương-y-chính được hưởng 15 quan tiền, Lương-y-phó được hưởng 10 quan tiền.

Dưới thời nhà Nguyễn Minh-mệnh (1820-1840) sửa đổi lại quan chế đặt ra các chức : Thái-Y-viện sứ đứng đầu Thái-Y-viện, dưới vị Thái-Y-viện-sứ có các vị Ngự-y, phó Ngự-y, Y-tả viện-phán, Y-hữu viện-phán, Y-chánh, Y-phó, Thái-y y chánh, và Y-sinh tỉnh.

— Thái-Y-viện-sứ được phẩm trật chánh tứ-phẩm, mỗi năm được hưởng 80 quan tiền, 60 phương gạo và 14 quan tiền xuân-phục.

— Ngự-y được phẩm trật chánh ngũ-phẩm, mỗi năm được hưởng 40 quan tiền, 35 phương gạo và 9 quan tiền xuân-phục.

— Phó Ngự-y được phẩm trật tòng ngũ-phẩm, mỗi năm được hưởng 35 quan tiền, 30 phương gạo và 8 quan tiền xuân-phục.

— Y-tả-viện-phán được phẩm trật chánh lục-phẩm, mỗi năm được hưởng 30 quan tiền, 25 phương gạo và 7 quan tiền xuân-phục.

— Y-hữu-viện-phán được phẩm trật tòng thất-phẩm mỗi năm được hưởng 25 quan tiền, 22 phương gạo và 6 quan tiền xuân-phục.

— Y-chánh được phẩm trật tòng thất-phẩm, mỗi năm được hưởng 22 quan tiền, 20 phương gạo và 5 quan tiền xuân-phục.

— Y-phó được phẩm trật tòng bát-phẩm, mỗi năm được hưởng 20 quan tiền, 18 phương gạo và 4 quan tiền xuân-phục.

— Thái-y y-chánh được phẩm trật chánh-cửu-phẩm, mỗi năm được hưởng 18 quan tiền, 16 phương gạo và 4 quan tiền xuân-phục.

— Y-sinh-tỉnh được phẩm trật tòng-cửu-phẩm, mỗi năm được hưởng 18 quan tiền, 16 phương gạo và 4 quan tiền xuân-phục.

Ngoài ra cũng dưới thời Minh-Mệnh (1820-1840) mỗi khi quân lính di chuyển, nhà vua đặc lệ sai các y-sinh đi theo để săn-sóc sức khỏe, vậy các vị y-sinh ở viện Thái-Y triều Nguyễn được chính-thức cử phụ-trách vấn-đề quân-y đầu tiên ở nước ta. Đến đời Thành-Thái (1889-1907) ở mỗi tỉnh lớn có đặt một vị Y-sinh-tỉnh.

Mặt khác phần đông các danh-y từ trước đây đều xuất thân từ giới nho học, các nho sĩ này chán việc thi cử quay về tìm thầy để nghiên-cứu về y-học. Sau khi hành-nghề nổi tiếng họ tự mở trường đạo tạo các thầy thuốc tinh thông cả y-học lẫn nho-học.

Đối với các y-gia nổi tiếng thì được nhà vua phong chức người ta thường gọi chung là Ngự-y, làm việc trong Thái-Y-viện ở kinh đô, chuyên việc chữa bệnh cho vua và hoàng-tộc, một vài y-gia nổi tiếng khác tuy không được mời vào Thái-Y-viện, nhưng cũng được vua phong chức Điều-hộ, tục gọi là cụ Điều, thường chuyên trị bệnh cho các quan lại địa-phương hay các bậc trưởng-giả trong nước, còn đại đa số các thầy thuốc thì người đương thời bấy giờ gọi là Lương-y, tục gọi là cụ Lang, danh-từ cụ Lang ngày nay vẫn còn dùng để chỉ các vị Đông-Y-Sĩ.

Từ năm 1956 thời đệ nhất Cộng-

Hòa tới năm 1964, Chính-phủ vẫn áp-dụng nghị-định Decoux (1) nhưng các Đông-Y-Sĩ muốn hành nghề thì chỉ cần giấy chứng nhận của Hội-Đồng-Xã ở địa-phương đã hành-nghề và không bị một ai khiêu-nại, không cần giấy chứng nhận đã tập sự ở tiệm thuốc nữa. Các Đông-Y-sĩ hạng A hành nghề lâu năm, được phép dạy học-trò thời-gian học tập ấn định là 3 năm. Ngoài ra các Đông-Y-sĩ xưa và nay thường kiêm luôn cả việc bào chế thuốc. Đặc-biệt vào năm 1962 với nghị-định số 2.148/BYT/PC/NĐ ký ngày 3-7-1962 và bổ-túc bởi thông-cáo số 11.136 ký cùng ngày, bộ Y-tế đã sửa đổi các danh-từ Đông-Y-sĩ, Đông-Dược-sĩ thành Thầy-thuốc-bác và Chế-hoàn-tán, xác-định lại các danh-từ như sau:

— Danh-từ Y-sĩ và Dược-sĩ chỉ dành cho những người có cấp bằng đại-học về y-dược khoa.

— Thầy-thuốc-bác chỉ những người có học y-lý theo sách Hán và các sách dịch, chữa bệnh và kê toa thuốc Bắc hay thuốc Nam.

— Thầy-thuốc gia-truyền chỉ những người biết một vài môn thuốc mà không có học y-lý.

— Chế-hoàn-tán chỉ người hay tiệm bào chế cao đơn hoàn tán.

— Chê thuốc-Bắc chỉ người hay tiệm hốt thuốc theo toa.

Sự sửa đổi danh-từ Đông-Y-sĩ và Đông-Dược-sĩ này không hợp lý, nên bị giới Đông-Y phản-đối kịch-liệt và không thi-hành.

(1) — Nghị-định, này ký ban hành bởi Toàn-Quyền Decoux ngày 17-7-1943 và được bổ-túc bởi văn-thư ký ngày 6-4-1944.

Hiện nay sự hành nghề Đông-Y bị chi phối bởi sắc luật số 9/64 ban hành ngày 29-4-1964, theo sắc luật này thì:

— Đông-Y-sĩ là người có học y-lý theo sách Hán hay các sách dịch về môn Đông-y đã được Bộ Y-tế công nhận đã tốt nghiệp tại một trường Đông-Y công-lập hay một trường Đông-Y ngoại-quốc mà giá trị văn-bằng được Bộ Y-tế công nhận. Các Đông-Y-sĩ có quyền trực tiếp khám bệnh và kê đơn (Điều 4).

— Những thầy thuốc gia-truyền là những người không được học-y-lý nhưng biết chế một vài món thuốc do ông cha để lại và được ghi tên trong một danh-sách kiểm điểm của Bộ Y-tế trước ngày ban hành sắc luật này (Điều 4).

— Đông-Dược-sĩ là người bào-chế cao đơn hoàn tán và các dược-phẩm cổ-truyền (Điều 5).

— Thực-dược-viên là những người buôn bán Đông-dược, tồn trữ các thứ cao, đơn, hoàn, tán để thăng cho công-chúng và hốt thuốc thang theo đơn của các Đông-Y-sĩ, Thực-dược-viên không được làm thuốc, chữa bệnh và kê đơn (Điều 6).

— Sinh-dược-viên được phép nhập-cảng các vị thuốc Bắc, mua bán thuốc Nam nhưng phải để nguyên hình và bán cho các Đông-Y-sĩ, Đông-Dược-sĩ Thực-dược-viên (Điều 7).

— Thuốc cổ-truyền gồm tất cả các sản-phẩm dược liệu gốc ở khoáng-chất, thảo-mộc hay động-vật phải xử-dụng dưới hình-thức thiên-nhiên hoặc chế-biến theo hình-thức cổ-truyền (Điều 2).

— Thầy thuốc gia truyền chỉ được chữa bệnh theo các môn thuốc đã được ghi rõ (Điều 9).

Ngoài ra cũng theo sắc luật trên, các Đông-Y-sĩ, Thầy-thuốc gia-truyền, Đông-Dược-sĩ, Thực-dược-viên, Sinh-dược-viên hành nghề trước năm 1964 đã được Bộ Y-Tế kiểm-kê sẽ tiếp tục hành-nghề không theo các điều-kiện trên, nếu có thiếu sót thì phải khiếu-nại trong vòng 3 tháng.

Mặt khác chỉ có Bộ Y-Tế là cơ-quan độc nhất cấp giấy phép hành-nghề cho các Đông-Y-Sĩ, Đông-Dược-sĩ, Thầy thuốc gia-truyền, Thực-dược-viên, riêng Sinh-dược-viên thì Bộ Kinh-tế sẽ cấp giấy phép hành nghề sau khi hỏi ý-kiến Bộ Y-Tế.

oOo

Tuy chịu ảnh-hưởng sâu đậm của nền y-học Trung-Y, các danh-y Việt-nam vẫn cố gắng tìm cách dùng các dược thảo trồng tại Việt-nam thay thế cho các dược thảo của Trung-Hoa và đa số các y-gia Việt-nam xưa đã dựa vào y-lý của Trung-Hoa mà phát minh ra các phương trị-liệu mới, hợp với cơ-thể và phong-thổ Việt-Nam, làm sáng tỏ nền y-học cổ-truyền của Việt-nam đến nay chúng ta cũng phải khâm phục. Những danh-y của Việt-nam gồm có:

— Theo sử sách thì người nổi tiếng trong y-giới đầu tiên ở nước ta (1) là

(1) Đối với khoa châm-cứu nước ta có hai người nổi tiếng là Thôi-Vĩ sống vào khoảng đời nhà Thục (257-208t TL) và Trâu-Canh vào đời nhà Trần, cả hai đều là người Tàu nhưng hành nghề ở nước ta. Trâu-Canh đã dùng khoa châm-cứu chữa cho vua Trần-Dụ-Tông (1341-1369) lúc vua bị chết đuối hụt ở Tây-hồ và lúc vua mắc bệnh liệt dương, nhiều sách cho rằng Trâu-Canh chính là một người Việt tên Trần-Canh nhưng theo Việt-Sử tiêu-án của Ngô-thời-Sĩ thì Trâu-Canh là người Tàu và cha Trâu-Tấn, theo quân Nguyên sang xâm-lấn nước ta, sau đó ở lại hành nghề thuốc tại núi Long-Châu.

sư Tuệ-Tĩnh sống vào khoảng thời nhà Đinh và Tiền-Lê (968-1005), người làng Văn Thái, huyện Cẩm-Giăng, phủ Ninh-Giang, tỉnh Hải-Dương, tinh thông nho học, sau khi xuất gia, sư sang Tàu học được nghề thuốc và nha-khoa, trở về nước sư trụ trì tại chùa Hồng-Vân ở phủ Đa-Phúc tỉnh Phúc-Yên, chữa bệnh cho rất nhiều người, sư có soạn ra sách Nam dược ghi chép tính dược của các vị thuốc Nam. Về sáu vào thế-kỷ 17 cũng có một vị sư soạn ra sách nói về tính chất của các dược thảo Việt-nam đó là sư Huệ-Tĩnh người làng Nghĩa-Phú, huyện Cẩm-Giăng, phủ Ninh-Giang, tỉnh Hải-Dương sư trụ-trì tại chùa Hộ-Xá ở huyện Giao-Thủy (nay thuộc phủ Xuân-trường tỉnh Nam - Định), sư trước tác ra là cuốn Nam-dược chính bản còn gọi là Hồng-Nghĩa giác-tư y-thư, sách này được in lại năm Khải Định thứ 7 (1922) tại Hà-Nội dưới tên khác là Nam dược thần-hiệu gồm 11 quyển (1).

— Đời Lý-Thần-Tông (1128-1138) năm Thiên-Chương Bảo Tự thứ 4 (1136) có sư Nguyễn-Minh-Không người làng Diêm-Xá, huyện Gia-Viễn, tỉnh Ninh-Bình (2) dùng phép thôi miên và sự tắm chữa khỏi bệnh nhà vua, sau được vua phong cho chức quốc-sư. Sư tên thật là Nguyễn-Chí-Thành và là học trò của nhà sư Từ-đạo-Hạnh, sư mất năm Đại định thứ 2 (1141) đời vua Lý-Anh-Tông thọ 76 tuổi. Hiện nay ở làng Diêm-Xá tỉnh Ninh-Bình, ở phủ Xuân-Trường tức huyện Giao-Thủy khi xưa tỉnh Nam-Định và ở huyện Phả-Lại tỉnh Hải-Dương đều có tượng thờ sư trong các đền thờ. Sự chữa trị của sư được tương truyền như

sau : năm Thiên-Chương Bảo-tự thứ 4, vua Thần-Tông mắc một bệnh kỳ lạ, khắp mình đau đớn, gằm la như muốn hóa hổ, nhiều vị danh-y chữa trị mà không kiến-hiệu, sau đó bà Thái-hậu nhân nghe thấy trẻ con hát đại khái là muốn chữa bệnh cho vua phải mời ông Nguyễn-Minh-Không Thái-hậu liền sai mời sư đến, sư sai lấy nước hòa thuốc đun lên tắm cho vua và trình bày thuyết nhân quả cho vua nghe, vua hốt nhiên giác ngộ mà khỏi bệnh (tục truyền vua Thần-Tông là kiếp sau của sư Từ Đạo-Hạnh).

— Đời vua Trần-Anh-Tông (1293-1313) có Phạm-Công Bân giữ chức Thái-Y phán nổi tiếng danh-y và trung-trực không xu-phụ kẻ quyền-quí.

(1) Theo sự khảo cứu gần đây của Trần-văn-Giáp thì sư Huệ-Tĩnh là sư Tuệ-Tĩnh. Sư tên thật là Nguyễn-Bá-Tĩnh; người làng Nghĩa-Phú, đỗ Thái-học-sinh đời Trần-Dụ-Tông, nhưng không ra làm quan, đi tu và trụ trì tại chùa Hộ-Xá. Sư thường chu du khắp nơi đề nghịên-cứu các vị thuốc và có sang chữa bệnh cho Hoàng-hậu nhà Minh, được vua Minh phong cho chức Đại-y thiên-sư. Tác-phẩm có : Nam-dược thần-hiệu, Thập tam-phương gia-giảm, và Thương-hàn tam-thập-chủng.

(2) Nhiều sách chép sư là người làng Đàm-Xá phủ Tràng-An tỉnh Nam-Định, mà không ghi huyện Gia-Viễn (ở Việt-sử tiêu-án của Ngô-thời-Sĩ có ghi rõ sư ở huyện Gia-Viễn). Nhưng thực ra sư người làng Diêm-Xá huyện Gia-Viễn tỉnh Ninh-Bình. Ở đây phủ Tràng-An là tên cũ đề ám chỉ nơi vua Đinh-Tiên-Hoàng đóng đô sau đời là huyện Gia-Viễn. Ngoài ra trong văn-bia ở đền thờ sư tại làng Diêm-Xá có câu :

Đại-Hữu sinh vương, Diêm-giang sinh thánh. nghĩa là làng Đại-Hữu thuộc huyện Gia-Viễn tỉnh Ninh-Bình sinh ra vua Đinh-Tiên-Hoàng và làng Diêm-Xá cũng thuộc huyện Gia-Viễn tỉnh Ninh-Bình sinh ra sư Nguyễn-Minh-Không (tại làng Diêm-Xá có con sông chảy ngang trước đền thờ sư nên ở đây dùng chữ Diêm-Giang).

Một hôm có người mời ông đi chữa bệnh cho người nhà bị chứng thương thổ hạ tả mà khí-lực đã suy kiệt lắm. Ông đứng lên đi liền, ngay khi vừa ra tới cửa gặp Thái-giám đến đưa thánh-chỉ truyền triệu ông vào cung chữa bệnh cho một cung-nhân, ông nói với Thái giám « Nhà người cứ về trước, ta sẽ vào sau ». Viên Thái-giám không nghe, nói có thánh-chỉ ông phải vào ngay cung để chữa bệnh cho cung-nhân. Ông ung dung trả lời « Nhà người về tâu với thánh-thượng ta cần đi cứu một mạng người đã, còn bệnh của cung-nhân không quan-hệ lắm, thông-thả bốc thuốc cũng được. » Nói xong ông ra đi và khi chữa bệnh xong trở về vào thẳng trong cung tạ-tội. Vua Anh Tông trách là trái mệnh. Ông tâu: «Ơn vua là tình riêng mà cứu người là nghĩa chung của thầy thuốc, vả lại cứu bệnh như cứu hỏa, nên thần biết phạm tội mà cứ phải đi, nay xin đến chịu tội ». Vua Anh-Tông khen là biết nghĩa làm thầy thuốc và thưởng cho ông rất hậu.

— Vào cuối đời nhà Trần có Phan-Phu-Tiên tự là Tín-Thần, hiệu là Mặc-Hiên, người xã Đông-Ngạc huyện Từ-Liêm phủ Hoài-Đức tỉnh Hà-Đông đỗ Thái Học-sinh (sau đôi là Tiến sĩ) khoa Bính-Tý (1396) niên hiệu Quang-Thái thứ 9 triều Trần-Thuận-Tông. Năm Thuận-thiên thứ 2 (1429) đời Lê-Thái-Tổ ông lại đỗ thêm khoa Minh-kinh, giữ chức Tri-quốc sử-viện, sau giữ chức Quốc-tử Bác-sĩ tại Quốc-tử-giám. Tuy là một nho-sĩ thành công trên đường khoa-cử, ông cũng chú-trọng tới y-học, năm 1429 đời Lê-Thái-Tổ đã soạn ra cuốn Bản-thảo thực-vật toàn-yếu (1).

— Năm Thiên-Thành thứ hai (1402), Hồ-Hán-Thương đặt ra ty Quảng-Tể giao cho Nguyễn-Đại-Năng, người ở Giáp Sơn, rất giỏi về y-thuật nhất là khoa châm-cứu, làm Quảng-tể tự-thừa trông nom việc chữa bệnh cho quân lính và dân chúng. Sau Nguyễn-Đại-Năng được giữ chức Quảng-Tể-lệnh kiêm giữ dinh Bình-Qua và coi đạo quân Sùng-Uy.

— Đời nhà Lê (1428-1788) theo tục truyền có ông Tả-Ao người làng Tả-Ao, huyện Nghi-Xuân, tỉnh Hà-Tĩnh, tên thật là Nguyễn-Đức-Huyền (có sách chép là Hoàng-Chỉ), thuở nhỏ có sang Tàu học nghề chữa mắt để về chữa mắt cho mẹ. Ở Trung-Hoa không những học được nghề chữa mắt mà ông còn học được nghề địa-lý, chính ông đã chữa khỏi bệnh mắt lòa cho một thầy địa-lý của Trung-Hoa nên được thầy địa-lý này truyền cho nghề phong-thủy. Về nước ông đã chữa khỏi bệnh mắt lòa cho mẹ, nhưng chỉ tiếc ông không hành nghề thuốc mà chỉ chuyên hành nghề địa lý, ông thường hay đi cắm đất vào đời các vua Thánh-Tông (1460-1497) Hiến-Tông (1497-1504) và Uy-Mục (1505-1509). Ông mất năm 65 tuổi và được phong làm Phúc thần.

— Đời nhà Lê vào thời kỳ Lê-Trung-Hưng có Hải-Thượng Lân-Ông tên là Lê-Hữu Huân có sách chép là Lê-Hữu-Trác, người xã Liêu-Xá huyện Đường-Hào phủ Thượng-Hồng tỉnh Hải-Dương (hay thuộc huyện Yên-Mỹ tỉnh Hưng-Yên) sinh năm 1724.

(1) — Ngoài ra ông còn soạn các bộ sách như Đại-Việt sử-ký tục-biên, Quốc-triều luật-định và Việt-âm thi-tập.

con thứ bảy của quan Thượng Thư Lê Hữu Kiều, đỗ Hương-cống (sau đổi là Cử-nhân) nhưng không chịu làm quan, năm 34 tuổi tìm thầy học thuốc, sau nổi tiếng là một vị danh-y và ẩn-cư ở quê ngoại huyện Hương-Sơn tỉnh Hà-Tĩnh, cuốn sách ông ưa thích nhất là bộ Phụng-thị cảm-nang của Phùng-Triệu-Trương, ông đã từng vào phủ Chúa Trịnh chữa bệnh cho Tĩnh-Đô-Vương Trịnh-Sâm và thế-tử Trịnh-Cán. Ông trước tác ra bộ Y-tông tâm-jinh còn gọi là Lãn-Ông-Y tập gồm có 66 quyển khảo-cứu về y-học và được thảo truyền lại cho hậu-thế, ngoài ra ông cũng viết tập Thượng-kinh ký-sự (1) để kể lại việc tiến kinh chữa bệnh ở phủ Chúa Trịnh, mất năm 1791 hưởng thọ 68 tuổi, ngày giỗ nhằm vào ngày 15 tháng giêng âm lịch, giới Đông-Y ngày nay tôn ông là y-tổ. Để giải bày tâm sự trong đời làm thuốc, ông Lãn-Ông có sáng-tác bài thơ sau đây:

*Khuy vọng Hiên kỳ trấp tải dư
Hàn ôn khảng phóng án đầy thư
Chương trung họa phúc tâm di cụ
Hung thứ phương viên thân bất như
Thực hạnh khởi kham đồ hậu báo
Huyền hồ ngẫu hữu cổ cùng lư
Công danh đại bệnh thâm nan liệu
Đạo đức y-khoa kiện khởi cư (2)
Bản dịch của Vũ-Đôi :*

*Theo dõi Hiên-Kỳ đã khá lâu
Vui buồn kinh sách vẫn nghiên cần
Trong tay họa phúc còn lo lắm
Bền dạ vững tròn đã chắc đần
Trông hạnh há nào mong kẻ báo
Treo hồ nhớ có tới nhà lau
Công danh bệnh ấy sao mà khó
Đạo đức y-khoa rất nhiệm màu.*

— Cũng vào thời nhà Lê-Trung-Hưng (1533-1788) có Nguyễn-Quý người xã Xuân-Dục tỉnh Hưng-Yên, nguyên là chân Giám-sinh được bổ tri-huyện Tiên minh nay là huyện Tiên-lãng tỉnh Kiến-An, tính tình vui-vẻ học được y-thuật chính truyền, chữa bệnh thần diệu cùng án mạch rất tinh t rởng và được Chúa Trịnh-Sâm (1767-1782) tin dùng, năm 70 tuổi vẫn khỏe mạnh. Truyện ông được Phạm-Đình-Hồ thuật lại trong Vũ trung tùy-bút như sau :

«Biểu huynh ta (Phạm-Đình Hồ tự xưng) là Phạm-Tồn-Kiến, nhân vợ mắc phải chứng sản-hậu đau bụng huyết thống thành hòn, cụ (tức Nguyễn-Quý) bảo sắc một lạng toàn-quí, mài ba đồng nhục-quế, uống khởi liền. Học trò hỏi cụ sao không lập thành bài, cụ bảo rằng

(1) — Theo Vũ-trung tùy-bút của Phạm-Đình-Hồ thì ông ẩn cư ở Nghệ-An, và còn làm thêm các sách Mộng-trung-giác và Chấn đấu chuẩn-thăng.

(2) — Theo đời sự nghiệp của ông Hiên và ông Kỳ (Hiên-Viên và Kỳ Bá) hơn 20 năm.

Lúc lạnh lúc ấm tức lúc vui, lúc buồn chẳng rời sách ở đầu án. Nghĩ tới họa-phúc ở trong tay mà tâm còn lo sợ.

Trong ngực vuông hay tròn than rằng chưa bằng (ý nói học thuật chưa bằng cổ nhân).

Trông hạnh (xem Đồng-Phụng) đâu dám mong sau này được báo đáp.

Việc treo hồ-lô ở cửa đề ngẫu nhiên có người bệnh biết mà đến (ngày xưa các thầy thuốc dùng hồ-lô đựng thuốc nên có câu «Huyền hồ nhập thị» nghĩa là đeo hồ-lô vào chợ đề ám chỉ các thầy thuốc).

Công danh là cái bệnh lớn sâu và khó chữa. Khoa thuốc mới là khoa đạo đức giúp mình khỏe mạnh trong sự ẩn cư.

● huyết ngộ hàn thì nó đọng lại, gặp nóng thì nó tan ra, chỉ hai vị kia là khỏi, cần gì phải lập thành bài. Anh thứ ta nhân khi vợ mắc bệnh uống lầm phải đại hoàng, bụng phát trướng, khát nước, đại tiểu tiện đều bế tắc, mời cụ án mạch, cụ bảo không can chi, chỉ cho uống một lạng dương sâm, năm đồng ngưư-tất, 3 đồng phụ-tử, uống song là tiêu ngay. Nho sinh Nguyễn-Viện phải chứng phù thũng đã phát mê sảng, cụ cho uống 1 thang Phụ-tử lý-trung gia đại-hoàng cho hạ lợi cũng khỏi liền. Còn như xem mạch cho ông Giám-sinh Nguyễn-Thắng, cụ biết rằng sang năm tất mắc phải bệnh to, xem mạch cho anh thứ ba ta biết rằng ba năm nữa thì chết, sáu quả nhiên đều chết cả. Còn nhiều việc công hiệu nữa không thể kể xiết được. Xem 卅 thì biết cụ án mạch rất tinh-tường».

Cuối thời Lê có Nguyễn-Gia-Phan tên cũ là Thễ-Lịch, người làng An-lung, huyện Từ-liêm, phủ Hoài-Đức tỉnh Hà-Đông. Con của Xứng-Thọ-Hầu Nguyễn-Thễ-Xứng, năm 16 tuổi đỗ Hương-cống, năm 27 tuổi đỗ Đồng Tiến-sĩ (khoa Ất-Mùi tức năm 1775 niên-hiệu Cảnh-hưng thứ 36 đời Lê-hiền-Tông) rất giỏi nghề thuốc, làm quan tới chức Tham tri chính-sự kiêm Bồi-tụng đời Lê-Chiều-Thống, đời vua Quang-Trung nhà Tây-Sơn ông cũng được trao chức Thị-trung Hiệp-biện học-sĩ sau thăng Lại-bộ Thượng-Thư. Sau khi vua Gia-Long thống nhất sơn-hà, ông lui về cố hương hành nghề thuốc, vua Gia-Long đã từng triệu ông vào kinh mấy lần để trị bệnh, mất năm 1829 thọ 81 tuổi. Tác phẩm có: Lý-âm phương-pháp thông-lục, Tiểu-nhi

khoa, Liệu-dịch phương-pháp toàn-thư và Thai-sản điều-lý phương-pháp.

— Đời nhà Nguyễn có một số danh-y và học-giả nghiên-cứu về thảo-mộc như :

● Đời Gia-Long (1802-1819) lấy hai danh-y là Nguyễn-tiến-Hậu làm Y-chánh, Đoàn-hoang-Hoăng làm Y-phó và lấy cai-bạ Trần-văn-Đại để trông nom việc thuốc.

● Nguyễn-thế-Chuẩn hiệu là Đức-Khê thụy là Thanh-Trai, người làng Mỹ-Kê, phủ Bình-Giang, tỉnh Hải-Dương, sinh năm 1794 đời Tây-Sơn, học trò của Phạm-đình-Hổ, có đi thi nhiều lần nhưng không đỗ quay ra học nghề thuốc và được nổi tiếng là danh-y, ngụ ở phố Hàng Bún Hà-nội. Nhân chữa khỏi bệnh lở loét ở chân của vợ viên Tổng-đốc Hà-nội là Nguyễn-hữu-Tâm, Nguyễn-hữu-Tâm sai thiết-lập sinh-tử ông ở phố Hàng Bún Hà-nội để trả ơn. Năm Thiệu-Trị thứ hai (1842) vua ra Bắc-tuần nhận sách phong của nhà Thanh, Nguyễn-hữu-Tâm liền tiến-cử ông, vua Thiệu-Trị sai Trương-đăng-Quế xét hư thực rồi bổ nhiệm ông làm Thái-y-viện Phó-Ngự-y nhưng ông vin cớ có mẹ già hết sức từ-chối. Ông mất ngày 29-2 âm lịch năm Quý mào (1843) thọ 50 tuổi, theo gia-phả ông có để lại một tập thơ chữ Hán và một quyển sách xem mạch cùng nhiều bài thuốc gia-truyền.

● Đặng-xuân-Bảng tự là Hi-Long hiệu là Thiện-Đình, người xã Hành-Thiện phủ Xuân-Trường, tỉnh Nam-Định, sinh năm 1827, đỗ Tú-tài hai khoa Bình-ngọ (1846), và Mậu-Thân (1848), trúng cử-nhân

khoa Canh-tuất (1850), đậu Tiến-sĩ khoa Bính-thìn niên hiệu Tự-Đức thứ 9 (1856) giữ chức Tuần-phủ Hải-Dương vì để mất thành nên bị cách, sau khởi phục hàm Quang-Lộc-Tự-Thiếu-Khanh lĩnh chức Đốc-học tỉnh Nam-Định, ông thích nghiên-cứu về thiên-văn, y-học nhất là dược-thảo, người đương thời bầy giờ cho ông là người học nhiều biết rộng, năm Thành-Thái thứ 13 (1901) ông soạn ra bộ Nam-phương danh-vật khảo gồm 2 quyển (1).

● Nguyễn-miền-Thanh tự là Giản-Trọng, hiệu là Quân-Bình, sinh năm Minh-Mệnh thứ 11 (1830), là con thứ 51 của vua Minh-Mệnh, được phong chức Trấn-biên Quận-Công. Ông thể chất ốm yếu nên thích nghiên cứu về y-học, năm 1865 có vào chữa bệnh cho vua Tự-Đức, con ông là Hồng-Vĩnh cũng nổi tiếng làm thuốc hay, Ông mất năm 1877. Ông không có làm sách thuốc như có soạn một số sách ghi chép thi ca của mình (2).

● Nguyễn-Tĩnh tự là Hành-Đạo, hiệu là Nông-Hà người làng Gia-Miêu, Huyện Tống Sơn (nay là Huyện Hà-Trung, tỉnh Thanh-Hóa) năm Tự-Đức thứ 7 (1854) được bổ Hàn-lâm trước-tác giữ chức Tri-huyện Thọ-Xương (Hà-Nội), sau được thăng làm Tổng-đốc Thanh-Hóa. Ông có lập nhà chữa thuốc cho dân chúng, nghiên-cứu y-học và soạn ra sách Tể-nhân dược-hiệu (3). Ông mất năm 1880.

● Lê-trác-Du hiệu là Hồng-Sinh Đường không biết quê quán ở đâu, năm 1858 niên-hiệu Tự-Đức thứ 11, có soạn ra bộ Nam-thiên dược-bảo toàn-thư gồm 5 quyển

ghi chép các bài thuốc gia-truyền của thuốc Nam lẫn thuốc Bắc.

● Đỗ-minh-Luân người huyện Kim-Bảng tỉnh Hà-Nam, sống vào cuối đời Tự-Đức, được phong-chức Điều-hộ, (4) các quan ở Hà-Nội mỗi lần bệnh đều phải mời ông chữa giúp, ông có làm ra bộ Y-lý toàn-khoa, sách chia làm 2 phần : phần thứ nhất nói về âm dương, ngũ hành, ngũ vận, lục-khí, vinh vệ, lục phủ, ngũ tạng, mỗi thứ có một bài phú nôm do ông soạn ra ; phần thứ hai nói về sát thanh sắc bí-quyết của Biển-Thước, mạch lý, tính dược, bát-quái-đồ, cổ phương, phụ khoa, nhi khoa, trị chứng nan-y thời phương và phép nấu cao.

● Trần-văn-Cận tự là Nghiễn Nông, hiệu là Miện-Hải, người làng Từ-Ô, huyện Thanh-Miện, tỉnh Hải-Dương (nay là thôn Từ-Ô, xã Tân-Trào), sinh năm 1858, mất năm 1938 niên hiệu Bảo-Đại thứ 13 và thọ 81 tuổi. Niên hiệu Thành-Thái năm thứ 6 (1894) ông đậu Cử-nhân nhưng không ra làm quan lui về nhà dạy học và nghiên-cứu thuốc. Ông còn bút-danh là Trần trọng-Bính, tự là Hồ-Văn, hiệu là Nguyệt Phương. Ông soạn ra cuốn Nam-bang thảo-mộc, sách này được đề dưới bút hiệu là Nhâm-Ngọc, ghi chép hơn 100 thứ thảo-mộc của nước ta. (5)

(1) Tác-phẩm còn có : Độc-Sử bị khảo và Thiện-đình Việt-sử.

(2) — Tác-phẩm có : Thuận-an thi, Quân-đình thi-thảo, Đào-trung thi-tập.

(3) — Tác-phẩm còn có : Nông-hà thi-văn sao, Sĩ-học trát-ký, Hà-đê tấu-tập.

(4) — Chức Điều-hộ không được hưởng lương bổng.

(5) — Tác-phẩm còn có : Thúy-Sơn thi-tập, Văn-uyên kim hửu, Quốc-triều thi-lục.

● Nguyễn-công-Bảo không biết quê quán ở đâu, sống vào đời Thành-Thái (1889-1907) soạn ra sách Bản thảo thực-vật (1)

● Phạm-văn-Bảng sống vào đời Duy Tân (1906-1916) người xã Nhuận-Ốc, phủ Yên-Khánh tỉnh Ninh-Bình, giỏi y-thuật, được phong chức Điều Hộ. Ông xem mạch rất tinh ; tương truyền mẹ của viên Tri-phủ Yên-Khánh mắc bệnh đã lâu, các thầy thuốc trong vùng đều cho là sắp chết, lúc mời ông tới ông xem mạch bảo không việc gì và liền bốc cho một thang thuốc uống xong quả nhiên khỏi. Lại nữa, một người bạn thân ông ở xã Duyên-Mậu phủ Yên-Khánh tỉnh Ninh-Bình mời ông sang ăn gỏi cá, đùa nhờ ông xem mạch thử ông nắn mạch và bảo nội trong năm sẽ mắc bệnh nặng mà chết, sau cũng đúng như vậy.

● Bùi-thúc-Trình sống vào cuối đời Duy Tân, hiệu là Anh-Xuyên, thường gọi là Nhất-Trung, người làng Quần-Anh, huyện Hải-Hậu tỉnh Nam-Định, tinh thông nho-học và y-học, có đi thi mấy lần nhưng không đạt được ý nguyện chỉ đỗ nhất trường, sau trở về quê quán

chuyên nghiên cứu y-học và mở trường dạy nghề thuốc, học trò tới học rất đông và được nổi tiếng là bậc y-sư lỗi lạc vào thời bấy giờ. Ông trước tác ra các bộ sách sau :

Sơ-thí 2 quyển, Vệ-sinh yếu-chỉ 8 quyển và bộ Hội-Anh.

● Đinh-nho-Chấn không biết rõ quê quán ở đâu, năm Khải-Định thứ 8 (1923), có soạn ra cuốn Trung-Việt được-tính hợp biên.

● Nguyễn-kế-Ngoạn, hiệu là Âu-Đam đỗ Tú-tài khoa Kỷ dậu (1909) năm Duy Tân thứ 3, người làng Tiên-Tiến, phủ Yên Khánh tỉnh Ninh-Bình, nổi tiếng tinh thông y-lý, học-trò các nơi tới nghe ông giảng sách về y-học rất đông.

● Nguyễn-văn-Khoan, sống vào đời Duy Tân (1907-1916) và đời Khải-Định (1916-1925), người làng Thạch Cầu, phủ Gia-Lâm, tỉnh Bắc-Ninh, nổi tiếng về môn ngoại-khoa, khắp nơi biết tiếng. Ông ở làng Thạch-Cầu nên thường gọi là ông lang Thạch-Cầu.

Dược sĩ ĐỖ ĐÌNH TUÂN

(1) — Tác-phẩm còn có : Tô-giang chí-thủy.

Chúc Mừng

Được hồng thiệp báo tin em : TÔN NỮ LỆ-CHI và VÕ ĐĂNG-LẠC, vâng lệnh song thân làm lễ Đính Hôn tại HUẾ ngày 30-6-1971 (nhằm ngày 8 tháng 5 Tân Hợi).

Chúc hai em đẹp duyên cầm sắt.

TÔN THẮT HÀM, TRẦN THỊ THU THANH, TÔN THẮT NHÃN.

Vấn đề cắt bỏ tử-cung so với lối chữa trị bằng phép nhịn ăn

Một thiếu-phụ 31 tuổi, mẹ hai đứa con, đau ở dạ dưới và bị băng huyết. Bác-sĩ khám thấy có những mụn bứu xơ trong tử-cung và khuyên cắt bỏ tử-cung. Bà ta đến khám một bác-sĩ chuyên về phụ-khoa và nghĩ rằng bác-sĩ này sẽ xác-nhận bệnh-căn và sẽ thi-hành việc giải-phẫu.

Nhưng ông bác-sĩ phụ-khoa lại tỏ ra rất vững tâm mà bảo rằng :

— Trong tử-cung đúng là có mấy cái bứu xơ nhưng đó là những mụn vô-hại và trong trường-hợp này sự giải-phẫu không cần-thiết lắm. Bà còn có thể sanh nhiều con cái nữa và đừng có lo sợ bệnh ung-thư vì những mụn bứu xơ này rất ít khi thoái-hóa thành hình-thức ác-tánh. Dĩ nhiên muốn cho bảo-đảm chắc-chắn thì bà nên thường xuyên theo dõi bệnh-trạng.

Đáng lẽ ra lộ vẻ vui mừng mới phải, nữ bệnh-nhân này lại tỏ ra hoài-ngĩ những lời quyết chắc của vị bác-sĩ nhân-hậu kia. Bà ta một hai năng-năng đòi được cắt tử-cung.

Cắt bỏ tử-cung (hystérectomie), một danh-từ lạ-lùng trước đây chỉ được lưu-hành trong giới y-khoa. Ngày nay danh-từ này thường được các bà đưa vào các câu chuyện và hàng năm một số càng ngày càng nhiều phụ-nữ mà đa số đang độ thanh-xuân chịu sự giải-phẫu này làm cho họ không còn sanh con đẻ cái gì được nữa.

Sự cắt bỏ tử-cung chỉ áp-dụng trong trường-hợp bất-khả-kháng để cứu mạng nữ bệnh-nhân hoặc đưa họ ra khỏi tình-trạng bệnh-tật liên-miên dài-dặc... Người ta có thể phải cắt bỏ tử-cung trong trường-hợp mụn ác-tánh hoặc là có một mụn bứu xơ to lớn tạo ra những biến-chứng gây nhiều đau-đớn và băng huyết mà các chữa-trị khác hoặc một sự giải-phẫu nhỏ đành vô-hiệu. Đôi khi cần thì phải cắt bỏ buồng trứng và cả vòi Fallope nữa.

Nhưng ngày nay người ta thường cắt bỏ tử-cung một cách không được thận-trọng lắm nên nhiều bác-sĩ thường gọi là «giải-phẫu vô-duyên». Ta không nên quên rằng đây là một cuộc đại giải-phẫu. Thật vậy, những sự tiến-bộ về kỹ-thuật, những thuốc kháng-sinh mới cũng chỉ giảm bớt mức tử-vong trong sự giải-phẫu được chừng 2% mà thôi. Nói cho đúng ra thì sự cắt bỏ tử-cung làm cho nhiều người đỡ lo-sợ sự thai-nghén và cơn ác-mộng hão-huỳnh về bệnh ung-thư tử-cung.

Vì những lý-do này mà thường chẳng cần thuyết-phục dài dòng, người nữ bệnh-nhân cũng chẳng hề phản-đối gì về việc giải-phẫu. Trái lại can ngăn họ đừng giải-phẫu lại là việc khó hơn nhiều.

Tuy vậy, trách-nhiệm một sự giải-phẫu vô-ích và bất-nhân không phải hoàn-toàn thuộc phần người bệnh. Sự

chẩn bệnh, sự khuyển mổ xẻ và công chuyện giải-phẫu đều là trách vụ của các bác-sĩ. Từ những năm gần đây, trong nhiều giới y-khoa người ta thường có cảm-tưởng rằng có quá nhiều vòi Fallope và buồng trứng lạnh-mạnh đã trả một món triệu cống quá lớn cho món thời-trang giải-phẫu.

Trong tập « *Kỹ yếu Hiệp-hội Y-khoa Mỹ-châu* » đề ngày 29-3-1952, bác-sĩ Doyle tường-trình sau một cuộc điều tra thật chu-đáo 546 trường hợp cắt buồng trứng bình thường hoặc hầu như bình-thường vì lý-do sợ có bướu xơ hoặc bướu nước.

Cắt cặp buồng trứng làm người đàn-bà tuyệt-sản và gây ra sự tấtkinh; chừa lại một buồng trứng, người đàn-bà còn có thể sinh đẻ được nếu tử-cung được giữ yên-lạnh. Tuy thế Bác-sĩ Doyle khám-phá ra rằng sự cắt bỏ tử-cung đã được đặc-biệt thi-hành nơi 153 thiếu-phụ từ 20 đến 39 tuổi còn có thể sinh con đẻ cái được!

Tại sao lại có nhiều cuộc giải-phẫu không chính đáng như vậy?

Người ta có thể xác-nhận rằng phần lớn những vụ cắt bỏ tử-cung vô-lý như vậy được thi-hành là do sự cầu thả: quả vậy, thật ra chỉ vì thiếu suy-nghĩ, thiếu cố-gắng, thiếu cần-mẫn, thiếu lương-tâm rồi người y-sĩ mới quyết-định bừa như thế hơn là để chút ít lương-tri, chút ít thì giờ chịu khó nghiên-cứu kỹ-lưỡng, so tính hơn thiệt cho tương-lai người bệnh và khuyên-giải người bệnh đừng dặt-dột nghĩ đến sự giải-phẫu tai-hại kia.

Phần đông những quyết-định tàn-nhân hấp-tấp này đã đặt trong những trường

hợp không có gì là cấp-cứu cả chẳng hạn là những trường-hợp bị bướu xơ. Trong một số khác của tạp-chí này, Bác-sĩ Robert Frank nghiên-cứu 916 trường-hợp bướu xơ tử-cung lấy trong tử hồ-sơ của bệnh-nhân của ông thì chỉ có 5 trường-hợp là cấp-cứu và trong 5 trường-hợp này chỉ có 2 trường-hợp là chính thật cấp-cứu vì bướu xơ mà thôi.

Bác-sĩ Frank xác-nhận rằng các bà các cô thường hoảng sợ điên đảo khi hay tin mình bị bướu xơ trong tử-cung. Ông thúc-giục các bác-sĩ nên giảng-giải cho các bệnh-nhân của họ hiểu rằng bướu xơ ít khi đòi hỏi một sự chữa trị cấp-cứu, nó ít khi thoái-hóa thành ung-thư và trên phần nửa chỉ cần thuốc thang săn sóc chứ chẳng phải mổ xẻ gì hết. Những cục bướu xơ nhỏ ở cực trên tử-cung thường chẳng trở ngại gì cho sự thai-nghén cũng như việc sinh-sản; cuối cùng là đến thời-kỳ tấtkinh thì chúng thường tự tiêu dần và biến mất.

Lập-trường bảo-vệ tử-cung càng ngày càng được các bác sĩ phụ-khoa ủng-hộ. Năm 1951, 3 bác-sĩ phụ khoa đã phúc-trình trong tập « *Kỹ yếu Mỹ châu về Sản-khoa và Phụ-khoa* » kết-quả nghiên-cứu trên 88 bệnh-nhân mắc chứng bướu xơ được thường xuyên theo dõi. 82 bệnh-nhân mắc chứng bướu xơ chẳng những tránh được việc giải-phẫu mà sức-khỏe được cải thiện vô cùng tốt đẹp.

Làm sao chấm dứt những cuộc giải-phẫu bừa-bãi phi-lý kia? Đây là hai ý-kiến hay ho gợi ra do những danh-y giàu đạo-đức:

1.— Bắt buộc phải có sự đồng ý của bác-sĩ phụ-khoa và một bác-sĩ giải-



phẫu khi đặt vấn đề mổ-xẻ hoặc cắt bỏ tử-cung. Biện-pháp tương-tự đã giảm bớt được một số trường-hợp để xẻ tử-cung phi-lý (césarienne injustifiée).

2.— Nhà giải-phẫu vẫn tâm mình mỗi khi đứng trước một trường-hợp cắt bỏ tử-cung, tự đặt trường-hợp đây là vợ mình hay con gái mình, trong cùng những điều-kiện như vậy mình có cam tâm cắt bỏ tử-cung của vợ con mình hay không ?

Nếu quý vị còn cảm thấy có ít nhiều nghi-vấn hay còn đôi chút ngập-ngừng thì xin quý vị hãy khoan tay cho và tìm một cách trị-liệu khác để cứu vớt cho một kẻ hồng nhan khỏi sa vào vòng mệnh bạc !

Theo bác-sĩ Bayle, bệnh bướu xơ mà người ta thường gọi là bệnh tử-cung sượng rất thông thường có đến 20% phụ-nữ mắc phải. Bướu xơ thường-phát-sinh trong thời-kỳ từ 20 đến 45 tuổi và đa số phụ-nữ thường mắc phải là những người trên 35 tuổi mà không sinh đẻ lần nào. Chứng bướu xơ không mấy khi xuất-hiện lần đầu tiên sau thời-kỳ tắt kinh. Bướu xơ phát sinh dưới nhiều hình-thức : Cục bướu có khi nằm dưới niêm-mạc phía trong tử-cung, lớn lên và phình ra trong lòng tử-cung. Bướu này có khi dài ra như cái cuống và thò ra khỏi cổ tử-cung. Cục bướu có khi nằm trong bề dày của cơ tử-cung, có khi nằm dưới tương-mạc ; có khi có nhiều cục trong tử-cung làm cho nó thành méo-mó. Bệnh tử-cung có bướu xơ có triệu-chứng chánh là xuất-huyết, ban đầu là đường kinh nhiều và dầy dụa và huyết hay đông thành cục. Sau một thời-gian thì lại xuất huyết ngoài thời-kỳ kinh-nguyệt.

Tây y không có thuốc để trị bướu xơ tử-cung. Kích-thích-tổ Nam đã lỗi thời và phản tác-dụng, quang-tuyến X hoặc Radium thì càng dễ làm các tế-bào thoái-hóa thành ung-thư. Người ta chỉ cho thuốc để trị những biến-chứng do bướu gây nên thông thường nhất là chứng xuất huyết và nhiễm-trùng. Thuốc kháng-sinh diệt-trùng đồng thời cũng diệt một phần sinh-lực của bệnh-nhân. Còn các loại thuốc cầm máu, đặc biệt là vi-ta min K dùng thường-xuyên một thời-gian làm đặc máu bệnh-nhân và đến khi mổ xẻ thường có những biến chứng ở tim, thận, phổi, ruột, sưng tĩnh-mạch và thuyên-tắc lăm khi gây cái chết đột-ngột cho bệnh-nhân.

Trước sự hủy-hoại tàn-nhẫn cơ-thể con người của khoa giải-phẫu, tuy rằng có một số bác-sĩ chuyên-khoa có lương-tâm đã hết sức thận-trọng lưu tâm hạn-chế việc cắt bỏ tử-cung của phụ-nữ nhưng một số bác-sĩ khác vẫn không tán-thành và chủ-trương điều-trị bằng một phương-pháp vừa hữu-hiệu vừa hợp với thiên-nhiên : Phương-pháp nhịn ăn.

Nghiên-cứu kỹ sự tự-phân-hóa thức ăn dự-trữ trong tế-bào để tự-dưỡng trong thời-gian nhịn ăn, nhiều bác-sĩ Âu Mỹ áp-dụng phương-pháp tuyệt-thực để trị bệnh bướu xơ đã thu-hoạch được những kết-quả vô cùng kỳ-diệu.

Tự-phân là trạng thái tiêu-hóa hay phân-hóa các tế-bào nhờ các diều-tổ ở ngay trong tế-bào. Đó là một quá-trình tự tiêu-hóa, nội-bào tiêu-hóa. Trong trường-hợp một cái trứng được ấp để nở ra con cũng là một quá-trình tự-phân để tự-dưỡng : cái trứng phải tự-

phân các chất bổ-dưỡng tạo ra cơ thể và nuôi dưỡng cái phôi thai cho đến lúc trưởng thành khảy vỏ thoát ra ngoài. Con nòng-nọc lúc sắp biến thành ếch nhái thì cái đuôi nó trở thành vô-dụng. Người ta thường tưởng rằng cái đuôi ấy rụng đi nhưng trên thực tế cái đuôi ấy gồm thịt, nơ, da, thần kinh v.v.. tự phân hóa dần để đưa vào trong máu bồi-dưỡng cho con vật nhin đói lúc hai chân trước bắt đầu mọc. Thức ăn do sự tự-phân trên thay thế thực-phẩm bên ngoài giúp con vật hoàn-thành kiến-tạo các bộ-phận trong cơ-thể một cách mỹ-mãn để bước từ giai-đoạn nòng nọc sang giai-đoạn ếch-nhái.

Trong thời-kỳ nhin ăn, các cơ-quan trọng-yếu như tim, não, phổi không thể ngừng-ngỉ được nên cần phải được cung-cấp các vật thực như prô-tê-in, glu-cit, li-pit, khoáng-chất, vi-ta-min, vì vậy phải rút các thức ăn trong các bắp thịt, của bộ xương được xem như những cơ-quan để cử-động nhưng đồng thời cũng là kho dự-trữ prô-tê-in. Các prô-tê-in của bắp thịt và các cơ-quan khác được tự-phân-hóa nhờ các en Zym (diều-tổ) nội-bào biến thành prô-tê-in tan-loãng, thành a-cit a-mi-nê để chuyên-chở tới các cơ-quan trọng-yếu cần-thiết cho sinh-mạng.

Quan-sát những người nhin ăn, các nhà sinh-vật-học cũng như các bác-sĩ đều nhận thấy rằng sự kiểm-tra của trạng thái tự-phân bao gồm cả các mô đau ốm, bệnh-hoạn như mụn nhọt, bướu, ung-sang, các chứng rỉ nước v.v...

Trên phương-diện sinh-lý chúng ta cũng có thể thấy một cách rõ ràng rằng,

các mụn, nhọt ung, bướu v.v... rất dễ bị phân-hóa vì chúng không có một liên hệ mật-thiết với cơ-thể, không đầy-đủ về thần-kinh và khí-huyết. Sự thiếu-sót này là yếu-tổ làm cho chúng dễ bị phân-hóa, tiêu tan...

Những người nhiều kinh-nghiệm về bản thân hoặc quan-sát nhiều về phép nhin ăn đều đồng ý rằng các mô bất thường bao giờ cũng dễ bị phân-hóa và bài-tiết nhanh hơn các mô bình-thường.

Trong thời-gian nhin ăn các mô thừa-thãi, lũy-tích đều được chú ý và phân-tích; các thức ăn bị phân-hóa được sung-dụng để nuôi-dưỡng các mô quan-trọng, các căn-bã đều được đào thải một cách thường xuyên và trọn vẹn. Các mụn bướu bị tiêu-hóa lúc nhin ăn được thực-hiện nhanh hay chậm còn tùy tình-tạng chung của người bệnh, lượng bổ-dưỡng chứa trong người, loại bướu, sưng, độ cứng hay mềm của cục bướu, vị-trí của cục bướu và tuổi tác của người bệnh.

Sau hơn 30 năm trị-bệnh bằng phép tuyệt-thực Bác-sĩ Shelton đã từng chữa lành hàng trăm trường-hợp bướu xơ ở tử-cung đã tuyên-bố: « Có những trường-hợp nhiều phụ-nữ có bướu xơ ở tử-cung to bằng quả bưởi mà chỉ nhin ăn sau 20 ngày thì bướu ấy bị tiêu mất hoàn-toàn. Trái lại có nhiều trường-hợp có nhiều người đàn-bà bị bướu xơ tử-cung chỉ bằng quả trứng ngỗng mà phải nhin ăn đến 38 ngày mới tiêu hết ».

Bác-sĩ Guelpa thuật lại nhiều trường-hợp do chính ông săn-sóc những người phụ-nữ bị bướu xơ ở tử-cung không

thụ-thai được chỉ sau một thời-gian nhịn ăn từ 10 đến 20 ngày đã lành bướng và sanh con dễ cái đầy đặn

Bác-sĩ Adolph Mayer, một y-sĩ xuất-chúng-người Đức trong tác-phẩm «*Liệu-pháp, nhịn ăn, Liệu pháp của nhiệm-mãn*» rất khen ngợi phương-pháp trị bướng xơ tử-cung bằng phép nhịn ăn. Ngoài ra ông còn trình-trọng tuyên-bố «*Tôi xác-nhận rằng nhịn ăn là phương-pháp thần-hiệu nhất để chữa lành bất cứ tật bệnh gì.*»

Bác-sĩ Von Seeland chú-trọng về phương-diện tinh-thần cũng không tiếc lời ca-ngợi: «*Sau nhiều năm thí-nghiệm tôi đã đi đến kết luận rằng nhịn ăn chẳng những là một phương-pháp trị-liệu tối-thượng-đẳng mà còn xứng đáng được sự trọng-vọng về phương-diện giáo-dục.*»

Tóm lại sự phân-hóa các bướng xơ do nhịn ăn có nhiều ưu-điểm hơn sự giải-phẫu như sau:

1.— Sự giải-phẫu bao giờ cũng nguy-hiểm, tự-phân là một quá-trình sinh lý không nguy-hại.

2.— Sự giải-phẫu giảm sinh-lực và giúp thêm sự suy-hại về biến-dưỡng là nguyên nhân của mụn bướng xơ; trái lại nhịn ăn thúc đẩy sự tự-phân các bướng nhọt và bình-thường-hóa sự dinh-dưỡng, đào-thải các độc-tổ tích-tụ, giúp sự tiêu-tan các bướng xơ.

3.— Sau khi mổ, bướng xơ đó có khuynh-hướng phát-sinh lại, trái lại nhịn ăn thì trường hợp tái sinh hết sức hiếm khi xảy ra.

4.— Các bướng xơ thường tái phát dưới một hình-thức độc-hại sau lúc giải phẫu.

5.— Cắt bỏ tử cung người đàn-bà mất vĩnh-viễn quyền làm mẹ, hết sinh đẻ, hết kinh-nguyệt thường gây sự xáo-trộn về thể-chất cũng như tinh-thần.

VÕ-THỊ THANH-ROON

GÓP NHẬT CÁT ĐÁ

Thiền sư Muju

Bản dịch của Đỗ đình Đồng

Tác phẩm viết vào thế kỷ thứ 13 gồm những câu chuyện Thiền vui, lạ lùng... như những hạt cát những viên đá ném vào lòng đại dương tiềm thức làm loé lên vùng ánh sáng huyền diệu muốn đời bị bức màn ý thức nhợt nhạt che khuất.

Những hạt cát, những viên đá... dành cho những ai muốn thăm dò, khai phá đường vào và thể nhập với cõi Sáng Lung Linh ấy của chính mình.

Nhà Sách LÁ-BỐI lô O số 121 Chung Cư Minh Mạng Saigon 10 bày bán sách của các nhà xuất bản uy tín: An-Tiêm, Ca Dao, Cảo-Thơm, Hồng-Hà, Nguyễn-Hiến-Lê, Lửa-Thiên, Thái-Độ, Thời-Mới, Tu-Thư Vạn-Hạnh, Sáng-Tạo, Võ-Tánh, Lá-Bối v.v...

Dành nhiều hoa hồng cho bạn đọc và thân hữu đến viếng mua tại nhà xuất-bản.

Sách mới Lá Bối

LỊCH - SỬ VĂN-MINH ẤN-ĐỘ

của WILL DURANT. Nguyễn-Hiến-Lê (dịch)

«Lịch sử nhân loại như một dòng sông đôi khi đầy máu và xác những người chém giết nhau, cướp bóc lẫn nhau, mà các sử gia chỉ thường chép những hành động đó thôi. Nhưng trên bờ sông còn có những người khác cất nhà, làm vườn, nuôi con, làm thơ».

Các sử gia khác bi quan vì không nhìn lên bờ; Will Durant, trái lại muốn cho nhân loại một bài học lạc quan và tương thân tương ái, nên cùng với vợ, bà Ariel, bỏ ra bốn chục năm, đọc bốn, năm ngàn bộ sách, mấy lần du lịch khắp thế giới, để soạn bộ Lịch-sử Văn-minh (The Story of Civilisation) được khắp thế giới khen là bộ sử nhiều tài liệu nhất, hấp dẫn nhất và có tinh thần khoáng đạt, nhân bản nhất của thời đại.

Bộ sử vĩ đại quá — bản Pháp dịch gồm 32 cuốn, mỗi cuốn khoảng 500 trang — chúng tôi chưa thể dịch hết được, hãy xin giới thiệu trước hết cuốn thứ nhì: Văn minh Ấn-Độ, vì chúng ta tự hào rằng, nhờ vị trí của giang san, được tiếp thu cả hai nền văn minh Trung và Ấn, mà sự thật cho tới nay được biết rất ít về VĂN-MINH ẤN-ĐỘ.

Độc giả sẽ được giọng văn của Ông lôi cuốn suốt 600 trang và sẽ hiểu những nét đại cương nền triết học vô cùng thâm thúy của Ấn-Độ, thi ca trầm hùng và kiến trúc vĩ đại của Ấn-Độ, những nhân vật kì dị trong 6000 năm lịch sử Ấn-Độ, những phong tục lạ lùng, nhất là đời sống bi đát của dân tộc Ấn-Độ.

Viết về Xã-hội và Văn-hóa Thái-cổ Việt-nam

TRẦN NGỌC NINH

Sau khi Bách Khoa đăng bài "Xã-hội và Văn-hóa thái-cổ Việt-nam", có vài độc-giả và bạn hữu đã nêu lên một số câu hỏi, và nhờ thế, tôi đã được dịp trao đổi ý-kiến chung quanh vấn-đề. Đó là một điều thực là khích lệ cho một tác-giả. Để đáp lại các bạn đã đề ý tới đề-tài, tôi ghi chép những điều đã được nêu ra bên lề của bài khảo cứu trên, và nhân tiện, cũng xin lỗi các bạn đọc vì trong khuôn-khổ của một cuộc nói chuyện, tôi đã không dẫn chứng được hết những điều được khẳng định.

Thực sự ra thì cũng không thể dẫn chứng cho hết được, vì tên những sách dẫn ra chắc chắn là sẽ dài hơn bài đã viết, nhất là về khoa tiền-sử. Mỗi điều được nói trong bài trên, nếu dính dáng đến khoa tiền-sử, đều đã được kiểm chứng, ngoại trừ những giả-thuyết liên hệ đến nếp sống thái-cổ.

Một bạn --không ai khác là anh chủ nhiệm Lê Ngộ Châu, một bạn học đồng niên với tôi ở Trường Bưởi, Hà-nội, -- hỏi tôi về giống lúa mà ta trồng trong thời tân-thạch. Trong bài, tôi viết rằng: Có hai thứ lúa được trồng, là lúa (gạo) nếp và một giống lúa (gạo) tẻ đồng loại với lúa của vùng Sơn-Tây, Trung Hoa. Giống lúa này là *Oryza sativa*, khám phá thấy trong một số bình đựng thóc đào được ở nhiều nơi tại miền Tây và miền Nam Trung-Hoa. Lúa gạo có lẽ đã được nuôi thành một giống trồng được, bởi các thổ-dân ở bán-đảo Ấn-độ-china trước khi được truyền tới miền Nam của Trung-Hoa vào khoảng năm ngàn năm trước đây. Thủy-tổ của lúa

cây là *Oryza sativa*, một loại lúa hoang (lúa ma), mà ngày nay ta chỉ còn thấy ở đồng-bằng sông Cửu-long. Đời Thái-cổ, ở Việt-nam đã có hai thứ lúa, nếp và tẻ, đều thuộc giống *Oryza sativa*; theo truyền-thuyết thì chỉ có lúa nếp ở đời Hồng Bàng. Vào khoảng đời Lý (thế-kỷ thứ 11), thì ta nhập tịch được một loại *Oryza sativa* nữa, là lúa chiêm, và khắc phục được loại này với phong-thổ miền Bắc.

Về những cây dừa ngày nay mọc ở bờ Thái-Bình-Dương của Nam-Mỹ, cũng có những khảo-cứu rất chính xác cho phép nói rằng chúng ta là hậu-duệ của những cây dừa ở Đông Nam Á-Châu. Bên này và bên kia Thái-Bình-Dương, các cây dừa đều có chung một mô hình nhiễm-thể (*chromosomic type*), và điều này xác nhận một cách không thể chối cãi được, rằng có một liên-hệ dòng dõi giữa cây dừa Nam-Mỹ và cây dừa Á Đông. Khi mới tìm thấy sự liên-hệ này, thì người ta nghĩ rằng các trái dừa đã trôi từ đây sang Mỹ-châu, nhờ những luồng nước của Đại-dương. Nhưng từ khi cuộc phiêu-lưu trên cái bè Kon Tiki thành công, thì sự di-chuyển bởi bàn tay của con người được tin là có thực, ngay trong thời tiền-sử.

oOo

Khoa tiền-sử cổ-diễn thường chỉ đề ý đến những thành-quả hữu-hình của các nền văn-hóa thái-cổ (như những dụng-cụ, đặc biệt là những đồ đá và đồ gốm). Nhưng càng ngày các nhà tiền-sử-học, theo gương Gordon Childe và Piggott, càng chú trọng nhiều hơn đến những sắc-

thái khác của các xã-hội tiền-sử, như kỹ-thuật, kinh-tế, tôn-giáo, nghệ-thuật, tổ-chức xã-hội, v.v... Những sắc-thái này được suy-luận ra từ những khám-phá về văn-hóa vật-chất, và đòi hỏi một sự khảo cứu rất kỹ-lưỡng về tất cả những gì được đào thấy trong những cuộc khai quật cổ-sử-học. Tiếc rằng một phần lớn những khai-quật của các nhà bác-học của Trường Viễn-Đông Bắc-Cổ đều đã được thực hiện trước khi những quan niệm mới được thông lưu trong giới tiền-sử học, nên sự hiểu biết của chúng ta về các xã hội thái cổ của Việt-nam còn có rất nhiều thiếu sót. Hơn nữa, những phương pháp khoa-học cũng còn rất thô-thiển ở thời trước, nên không thể tránh được những sự sai lầm.

Chẳng hạn như về sự định-thời cho văn-hóa Đông-sơn. Theo nhà học giả Karlgren, thì những đồ đồng thuộc nền văn-hóa này có thể cho xưa nhất là vào khoảng thế-kỷ thứ 7-8 trước Công nguyên. Nhưng gần đây, ông Nghiêm Thẩm có báo cho chúng tôi biết rằng, bằng phương-pháp đo lường chất radio-carbone C_{14} , khởi điểm của văn hóa Đông-sơn phải được đặt lại vào khoảng 12-13 trước Công nguyên. Vì tôi không biết rõ điều khám-phá mới này đã được công bố hay chưa, nên đành chỉ viết rằng «thời đại Đông-sơn được coi là bắt đầu vào khoảng thế-kỷ thứ 7, thứ 8 trước Công nguyên, nhưng có lẽ đã sớm hơn nữa».

Nhưng chủ yếu của bài nói chuyện không phải là về tiền-sử-học, mà là về đời sống xã-hội và tâm-linh của những dân-tộc thái cổ ở Việt-nam.

Về phương-diện này, có lẽ văn-hóa Đông-sơn là văn-hóa đã được nghiên cứu kỹ lưỡng hơn cả. Nhà cổ-bọc Thụy-điển M O. Jansé đã khai quật khu Đông-sơn theo những phương-pháp của khoa tiền sử thời đó. Nhà cổ-học Pháp gốc Nga, Victor Goloubew, khảo cứu về Thời-đại đồ đồng ở Bắc-kì, đã nêu lên giả-thuyết rằng những thổ-dân tiền-sử ở Đông-Sơn có những phong-tục và tín-ngưỡng giống như dân Dayak (1) ở đảo Borneo. Przyluski chấp nhận giả-thuyết này trong những bài giảng của ông ở Sorbonne, Paris. Rồi nhà cổ-học Áo Robert von Heine-Geldern đặt ra giả thuyết về nguồn gốc của văn minh Đông-sơn; ông cho rằng những dân-tộc Thraco-Cimmérien, thuộc văn-hóa halstatt ở miền Nam sông Danube, bị dân Scythe đuổi vào khoảng — 700, đã vượt qua châu Á để vào miền Nam của Trung-Hoa và miền Bắc của Việt-Nam và đem theo kỹ-thuật đồ đồng của họ vào đây. Theo ông, thì văn-hóa Đông-sơn có một địa bàn rất rộng, và từ bờ bên này của Thái-Bình-Dương, văn-hóa này đã truyền

(1) Dân Dayak (hay Dyak là thổ-dân sống trong nội-địa của đảo, đối lại với dân Malay là thổ-dân sống ở ven bờ biển. Thù-ra, Dayak gồm nhiều sắc dân, có những tính-cách nhân-chủng-học khác nhau, nói nhiều thổ-ngữ khác nhau, và thuộc những văn-hóa khác nhau: có Dayak-biên, Dayak-đất. Ngagiu, Kayan, Kenia, Klematan, Murut, Iban, Melanao...

Tôi rất nghi ngờ ý-kiến của Goloubew, vì phong-tục, tín-ngưỡng và cách sinh-hoạt của những dân Dayak như đã được tả bởi các nhà dân-tộc-học (Arnold, J. Brookes, Evans...) khác xa những gì ta biết về dân Lạc Việt.

sang đến tận Nam Mĩ. Nhà cổ-học Thụy-điển Bernard Karlgren đã nghiên-cứu những hình trang-trí trên các đồ đồng ở Đông sơn và khẳng định rằng tuổi của các đồ đồng này ngang với thời Chiến-quốc ở Trung-Hoa, tức là vào khoảng thế-kỷ thứ 4 và thứ 3 trước Công nguyên. Ở trên tôi đã nói rằng ông Karlgren định khởi điểm của văn-hóa Đông-sơn vào khoảng thế-kỷ thứ 8 hay thứ 7 trước Công nguyên. Và sau cùng, sự khai quật, vào khoảng năm 1955-1959, ba mươi bốn ngôi cổ-mộ trên đỉnh đồi Thạch-trại-sơn (*Shih-chai-san*) ở Vân-nam-phủ, tức là miền Tây-Nam nước Trung-Hoa, là một khám phá rất quan trọng thuộc cổ-sử của khu-vực này, về thời-đại Đông-sơn. Sự khám phá mới này đã làm cho những ý kiến của Heine-Geldern về nguồn gốc văn-hóa Đông sơn bị lung lay đến căn bản.

Vì đã có những công-trình nghiên-cứu trên, và có nhiều sách phổ thông trình bày về những kết-luận của các sự nghiên cứu ấy, nên trong buổi nói chuyện bữa trước, tôi không nói nhiều về văn-hóa Đông-sơn, và đã chú ý đặc biệt vào những thời trung-thạch (Hòa-bình) và tân-thạch (Bắc-sơn).

Những thời-đại này đã được phơi ra ánh sáng bởi Mansuy, và nhất là M. Colani. Các khám-phá của hai nhà cổ-học này thực ra phải được đặt vào trong một khuôn-khổ chung với những khai quật ở miền Nam Việt-nam (O. Jansé ở Biên-Hòa), ở Cao-Miên (P. Lévy ở Mlu Prei, Kompong Thom) và ở khắp bán-đảo Ấn-độ chi-na (Sarrasin ở Thái-lan, Collings ở Perak, van Heekeren ở Nam-Dương, Coggin Brown và Morris

ở Miến Điện). Miền Nam Trung-Hoa, ở Tứ Xuyên Quảng-Tây, Vân-Nam và một phần của tỉnh Quảng-Đông cũng có những di-tích của văn-hóa Hòa-bình. Chia-Lan-po và Woo Ju-Kang đã khai quật một cái hang ở Kì lân-sơn (*Ch' i-lin-shan*), Quảng-Tây (1959). Bien Mei-nien với Chia Lan-po lại tìm thấy một khe núi ở Hắc-cảnh-long (*Hei-ching-lung*), Vân-Nam, những di-sản quan trọng của truyền-thống kỹ-nghệ này. Văn hóa Bắc-sơn cũng có dấu-tích ở miền Tây-Nam Trung-Hoa, đặc-biệt là ở Đại-kê (*Ta-hsi*), Tứ-Xuyên, ở Hồ Điền-trì (*Tien ch' ih*) Vân-Nam và ở Tây-tiểu-sơn, (*Hsi chiaos shan*) Quảng-Đông. Phần lớn các công-trình nghiên-cứu trên đã để ý nhiều về sự miêu tả các vật nhân tạo, với chủ-đích là đi tìm những sự liên-hệ giữa các nền văn-hóa, mà bỏ qua sự tìm tòi và chứng minh dòng lịch-sử phát triển văn-minh, cùng các sắc-thái xã-hội, nhân-sinh, của các dân-tộc tiền-sử được học, và đó là một điều thực là đáng tiếc.

Chính là để bổ túc những sự thiếu sót ấy mà tôi đã cố gắng để trình bày một vài nét của đời sống xã-hội và tâm-linh trong thời thái-cổ của Việt-nam, qua những chứng tích của ~~thời~~ ~~thảo~~ ~~cổ~~ và các khoa-học khác.

Một số những khám phá cổ-diễn của khoa tiền sử đã được nhắc lại, để trình bày cái « chân trời », như các nhà khảo-cổ thường nói, trong đó xã-hội và văn-hóa đã phát triển. Các vật nhân-tạo cho phép suy luận ra một nếp sống kinh-tế, một tổ-chức xã-hội, và một vài điểm tín-ngưỡng của dân-tộc đã tạo ra và sử dụng những vật đó. Sự miêu-tả tất nhiên

không thể đầy đủ được, vì những vật nhân-tạo còn tồn tại lại không phải là tất cả các vật được làm ra để dùng ngày xưa. Thời-gian đã làm một sự chọn lọc, và chỉ giữ lại những vật được làm bằng những chất không bị tiêu hủy, như đá, đồ gốm, và, ở một trình-độ thấp hơn, chất kim (đồng, sắt. .) và xương. Những đồ vật làm bằng tre, nứa, gỗ, lá cây, da thú, đất tươi (để dựng nhà), đều đã mục nát và tan biến vào trong lòng đất, trừ khi có những điều-kiện khí-hậu đặc biệt cho phép bảo tồn những chất ấy; nhưng ở Việt-nam, không có những điều kiện thuận lợi đó.

oOo

Tôi đã bỏ qua không kể đến những điều mà người Trung-hoa xưa viết về các sắc dân mà họ gọi là Man, và Việt. Một bạn đã nhắc tôi về vấn-đề này. Tôi đã không nói gì về những tài-liệu sách này cả vì tôi không tin những tài-liệu ấy. Tôi nghi rằng việc dân «Việt-thường» (?) dâng chim trĩ lên Chu Thành-Vương chỉ là một chuyện mà người Trung-hoa đã bịa đặt ra để dương uy. Chuyện này được ghi lại bởi Tư-Mã-Thiên (*Sử-kí*: «*Tân Máo, năm thứ sáu đời Thành-vương nhà Chu, phía Nam đất Giao-chỉ có họ Việt-thường dùng người thông ngôn ba lần mà tới, dâng chim trĩ trắng. Chu-công nói: «Ấn đêc không tới, người quân tử không hưởng lễ của họ; chính-lệnh không tới, người quân tử không coi họ là bầy tôi».* Người thông ngôn đáp: *Những người mồi da vàng tóc nước tôi nói rằng: «Trời không gió dũ mưa dầm, bể không nổi sóng đã ba năm rồi, ý giã Trung-quốc có thánh nhân chăng? vì thế nên đến châu.* Chu-công bèn dâng lễ lên Tông-miếu...

Sứ-giã lạc mất đường về, Chu-công ban cho năm cỗ xe liền nhau, mỗi xe làm theo phép chỉ nam. Sứ-giã cưỡi xe, qua ven biển Phù-Nam, Lâm-ấp, đi một năm mới về tới nước mình».

Sách *Sử-kí* thì chép thế còn sách *Thông-chí* của Trịnh Tiễn lại chép: «*Về đời Đạo Đường, phương Nam có họ Việt-thường, dùng người thông ngôn hai lần đến châu, dâng rùa thần nghìn tuổi, vuông hơn ba thước, lưng có chữ theo lối khoa đầu chép từ khi mở ra Trời Đất trở về sau. Vua Nghiêu sai sao lấy, gọi là lịch rùa».* Sách *Cương Mục Tiễn Biên* của Kim Lý Tường lại còn nói rõ hơn, là việc ấy đã xảy ra vào năm Mậu Thân, tức là năm thứ năm đời vua Nghiêu! Chung qui, tất cả đều chỉ là huyền-thoại của người Tàu đặt ra, chủ ý để nói rằng ngay từ đời thái-cổ, các dân tộc xa xôi ở Miền Nam đã thần phục và hướng về phương Bắc.

Truyền-thuyết của ta về thời Hồng-Bàng, mà Trần Thế-Pháp đã ghi lại trong sách *Lĩnh-Nam Chích-Quái*, còn ít quái dị hơn những điều được chép trong các sử sách của Trung-Hoa. Trần Thế Pháp viết rằng: trong buổi sơ-thủy ấy, «*người ta lấy vỏ cây làm áo mặc, dệt cỏ ống làm chiếu nằm; lấy gạo ngâm làm rượu, lấy cây quang lang, cây soa đồng làm bánh; lấy cầm thú, cá tôm làm mắm, lấy rễ gừng làm muối; dùng dao để cày, lấy nước để cấy. Đất trồng nhiều gạo nếp, lấy ống tre thổi cơm; gác cây làm nhà để tránh nạn hổ lang; cắt tóc ngắn để tiện vào rừng núi. Con đẻ ra thì lót lá chuối cho nằm; nhà có người chết thì đập vào cối giã gạo để cho hàng xóm biết mà tới giúp; trai gái cưỡi nhau, trước hết lấy muối làm lễ*

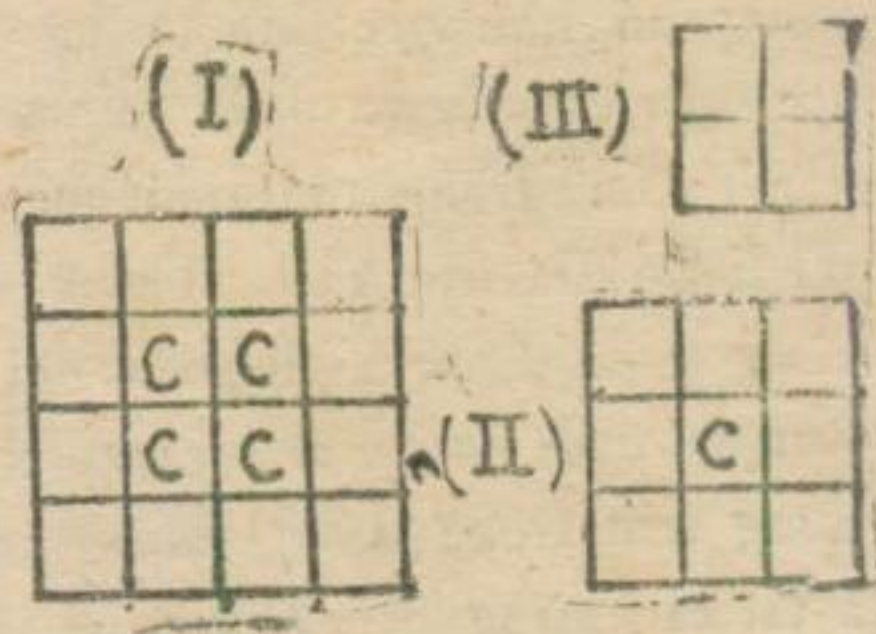
hồi, rồi sau mới giết trâu dê làm lễ thành hôn, cùng ăn cơm nếp với nhau trong phòng rồi mới thương thông, vì chưa có trâu cau nên phải thế».

Ông Nguyễn Đồng Chi cũng đi cho rằng có một câu tục-ngữ của ta tả cái đời sống về thời Thái-Cổ: « Cơm đồ, nhà gác, nước vác, lợn thui » là sự sinh-hoạt đời Hồng-Bàng, trước khi tiếp xúc với người Trung-Hoa. Tôi không hoàn toàn tin sự khẳng-định này, vì câu trên ít ra cũng có hai tiếng gốc ở hoa-ngữ, là *nhà* < gia và gác < các. Cũng như đoạn văn kể trên của Trần Thế Pháp, có một vài điều không thể nhận được, như sự giết trâu dê để làm lễ cưới, vì rằng thời Hồng Bàng, người Lạc Việt chưa khắc phục được hai giống vật này để nuôi trong nhà, và đến đời Triệu Đà mới bắt đầu dùng trâu, mua ở lục-địa, để cày bừa.

Tuy nhiên, không phải mọi điều trong sách cổ đều bị gạt bỏ. Thực ra, tôi đã chấp nhận rất nhiều ở các sách ấy, tuy không nói ra, nhưng đồng thời, tôi đã cố gắng để tìm hiểu qua những lời đã được viết.

Chẳng hạn như một đoạn về dân Lạc Việt mà Cao-Hùng-Trung viết trong sách *An nam chí*: « Nguyên xưa, đất Giao chỉ chưa đặt thành quận huyện, thì có ruộng lạc theo nước triều lên xuống. Khẩn ruộng ấy, là lạc-dân. Cai trị dân ấy, là lạc-vương. Giúp vua ấy, là lạc-tướng ». Do lời chép ấy, tôi nói là thời Lạc Việt có ruộng công. Ruộng lạc tức là ruộng công; những ruộng này không thuộc về ai hết mà thuộc về toàn dân trong một khu-vực sinh-hoạt. Không biết quyền tư-hữu đã có từ lúc nào, trong thời Hồng Bàng. Tôi đã nêu lên một giả-thuyết, hiện nay không có bằng chứng

gì để biện, là khi quyền tư hữu đã được nhận rồi, thì cái bánh chưng, tượng hình của đất theo truyền thuyết là một qui-ước để phân định công-tư.



Cũng như chữ điền là hình ảnh của những thửa ruộng ở khu hạch-tâm của văn-minh Trung Hoa (khu-vực Hoàng-Hà và Phân-Hà) (hình III), cái bánh chưng (hình I) là hình-ảnh của đất trong thời-kì văn-minh Việt-nam đặt trung-tâm ở Phong-Châu. Dựa vào một sự giải thích của Mạnh-Tử về phép tính điền, tôi đề nghị coi bốn ô ở giữa là công-điền, và 12 ô ở chung quanh là tư-điền. Sự giải thích này không có bằng-chứng thực, nhưng cũng chẳng thua kém gì ý-kiến của Mạnh-tử, cho rằng phép tính-điền (theo hình II) là phép chia ruộng ở đời Nghiêu Thuấn Hai ông vua này cũng chỉ có trong huyền thoại, và vấn đề tính điền thì ai cũng biết, là một việc mà Mạnh-tử bày ra, còn cái bánh chưng của chúng ta vẫn được coi là tượng hình của đất từ thừa ban-sơ của lịch-sử Việt cho đến ngày nay.

oOo

Trong bài nói chuyện, những xây dựng của khoa tiền sử lại được tiếp nối bởi một vài ý-kiến đặt căn bản trên tôn-giáo học, huyền-thoại-học, triết-ngữ-học và ngữ-lí-học.

Những tin-tưởng về «Cái ma», những tục-lệ chôn cất người chết, sự phân biệt Cõi Trên và Cõi người ta với truyền-thuyết về Trụ Trời; sự thờ Mẫu hay Thần Mẹ, và sự tổ chức không gian sinh-hoạt trong đó khu-vực linh-thiên và khu-vực trần tục được phân định, là những nét chính trong tôn-giáo-học về thời Thái-Cổ của dân Việt. Thêm vào đó những gì đã được Goloubew nói về chiếc thuyền chở linh-hồn người chết, hình dung trên trống đồng Đông sơn. Đó là tất cả những điều ta biết về tôn-giáo thái-cổ ở Việt-nam. Các độc-giả quen thuộc với những khảo cứu của O. H. James, P. Chalus, Mircea Eliade và các nhà nhân-chủng-học cận-đại (J. G. Frazer, R. H. Codrington, H. Hubert và M. Mauss) đều có thể nhận thấy ngay ảnh-hưởng của các tác-giả trên, trong sự trình bày của tôi.

oOo

Giáo-sư Trần-văn-Từ, một học-giả chân-chính mà tôi rất kính trọng, đặt một câu hỏi về cây Chu-đồng hay Chiên-đàn. Anh Từ hỏi tôi vì sao tôi lại cho là câu ca-dao của ta về «Cây ngô đồng» phải được sửa là «cây chu-đồng» mới đúng. Cây-Chu-đồng là một cái cây thuộc về huyền-thoại Lang Đa-Cần của người Mường; chúng ta đều biết rằng có sự thân thuộc giữa người Lạc-Việt và người Mường, và có sự liên-hệ giữ^a Lạc Long-Quân (hay Đào Kinh-Long) và Lang Đa-Cần, là vị tổ dân-tộc trong huyền-thoại của người Mường.

Trong huyền-thoại Việt-nam, thì về thời Hồng-Bàng có một cái cây gọi là cây Chiên-đàn, «thân cao ngàn tầng, cành lá sum-sê rộng không biết bao nhiêu

ngàn dặm; có chim thước làm ổ trên cây» nên nơi ấy lấy tên là Bạch Hạc (1) (?). Cây này hóa thành tinh, và mặc dầu đã bị Kinh Dương-Vương chẻ agur, nhưng vẫn còn phải cúng tế hằng năm hằng người sống.

Theo huyền-thoại Mường, thì cũng có một cái cây, ở biên-giới của xứ Mường «thân cây rộng mười bốn sải tay, ngọn cao lên đến Trời, có trái bằng đồng, có hoa bằng bạc; mỗi khi gió thổi, hoa lá rung lên phát ra tiếng nổ như tiếng sấm» (2) Cây này cũng có tinh, và ai chặt nó thì phải trả bằng mạng sống. Con của Lang Đa-Cần là Rịt Ràng đã phái hai anh em Da Đan và Da Đét đi chặt cây về để làm cung điện, và hai người này đã chết vì việc ấy.

Tính cách huyền-thoại của cây Chu-đồng rất rõ rệt. Đó là cái cây nối cõi nhân-gian với cõi trên; đó là nơi phát ra những tiếng sấm. Cây Chu-đồng được chặt về để dựng cung-điện và là một biểu-tượng của uy-quyền. Nhưng sự chặt cây đã do một sự bội phản của con người và vì thế đòi hỏi sự hi-sinh của máu người (khởi điểm của sự tế bằng sinh-mạng của người, như được kể trong huyền-thoại Việt-nam về cây Chiên-đàn).

Gọi với câu ca-dao của ta về một cái cây tự-nhiên-sinh và rất lớn, mà ta gọi là cây ngô-dồng:

Cây ngô-dồng khênh trồng mà mọc.

Rễ ngô đồng rễ dọc rễ ngang.

tôi đã đi tới kết luận rằng cây ngô-dồng và cây chu-đồng hay chiên-đàn là một. Cây này được coi là một thứ trụ

(1) — Trần Thế Pháp Lĩnh Nam Chích Quái.

(2) — Hoàng Trọng Miên. Việt-Nam Văn Học-Sử.

trời ; trước khi bị dẫn đổ, thì sự thông-thương giữa trời và đất là một việc thường xuyên ; nhưng sau khi cây đổ, thì cõi nhân-gian thuộc hẳn về người, và trời chỉ thỉnh thoảng mới hiển linh mà thôi.

oOo

Sự hiển linh của Trời thường không được nhận rõ bởi những người dương-thế ; bởi thế nên Trời ra uy khi các con của Trời giáng trần. Đây là những tin-tưởng bắt đầu vào thời Tân-Thạch. Các Đức Ông và Đức Mẫu hạ giới ở những thời-kỳ khác nhau, và có những lãnh-vực khác nhau. Vị đầu tiên là Thượng Ngàn (Rừng Núi) trước kia thì vẫn gọi là công-chúa Thượng-Ngàn, nhưng cũng có người gọi là Đức Ông Thượng Ngàn, vị này có bộ-hạ là Tả-chầu Mường và Hữu-chầu Mán. Sau đó thì có con vua Động-dinh là Thủy-cung công-chúa, lấy Liễu Nghị ; vị này là Đức Mẫu Thoải (Nước). Cuối cùng là công-chúa Liễu Hạnh, hiển thánh vào đời Hậu-Lê ; công-chúa Liễu Hạnh là sự hiển-linh sau chót và vì thế, ta thường chỉ gọi là Mẫu hay Đức Thánh Mẫu mà thôi ; Mẫu tức là Thần Mẹ, hay Đất. Đạo đồng-cốt đã xây dựng sự tế lễ quanh các vị này và thường bị lẫn với Đạo Lão trong thời suy-vi.

oOo

Bài hát « Ông Ninh, Ông Ninh, Ông Nang, Ông Nang » cũng được đặt thành văn-dề bởi một độc giả (ký tên là Minh Tâm). Theo độc-giả này, thì ông Nguyễn-Thanh-Hùng đã giải thích bài hát và cũng cho là ông Ninh, ông Nang thực ra là ông Linh và ông Lang, nhưng Lang đây là quan Lang chứ không phải là ông thầy lang. Tôi không hoàn toàn phủ

nhận cách giải thích này, nhưng tôi nghĩ rằng quan Lang thường thì là một chức lớn lắm, chứ không nhỏ như ông lý-trưởng để có thể hết cả quyền hành khi tới đầu làng. Bạn Minh-Tâm cũng nhắc lại sự dẫn-giải về ý-nghĩa của bài hát, theo ông Thanh-Hùng, là « có sự kìm kẹp giữa hai thế-lực, thần quyền và thế quyền ; người dân ở đất làng thì chịu sự cai-trị của quan Lang, mà đến cái đình thì lại chịu sự uy hiếp của Thần-Linh ». Ở đây, tôi cần phải nói rõ rằng tôi đứng hoàn toàn ở địa-hạt tôn-giáo-học để minh xác một sự phân-định rõ rệt giữa cái linh-thiên (*le sacré*) và cái thường tạp (*le profane*), với hai không-gian và hai thời-gian khác nhau trong bản-chất. Ông Lang tiêu biểu cho năng lực thường-tạp vì chữa bệnh bằng sự hiểu biết và kinh-nghiệm, còn ông Linh là người giữ việc tế-tự Thành-hoàng làng, và cũng chữa bệnh, nhưng bằng bùa phép cầu đảo. Tôi hơi e ngại rằng một sự giảng giải chứa đựng ý-niệm đấu-tranh, phủ nhận và chống đối cả thần quyền lẫn thế-quyền, có thể bị ảnh hưởng ít nhiều vì những tư-tưởng tây-phương ; và tôi nghĩ rằng bài hát có một giọng chế riếu quá rõ rệt để có thể thích hợp với cách giải thích mới được nêu ra. Dầu sao tôi cũng xin cảm ơn ông Minh-Tâm đã cho biết rằng bài đồng-dao trên có thể hiểu theo một nghĩa khác. Nhân tiện tôi cũng xin nói thêm rằng cách giải nghĩa mà tôi theo không phải là của tôi, mà là của một nhà văn và một học-giả rất tha thiết với văn-hóa dân tộc, là ông Nguyễn-đức-Quỳnh. Ông Quỳnh đã nói cho tôi hiểu được ý-nghĩa của bài đồng-dao này, và tôi chỉ nhắc lại mà thôi.

(còn tiếp 1 kỳ)

TRẦN NGỌC NINH

TRUNG TÂM NHÂN XÃ-HỌC

(Anthroposocialism Center)

2, Nguyễn văn Thịnh Saigon

Hoàng-Xuân-Việt sáng lập và điều khiển

T.T.N.X.H : Là học-viện đầu tiên ở V.N. để xướng giáo-dục Hậu-học-đường nhằm phát-triển toàn diện con người, giảm bớt thất bại, tận dụng khả-năng, bồi-túc đại-học bằng những khoa Tự-Lập ứng dụng ngay trong cuộc sống thực-tế muôn mặt.

T.T.N.X.H. : Phổ-biến Nhân-xã-học, 12 tháng dự-bị, 36 tháng chuyên-khoa, là môn học được trình-bày trong 74 tác-phẩm của Ông Hoàng-Xuân-Việt thuộc loại Học Làm Người từ 20 năm nay nên Trung-tâm tuyệt-đối đứng ngoài chính-trị và tôn-giáo, lại càng không liên-hệ gì đến một đảng nọ mang trùng tên.

12 MÔN : Do giáo-sư cấp Đại-học và Học-giả tên tuổi dạy và dùng trên 200 sách loại Học làm người làm sách giáo-khoa, là : 1) Hùng biện, 2) Xử thế, 3) Lãnh đạo, 4) Dụng nhân, 5) Tỏ chức, 6) Khoa học ứng dụng 7) Tâm luyện, 8) Bán hàng, 9) Hôn nhân, 10) Hướng nghiệp, 11) Viết văn và làm báo, 12) Thuật tư tưởng.

ĐẶC ĐIỂM : Vừa HỌC giáo-khoa vừa HÀNH bằng sinh-hoạt tập-thể. Mỗi tuần buộc đọc một quyển sách. Sau mỗi giờ học uống trà, nghe nhạc. Mỗi tháng du-ngoạn tinh-tâm. Mỗi tối chủ nhật Hội thoại và văn nghệ. Mỗi tuần nghe một diễn giả nói chuyện. Giảng đường tiện nghi, thanh lịch.

Nhập khóa 15/6, 15/7 và 15/8/71

Tăng cường sinh lực bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

433-YTDP.Đ.

Đón đọc :

Tác phẩm mới của NGUYỄN THỊ HOÀNG

TÌNH YÊU,

ĐỊA NGỤC

- Nỗi hao hụt, đói khát của con người trong tình yêu khi đón nhận và cho đi không phải chỗ và phải cách.
- Thảm kịch thầm kín của tâm hồn đàn ông và đàn bà trong đời sống lứa đôi.
- Niềm cô đơn mệnh mông của con người tìm kiếm tình yêu chỉ thấy đường về địa ngục.
- Tới với Tình Yêu là tìm vào địa ngục, nhưng con người có thể sống thiếu cõi địa-ngục-tình-yêu kia không ?

NGUYỄN-ĐÌNH VƯỢNG xuất bản

LÒNG ĐÂY TƯỞNG ĐÓ

nhân ngày kỷ-niệm
nhà thơ Nguyễn-Đình-Chiều

Gió cuồng loạn nghe cảnh run rẩy
Chạnh tắc riêng chim Việt ngựa Hồ.
Ngang Hoành-Sơn mây chiều mở giấy
Mực sẫm đêm dài Nam Bắc hai đò.
Bến hời Bến Tre địa linh nhân kiệt,
Bao gốc vững ngọn xanh hầy vùn lên cây viết,
Mà chép ra từ cặp mắt giếng khô
Những giọng chữ rục hào quang Khi-tiết
Của một Ông Đồ !

Những giọng chữ từng xé tan trường dạ
Vây quanh thân thể bậc cao hiền,
Người-thơ, tác-giả
Lục-Vân Tiên.
Cũng vây quanh bốn trời Gia-Dịnh
Rồi ba tỉnh, sáu tỉnh
Loang dần bóng tối triền miên.

Ông Đồ-Chiều, bậc cao hiền ấy,
Đã đứng dậy
Khơi sâu tâm huyết tạo thành văn.

Mỗi chữ một tiếng hét
Mỗi câu một lời răn
Như sấm như sét
Từng đoạn từng vần.
Điều trung liệt
Tể sĩ dân

Khoan thai mà thống thiết
Dư sức nặng ngàn cân.
Nổi giọng than phượng khóc lân
Thương là thương lúc qua phân côi này.
Càng thêm ghét đắng ghét cay
Sớm hòa tổi đánh một bầy đa đoan.

Mài trúc quân tử
 Gọi thép long toàn
 Bèo mây nửa giấc mê man
 Hồ thanh sáu ngả dâng tràn nước non.
 Lòng đây tưởng đó sắt son
 Thì quê ta... mất như còn... ai ơi!
 Như còn... tất phải còn... không thể mất,
 Thời gian sớm muộn thôi mà.
 Ôi Chân-lý bất di của giống nòi bất khuất,
 Ông Đồ Chiều đã nói lên bằng lời thơ đẹp nhất!
 Dầu trăm năm lẻ trôi xa
 Vẫn còn có mặt
 Trong lòng chúng ta...
 « Thà đui mà giữ đạo nhà »
 Sáu chữ ấy rền vang hồn sáu tử h
 Còn nhắc lẽ Tồn-vong Suy-thị h
 Giờ đây khắp nẻo sơn hà.
 Một phen NGƯỜI giảng bút, THƠ muôn đời
 thăng hoa.

Ôi, NGƯỜI THƠ, bậc cao hiền phép tắc,
 Rạch đôi chiếu không ngồi chung với giấc!
 Cây viết này, ai dám bảo mềm ư?
 Dấu xe Hành-đạo
 Gian nguy không lừ.
 Ông Đồ rũ áo
 Hương còn ngát đám mê trần loạn thảo
 Đêm dài tám chục năm dư.
 Và giữa cơn giông bão
 Tinh anh còn ngọc đọng Thi-Thư
 Còn gương treo Lễ-Giáo
 Thăng tấp con đường Vạn-Thế-Sư...
 Trái mấy đất trời điên đảo
 Trường ối lỗi mắt nắng mưa lơ lảo
 Ngoài H ếu-trung Tiết-hạnh ngóng đâu c ư!
 Hỏi ai Cổ quốc bình cư
 Khỏi nhang một buổi tram tư những gì?

Sài-đô tháng 6, Tân-Hợi

Tây lịch 1971

VŨ HOÀNG CHƯƠNG

GHI CHÚ.— Ngày 3-7-71 là ngày kỵ thứ 83 của thi-hào N.D.C.
 (182/1888). Trong bài, có một số chữ rút từ thơ văn
 tiên sinh. Trú-dụ: lòng đây tưởng đó, trường ối lỗi v.v..

קנין

*A votre service
tous les services de la*

**BANQUE
NATIONALE
DE PARIS**

Đêm trên thung lũng

- Xin cảm tạ Mai Phương và Trần viên Phương về những kinh nghiệm sống ghi trên báo Đời.
- Xin cảm tạ những người bạn đã từng tham dự vào trận Hạ Lào, và đã cung cấp cho tôi những chi tiết quý giá của cuộc giao tranh.
- Xin viết tặng những người vừa là anh hùng vừa là tội đồ của cuộc chiến tương tàn.

(N. M. G.)

I.— LỜI KHAI CỦA BINH NHẤT CỦA

Tôi tên là Nguyễn Cửa, binh nhất, số quân 69 / 506.632. Lý lịch chi tiết của tôi, quý vị dễ dàng tra cứu trong quân bạ. Tôi xin lấy danh dự một người lính chiến, hằng ngày chạm mặt với cái chết, xin lấy tình yêu của Trần thị Lan người tôi nguyện thương yêu suốt đời, và tính mệnh đứa con trai hai tuổi (thằng bé Nguyễn trần Cải) để thề rằng tôi viết ra đây toàn sự thật:

...Tiểu đoàn chúng tôi hôm ấy được bỏ xuống một ngọn đồi trọc. Phía đông dốc thoải thoải còn ba phía kia dốc khá đứng, xuôi tuột xuống một thung lũng xanh già. Có lẽ mưa gió liên-miên tháng năm đã xoa mòn đỉnh núi cao, mang đất cát màu mỡ về miền hạ lưu, nên sườn đồi chỉ toàn một loại cây cỏ thấp bé. Đã quen với công việc, chúng tôi lo hệ thống phòng thủ. Một toán lo đào những giao thông hào chỉ chít ngang dọc ngoằn ngoèo. Một toán lo di tản đạn dược để phòng bị pháo kích Bầy giờ khoảng một giờ trưa. Trung đội

tôi yểm trợ cho một trung đội khác đi chặt cây lớn làm xà ngang cho mái hầm. Phải chọn loại cây lớn nhất có thể tìm được, vì những cây đà này phải chịu đựng hàng thước đất dày. Có như vậy mới chịu nổi xuyên pháo 122 ly của cộng. Xa đỉnh đồi độ năm trăm thước, chúng tôi đã gặp dấu vết của địch. Đầu tiên là những ngọn cây đọt cỏ ngọt dấu dao, nhựa thơm còn ướt. Chèn vào những đọt héo, vài đọt lá xanh. Dấu chân người dậm nát một khoảng đất lầy màu cỏ úa, thường thường nấp sau một khóm lá tươi. Xa hơn chút nữa, một khoảng đường mới đắp còn in dấu vết xe vận tải. Bánh xe lún khá sâu trên nền đất cứng, chứng tỏ trọng tải nhiều. Một người bạn của tôi hốt hải chạy từ phía trước lại:

— Có dấu xe gì lạ lắm. Không phải bánh cao su. Lại đây xem. Chúng tôi cẩn thận tiến lên, tay trở đất sấn trên lấy cò. Người bạn đi đầu len lỏi khéo léo giữa các nhánh cây sà thấp. Đến nơi, nhìn vết in trên

đất, tôi biết chắc là vết xe tăng.

Tôi bảo :

— Không biết bộ chỉ huy biết chưa? Định dùng xe tăng ở chiến trường này.

Tin ấy làm cho các sĩ quan trầm ngâm. Những ngày sau việc bố phòng càng cẩn thận hơn. Giao thông hào đào thêm xuống đến triền đồi. Bãi mìn và bom lửa dày đặc. Số người xuất trại ít hơn, chỉ đi khi thật cần thiết. Tiểu đoàn lo gấp rút mức nước dự trữ, chắm các tọa độ khả nghi trong trường hợp địch tấn công. Pháo của ta bắt đầu nổ quanh đồi khi dấu hiệu địch được các toán viên thám phát giác không xa đơn vị mấy. Đôi khi sau một loạt pháo, có nhiều tiếng nổ phụ. Đôi khi là một cột khói đen đùn đùn vươn lên cao, nhập vào sắc mây âm.

Mức độ pháo kích và oanh tạc càng tăng khi dấu hiệu địch càng hiện gần. Không khí trong trại căng thẳng, khẩn trương. Tiếng bom B 52 ầm ầm liên hồi, vang vọng qua mấy chặng thung lũng như một trận giông chưa bao giờ có từ thửa khai thiên. Cobra khạc đạn giống như tiếng heo bị chọc tiết. Phản lực F4 gầm gừ, mỗi lần rú xé mây là một lần chớp lửa đè dội tiếng ầm về đỉnh đồi, tung bay cát bụi lên những người lính đắm chiêu.

Tình trạng trên kéo dài suốt tuần lễ. Đến đầu tuần thứ nhì thì pháo của ta nổ ngay dưới chân đồi. Phản lực như cắm sâu xuống lòng hào, và chúng tôi vừa thấy chớp sáng đã

nghe tiếng nổ xé.

Hôm ấy suốt ngày tạm yên, nghĩa là còn có thể đứng trong giao thông hào nhai gạo sấy và ruốc. Đến chín giờ tối, địch bắt đầu tấn công lên phía chúng tôi từ thủ. Bốn phương tám hướng đều có pháo địch rót về, nòng 82 ly, nòng sơn pháo 57 ly, đại liên 32 ly... Chúng tôi không có thì giờ ngóc đầu lên nổi. Nhưng qua khe mũ sắt và bờ hầm, ném nhìn xuống phía thung lũng đen, ánh lửa đom đóm chớp lóe. Tiếng địch xung phong từ dưới vọng lên, từng đợt tràn qua bãi mìn và lựu đạn bày. Mạn đông thoải thoải nên áp lực địch mạnh nhất. Chúng tôi ghì tay súng bắn hên miên không cần nhắm ra phía trước. Một vài người bị đạn, rên la phía sau lưng. Một số đã nằm yên trong poncho. Tiếng xung phong của địch càng gần. Lệnh trên cho hệ thống mìn nổ. Claymore hướng xuống phía dưới, bật cháy các bom lửa. Ánh bom soi rõ từng đám địch lố nhố chạy lên, mỗi tên đều cầm thủ pháo. Từng xác ngã gục dưới ánh lửa đêm, thủ pháo nổ tại chỗ.

Cobra và phản lực đập tắt dần các đợt xung phong và pháo kích. Trục thẳng võ trang bắn như mưa bão xuống sau lưng địch, ngay dưới chân đồi. Mỗi lần bom đạn lóe sáng là một lần chiếu hắt ánh sáng xanh lên mặt mọi người, tô đậm không biết bao nhiêu đụn khói cuộn cuộn. Mãi đến gần khuya, áp lực của địch mới nhẹ dần. Tiếng súng thưa thớt. Bấy giờ chúng tôi mới cảm thấy đói cồn cào, húp vội mấy lon trái cây hộp

hay nhai cơm sấy. Tiếng thương binh rên la rõ hơn, ma quái nhọc nhằn trong đêm rừng. Tôi vẫn đứng trong phòng tuyến, chăm chăm nhìn xuống khoảng đêm phía trước. Mấy người bạn đến đọc tên những đứa đã vĩnh viễn nằm xuống, trong đó có trung sĩ Hạ, thượng sĩ Chắt. Trung đội tôi có bảy người bị thương khá nặng, trừ năm người chết, số còn lại tiếp tục đứng chỗ cũ. Không ai nói với ai lời nào, gục đầu vào tường giao thông hào bập điếu thuốc. Bên ngoài trời rá rích mưa. Tôi nhớ nhà da diết. Em lo lấy quần áo vào kịp không hở Lan? Có nhớ đắp mền lên ngực con không đấy? Chúng tôi mệt quá không ngủ được, ở trong trạng thái lơ lửng giữa mê và tỉnh. Hạ sĩ Bền đập vai tôi:

— Tao nghe nói họ bỏ mình lên đây đề như Việt cộng. Như cột dè bắt cọp đó.

Tôi ậm ừ, giả vờ ngủ gật. Bền bỏ lại chỗ cũ.

Tình trạng chiến đấu đẫm máu giống vậy kéo dài dai hai ngày hai đêm. Chúng tôi vừa chợp mắt là đạn pháo kích lại dồn dập đánh thức dậy. Khi nào có trực thăng hay phản lực, B 52, chúng tôi mới có thể tạm dừng bắn nghỉ ngơi chút ít để hủ điếu thuốc thoa chút dầu nhai nắm cơm.

Sang tuần thứ ba có lệnh Đại Bình cho rút quân sang cứ điểm bên cạnh. Sĩ quan đại đội trưởng họp trên bộ chỉ huy tiểu đoàn. Binh sĩ trông ngóng tin tức, lo âu về phương tiện

di chuyển. Trung úy Hân về cho biết đại đội phải chặn hậu cho các đại đội khác lui binh.

Đại đội một xuống đồi trước, thận trọng mở đường. Hai đại đội còn lại chia nhau khiêng pon ho xác, băng ca thương binh nặng, cồng hoặc diu các thương binh nhẹ. Ba lô quần áo và đồ đạc cồng kềnh bị quăng cả lại. Hầu hết anh em không nói gì, nhưng nhìn theo ngậm ngùi, bần khoản. Cứ điềm mới cách đồi chỉ 3 cây số đường chim bay. Khi ba đại đội trước rút binh an toàn, phản lực và trực thăng võ trang sẽ yểm trợ, cho chúng tôi rút tiếp.

Tình trạng đại đội chúng tôi về sau quý vị đã xem báo và nghe đài phát thanh tường thuật nhiều lần. Đại khái là áp lực địch mạnh hơn, thời tiết lại xấu khiến không quân khó yểm trợ hữu hiệu. Do đó, chúng tôi không thể rút kịp theo tiểu đoàn như dự tính. Chúng tôi bị vây chặt, trong khi vòng phòng thủ không kiên cố như lúc đầu.

Đạn đủ loại của địch tiếp tục nổ trên đầu chúng tôi. Để ngăn chặn các đợt tấn công của địch, chúng tôi chỉ còn một bãi mìn mỏng và vũ khí cá nhân, đại liên. Mìn mìn trong hai ngày kể tiếp B 52 hoạt động mạnh và Cobra xạ kích hữu hiệu. Tuy vậy không lực chỉ có thể ngăn phủ đầu các toan tính xung phong tràn ngập đỉnh đồi, không thể làm tắt các họng pháo. Địch theo dõi chúng tôi bằng viễn kính. Bất cứ lúc nào chúng tôi nhô người lên khỏi giao thông hào là ít nhất có hai loạt đạn nhắm tới. Chúng tôi chỉ còn hy vọng ở trực thăng Thương

binh được băng bó sơ sài, nằm rên la lẫn lộn trên đất vì băng ca đã đem đi hết. Bạn tôi bị tước cả đùi, cần răng chịu đựng trong khi nước mắt sống chảy ròng ròng. Một vài người bạn bị lòi ruột băng không kỹ, ruột phồng căng khi thở. Hầu hết chúng tôi đều thất thần vì nhọc và mất ngủ, đó là chưa kể sự căng thẳng do tiếng la hét của các bạn bị thương.

Trung úy Hân lâu lâu dùng vô tuyến xin trực thăng tải thương. Sáng thứ ba hai chiếc bay đến sà vởi vĩa, vừa đáp xuống một chiếc bị bắn cháy, một chiếc bốc đứng vụt lên. Lửa tỏa trên bãi đáp, hai phi công chạy nhanh vào giao thông hào, một xạ thủ bị kẹt trong phi cơ, một xạ thủ bị thương nằm trên giữa bãi. Chúng tôi biết hai hoa tiêu là Đại úy Hường và trung úy Luyến. Đại úy hăng hái nói chuyện với trung úy Hân, rồi giật ống liên hợp gọi tới tấp. Cuối cùng ông ta bỏ mạnh ống xuống, ngồi thừ nhìn mông lung...

Chiều thứ ba hai chiếc Cobra và ba chiếc F4 đến oanh kích tàn nhẫn vùng quanh đồi. Một trực thăng tải thương nhân cơ hội từ trên cao chúi xuống, đáp an toàn trên bãi. Có lẽ trực thăng đã báo trước cho trung úy Hân nên từ giao thông hào bên phải hai lính dù khiêng một thương binh chạy nhanh ra. Hai lính khác vừa khiêng một thương binh nữa ló ra khỏi hầm thì hàng tràng đạn pháo kích rơi dày trên bãi. Khói mù tỏa che lấp mấy người lính. Trực thăng vụt lên cao. Chúng tôi lo cho số phận họ, may không ai việc gì chỉ thấy trựa sơ sài vì lẫn trên sỏi cát. Trực

thăng bay luôn không trở lại.

Tối thứ ba, chúng tôi nghe thấy lẫn trong tiếng súng lẻ tẻ có một thứ âm thanh khác lạ. Không hẳn là tiếng máy phi cơ. Cũng không hẳn là tiếng xe Molotoba vận tải. Không ai nhận ra tiếng gì. Sáng hôm sau vừa tỉnh sương, trung úy Hân tập họp cho toàn thể anh em biết hai điều: một là có thể hôm nay địch tấn công đồi, hai là Đại Bàng cho biết không lực sẽ can thiệp mạnh để trực thăng có thể đáp xuống di chuyển hết thương binh, hoặc nếu được, toàn thể đại đội về.

Mọi người có vẻ mừng, hăng hái đi lo chuẩn bị chiến đấu. Đạn chắc cao quanh hai cây đại liên. Trong các hào sâu bên trong, chỉ còn vài tiếng rên nhỏ, những thương binh nặng đều mê man không la hét nữa.

Cả hai điều trung úy báo trước đều đúng. Khoảng tám giờ, xe tăng địch rầm rập xuất hiện, quay súng lên chúng tôi. Rồi cứ lừ lừ tiến lên. Chúng tôi dùng súng chống chiến xa thụt xuống, nhiều quả trúng đích, nhưng xe tăng vẫn tiến. Địch tự thị núp sau xe xông lên đồi. Vừa lúc đó phản lực cơ, và trực thăng ào ạt bay đến, lồng lộn dữ dội. Tôi cảm phục tài ba các phi công F4. Napalm đốt cháy số lớn xe tăng địch và thả bom chặn đứng các đợt sóng người núp sau xe.

Địch có lẽ đã núng, rút bót vào thung lũng xanh đen. Áp lực pháo cũng dịu bót. Tin vô tuyến báo cho biết sẽ có một trực thăng đáp xuống đồi. Đồi mất mọi người rạng rỡ,

Trung úy Hân ra lệnh cho toán tải thương sẵn sàng, bắt mọi người xuống hết dưới công sự để ngừa pháo kích lúc trực thăng đến. Pháo lực vẫn nhào lộn trên khoảng rừng ngả đen thẫm, bom nổ chát chúa và khói vờn lên trùng trùng lớp lớp.

Chiếc phi cơ tải thương hạ thẳng xuống, máy quạt sà sạt bốc bụi, một phi công chạy nhanh vào hào chúng tôi gọi to :

—Hường đâu ? Tao đến vớt mày về.
Còn chỗ cho vài thương binh.

Trung úy Hân chạy ra, kéo phi công vào hào trong. Hai người có vẻ tranh luận gay-go, tay chân múa may. Một lúc sau trung úy ra lệnh bốn đứa chúng tôi khiêng thương binh ra bãi đáp, theo thứ tự ưu tiên xếp sẵn. Viên phi công mặt mày có vẻ bất mãn, đứng nói chuyện với phi hành đoàn trực thăng rơi hôm trước. Khi toán tải thương chúng tôi chuyển được đến người thứ chín thì pháo địch lại rơi dày trên bãi. Chúng tôi lăn mình núp dưới thân trực thăng, quên rằng đây là mục tiêu ngon lành của địch. Lúc ấy tôi không

chú ý sự việc chung quanh diễn tiến ra sao. Tôi không hiểu viên phi công chạy ra lúc nào, và ba người bạn làm gì. Riêng tôi, đột nhiên tôi đã chết nhớ vợ nhớ con. Tôi thêm được xa hẳn cái chốn hiểm nguy này, thêm được ôm Lan thật chặt, thêm nựng đôi má thơm của bé Cải. Khi trực thăng bốc lên tôi ôm đại cái càng. Hai người kia cũng làm vậy, một người khác chơi với giữa bãi khói. Trực thăng lên vút khiến lưng tôi bị kéo mạnh về phía dưới. Tôi gắng lấy hết sức ôm chặt. Vừa qua khỏi địa phận đồi, trực thăng bỗng nhiên nghiêng trái, quạt phải, nghếch lên, chúc xuống. Mỗi lần như vậy, sức giằng rút tôi ra khỏi thân phi cơ. Gió lạnh cóng, hai tay và chân tê cứng. Tôi hãi hùng nghĩ đến cảnh rơi từ đám mây này...

Trực thăng quạt mạnh sang trái, một người rú lên rồi rơi mất. Tôi chỉ nghe tiếng rú một thoáng, rồi gió tạt đi, đứt đoạn. Trực thăng rướn mạnh lên cao, một tiếng rú khác.

Lúc về đến bãi đáp hậu cứ, tôi không tin mình còn sống. Tôi đã gục đầu, ngồi ngay bên trực thăng và khóc nức nở...

2.— LỜI KHAI CỦA TRUNG ÚY THỰC

Vâng, nếu quý vị giở lại quân bạ của tôi, trung úy phi công Lê Trịch Thực quý vị sẽ thấy Hường là người bạn thân nhất của tôi. Trong khoảng hồ sơ đòi mỗi tân binh ghi rõ ba người bạn biết mình nhiều nhất, tôi đã ghi tên Nguyễn Hường lên hàng đầu. Không cần suy nghĩ. Hai người kia chỉ cốt lấp hai khoảng trống.

Chúng tôi cùng học chung với nhau từ thửa còn mài đống quần trên băng trường trung học Chu văn An. Quê tôi ở Qui nhơn, còn Hường người Bắc. Tôi chuyển từ trường Võ Tánh vào, dân ngụ. Còn Hường học Chu văn An từ mấy năm trước. Tính Hường lém lỉnh, hoạt bát, hơi xạo một chút, giống y mẫu người Bắc

theo thành kiến dân Trung chúng tôi thường phác họa. Hường lại là dân cự, nên biết hết các ngõ ngách tập tục của trường. Riêng tôi, đây là lần đầu bước chân vào thủ đô hoa lệ, hòn ngọc viễn đông. Lúc mới xách cái va li kềm bước xuống nhà ga Sài Gòn, tôi bất chổng mặt vì cảnh xe cộ ngược xuôi tấp nập và tiếng ồn ào. Tôi cảm thấy bơ vơ hơn, không biết phải ngủ đâu đêm nay. Ba tôi cho địa chỉ chú tám Bình, ở miệt Phú-nhuận. Tôi kêu taxi, họ từ chối không đi xa. Chịu đựng những lời hỗn láo thô tục của bác cyclo máy mãi cả giờ đồng hồ, tôi mới tìm ra địa chỉ nằm sâu trong hẻm ngoắt ngoéo, đề người chủ nhà mở cửa cho biết chú Tám đã dọn đi nơi khác từ lâu. Chắc bấy giờ hình dáng tôi thảm nào lắm, nên bác cyclo đổi thái độ, nài từ tâm, rủ tôi về ở tạm đằng nhà ở bến Vân-đồn.

Bác ên Chín Đen, nhà cất trên vũng lầy ven sông dưới hăng thuốc lá. Khi nước rút, rác rưởi bùn lầy tỏa mùi hôi thối, khiến tôi muốn ngạt thở. Lúc nước lên, không khí mát mẻ trong sạch hơn. Tôi điều đình với bác chín gái, xin kê cái ghế bố ngủ ở chái ngoài mé sông, móc ngược cái xe đạp lên mái lá, kê sách lên giường ngồi bệt trên sàn gỗ để học; bác ăn gì tui ăn nấy. Giá tiền mỗi tháng là bảy trăm đồng.

Bác gái bằng lòng. Ngay hôm đầu, bác Chín hỏi:

— Biết nhậu không cháu?

Tôi lắc đầu. Bác chê:

— Dở ẹt. Thời buổi này, trai

vô tửu như kỳ vô phong.

Rồi kê tai tôi dặn nhỏ:

— Cháu ở nhà coi dùm, con mẹ có đi đánh bạc về mét bác.

Đến Chu văn An tôi cũng gặp những may mắn tương tự. Ngày đầu đến trường, tôi ngờ ngác không hiểu văn phòng nhận đơn chuyển trường ở đâu. Thấy một học sinh có vẻ khả ái tươi cười, đứng hút thuốc, nói chuyện huyền thiên với một đám ba bốn người bạn tôi rụt rè đến hỏi:

— Thưa anh, làm ơn chỉ dùm văn phòng nhận đơn ở chỗ nào?

Cả bọn ngưng nói chuyện, chăm chăm nhìn tôi. Có lẽ bấy giờ tôi có vẻ quê mùa lắm. Người học sinh tôi vừa hỏi đứng ngay ngắn, nghiêm nghị vòng tay lễ phép:

— Thưa em, văn phòng ở lầu hai, ngay phòng đầu tiên bên trái đây ạ.

Cả bọn ma cũ cười khà ố. Thấy vẻ bất mãn của tôi, Hường đâm ra hỏi, ân cần dẫn tôi lên văn phòng, đem giấy tờ vào đưa thẳng cho thầy giám học quen, và trong vòng mười lăm phút trở ra cho tôi biết hai đứa sẽ học đệ nhất B sáu, thời khóa biểu thế này thế này...

Chúng tôi ngồi ở cuối lớp, thuộc xóm nhà lá. Lý do: Hường hay nghịch sợ ngồi đầu bàn giáo sư dễ đề ý, còn tôi mang đầy mặc cảm dân ngụ. Có lẽ còn một lý do khác nữa, lý do kỹ thuật: tôi dốt toán nhưng khá sinh ngữ triết lý, còn Hường dốt sinh ngữ lười nhai triết nhưng lại cừ khôi về toán. Đó là chưa kể thứ tình bạn bè càng ngày càng gắn chặt cuộc đời hai đứa. Cuối năm ấy, cả hai đều thi hỏng

khóa đầu, tôi vì làm không ra bài toán và Hường vì đã nguêch ngoạc những dòng triết lý bí hiểm đến độ giám khảo cho rằng thí sinh cố ý hỡn xược phỉ báng thứ khoa học của tất cả mọi loại khoa học. Tôi qua nhà Hường học suốt mấy tháng hè, khóa hai cả hai đưa đều đậu bình thứ. Đậu xong, các trường cao đẳng chuyên nghiệp đều đã thi tuyển, nên chúng tôi không biết làm gì hơn là vác hồ sơ ghi danh MPC. Bất cứ ở đâu, Hường luôn luôn đóng vai trò anh cả: chen chúc cả buổi đề xin đơn ở khoa học, lần đến đứt hết nút áo mồ hôi mồ kê đề nộp lệ phí trên viện, đi sớm thật sớm đề giành chỗ ngồi trong giảng đường. Cả hai chúng tôi đều cảm thấy bơ vơ, như bị đánh lừa, khi bước chân vào Đại học. Tôi vốn không khá toán lắm, lên Đại học lại càng vất vả. Hường đốt sinh ngữ, đọc mãi một tờ "cua" tiếng Pháp chỉ hiểu lơ mờ, huống hồ là nghe một giảng sư người Việt giảng tiếng Pháp cho sinh viên Việt. Cuối năm, chúng tôi không cần đi coi bảng cũng biết kết quả.

Năm sau tôi chạy qua Dự bị Văn-khoa còn Hường sợ sinh ngữ trôi giạt về trường Luật. Tuy vậy chúng tôi vẫn thường gặp nhau, nhiều hôm bỏ học la cà trên phố, lang thang suốt ngày không biết làm gì, hút liên miên hết điếu thuốc này sang điếu khác. Đó là thời kỳ Hường đòi tính, hét cả hăm hở và hoạt bát. Hường đam mê thi ca, triết lý, ông ông ngâm mãi mấy câu của Nguyễn Trãi:

... Đã buồn vì ngọn mưa rào.

Lại đau vì nổi ào ào gió đông.

Hoa trôi nước chảy xuôi dòng.

Chiếc thuyền hờ hững trên sông một mình.

Cuối niên khóa, Hường lại hỏng Luật 1, còn tôi tuy đậu dự bị nhưng quá thất vọng về mọi thứ văn chương trường ốc. Do đó, chúng tôi mới rủ nhau vào không quân.

Mất đi một thiên-thần hộ mệnh, tôi vất vả nhiều trong binh nghiệp, chuyên ở những chỗ xấu và bị cấp trên trù. Hường lên đại úy, tôi vẫn trung úy. Hường khá bằng lòng với đời sống nhà binh. Hường viết thư cho tôi:

— Mày biết không. Tao vừa khám phá ra một thứ triết lý. Trên đời, chỉ có hai loại người thực sự hạnh phúc: tu-sĩ và quân nhân. Cứ cúi đầu tuân theo thánh ý và lệnh thượng cấp, không thắc mắc băn khoăn gì hết. Cuộc sống trở nên đơn giản trong sáng. Mày nên noi gương tao.

Có lẽ Hường đã tìm ra chân lý thật. Trong các bức thư gửi tôi, giọng Hường yêu đời. Hường tha thiết yêu một thiếu nữ miền Nam, và dành cả một bức thư dài tám trang đề tả cho tôi thấy hết vẻ đẹp cô mọi giai nhân khi nói: Ngộ quá hén.

Tôi mong được như Hường. Nhưng không thể!

Cuộc chiến ngoắc ngoéo xếp đặt cho tôi gặp lại Hường trong cuộc hành quân này. Chúng tôi ôm chầm lấy nhau, cảm động quá không biết

nên nói gì. Hường yêu đời nên trẻ hân, từ cử chỉ lời nói y phục đều ngay ngắn thứ tự, cái thứ tự của người có vợ. Tôi bị chê già trước tuổi. Chúng tôi ở chung với nhau một phòng trong căn cứ, và cố xếp đặt đề bay chung trong một phi đội.

Khung cảnh ở đây làm chúng tôi khó chịu. Thiếu hân màu xanh, mà dư nổi trống trải điêu hiu. Sự rộn rịp chát chúa. Bãi đáp luôn luôn ngùn ngụt cát bụi, hơi không khí nóng bỏng, khét lẹt. Trục thẳng lều ghềnh trên khắp bãi đáp. phi công Mỹ có vẻ uể oải, chưa có kinh nghiệm nhiều trên chiến trường này. Cả chúng tôi cũng vậy. Chúng tôi đã quen với những cánh đồng bát ngát chằng chịt mương rạch, từ trên cao có thể nhìn thấu được suốt hai ba tỉnh kế cận. Chúng tôi đã thuộc lòng từng con sông nước đục, từng nhánh lạch nhỏ cong queo như những cộng rêu héo trên thảm xanh non, từng cụm cây mọc là trên mặt nước thường là ổ nguy trang của các khẩu 37 ly, từng khoảng cỏ cao lá lã quí xuống run rẩy mỗi lần đổ quân.

Ở chiến trường này, mọi sự hoàn toàn đổi khác. Núi lúc nào cũng muốn vươn lên ôm lấy hai càng, và vực sâu luôn luôn chờ đợi. Từ buồng lái nhìn xuống, một bên là những thung lũng xanh già mây giăng ngút ngàn chỉ hé lộ những đáy sâu thăm thẳm, quay nhìn bên kia sườn núi án ngữ ngay trước mặt, sừng sững vôi vọi, rõ ràng từng cành cây khóm lá. Trục thẳng phải bay nghiêng nghiêng trườn lên cao cao mãi, và tầm mắt không

thể nào trải dài trên một khoảng rộng bao la, đành giới hạn giữa hai đỉnh núi.

Chúng tôi phải kiên nhẫn len lỏi theo các sườn núi quanh co, cố gắng cua qua quẹo lại lượn lờ ven khoảng mây để khỏi va vào đỉnh cao hay rơi xuống vực sâu. Lúc chiến trường chưa sôi động, tôi và Hường cứ đều đều chuyển quân và vũ khí như vậy từ hậu cứ đến các cứ điểm trấn thủ, từ bảy giờ sáng cho đến chiều tối.

Nhưng càng ngày hỏa lực địch càng mạnh, các phi vụ trở nên khó khăn. Chúng tôi vừa xuất hiện là đạn địch bắn lên như mưa : 37 ly, 50 ly, 23 ly. Bay cao trở thành nguy hiểm, nên chúng tôi áp dụng chiến thuật bay thật thấp ngay trên ngọn cây rừng, lướt sát theo các dốc núi. Thà để thân tàu lỗ chỗ dấu đạn AK còn hơn giờ bụng nhận đạn 37 ly. Với lối bay giống mặt vói vũ trụ đó, nếu không lạnh lay lẹ mắt như một nhà ảo thuật, chúng tôi đã tự dè bẹp thân xác vào vách đá núi. Vừa vụt qua một khóm kiến lửa nguy hiểm, chúng tôi chúi đầu vào một khoảng mây mù. Chưa kịp định kiến, sườn núi đen đã lù lù trước mặt...

Tuy thế, khó nhất là lúc đáp xuống. Pháo địch đã điều chỉnh sẵn tọa độ bãi đáp. Vừa hạ xuống, đạn địch chụp lên toi bời.

Trung úy Hiền ở phòng bên cạnh tàn thương, vừa đáp xuống, khiêng được một thương binh lên thì địch pháo kích dữ-dội. Phải bay nhanh lên nhờ Gunship làm im súng địch rồi mới hạ trở lại. Chờ mãi không

được, Hiền chỉ chờ được một bình dù cụt chân về đây. Tôi dài dòng nói đến những khó khăn của không quân, đề quí ông thấy chúng tôi cần những phi công kinh nghiệm biết chừng nào.

Bây giờ tôi xin nói đến điểm các ông muốn hỏi.

Hôm ấy là thứ ba. Tôi và Hường có phận sự đến đồi 17 tải thương. Chúng tôi bàn định cách bay. Từ hậu cứ đến đó, phải bay sát trên ngọn cây để tránh các ồ phòng không đặt trên các đỉnh núi. Nhưng đến cứ đêm 17, làm thế nào xuống được an toàn và bay an toàn? Hường đề nghị đáp theo lối cũ. Chẳng tôi đồng ý với nhau qua vô tuyến, rồi liên lạc với Cobra xin oanh kích thật gắt để tụi nó lo núp không pháo kích lúc hạ cánh. Chúng tôi kéo cho trực thăng vút lên cao, rồi Hường cho nhào thẳng xuống trước. Pháo địch từ trước đến giờ im tiếng, tự nhiên nổ ran. Tôi thấy trực thăng của Hường có vẻ lắc lư chòng chành. Hường gọi tôi :

— Tao bị rồi. Gãy đuôi.

Trực thăng của Hường bốc cháy khi rơi trên bãi. Bông Hường và Luyến chạy vụt bên dưới, tiến tới phía mấy mô đất đỏ. Lửa dưới trực thăng bùng chớp sáng bùng lớn lên, khói đen bốc dần lên gần. Không còn cách nào nữa. Tôi gọi phi cơ trinh sát :

— Sao tụi nó bắn dữ quá vậy? Tôi xuống được không?

OV 10 bảo thời tiết xấu, Mỹ chỉ yểm trợ ít phi cơ võ trang, không đủ làm nghẹn hết mọi họng pháo. Hôm

đó, tôi đành quay về. Vậy là Hường kẹt lại đồi 17.

Chiều hôm ấy về phòng, quân bưu có mang đến hai lá thư của vợ Hường. Tôi sợ căn phòng trống trải, bỏ ra phố. Tôi gọi rượu nốc hết ly này đến ly khác. Hình như tôi có đập lộn với mấy thằng Mỹ đòi độc quyền gái. Hình như tôi bị quân cảnh xúc đem về đồn. Tôi nói hình như vì sáng hôm sau tñấy mình vẫn còn trong trại, soi gương chỉ thấy vài vết bầm trên mặt. Hai lá thư của vợ Hường làm tôi nôn nao. Tôi chạy qua bộ chỉ huy, tình nguyện trở lại đồi 17. Lời tôi yêu cầu phù hợp với kế hoạch tải thương tiếp vận ngày thứ tư. Sẽ có hai chiếc đáp xuống đồi 17. Tôi một chiếc. Trung úy Lạng một chiếc. Đại úy Tín đi với OV 10 của Mỹ hướng dẫn Cobra và phản lực oanh kích. Hôm ấy thời tiết tốt, không lực Mỹ yểm trợ tối đa. Phản lực sẽ xới nát vùng thung lũng chung quanh, vài đạn tàn nhẫn để xạ thủ địch không có thì giờ câu pháo vào bãi đáp. Trong lúc ấy, tôi và Lạng sẽ hạ xuống đem thương binh và Hường Luyến về. Lúc ra đi Trung tá dặn :

— Cậu ráng đem tụi nó về, cứ cậu đi vụ này là phải nhất.

Đừng dè cho chim kẹt dí dưới đất.

Gần đến 17, Lạng bị bắn rát, máy trực trực phải lệch ráng đến đồi 19. Chỉ còn có tôi đến 17.

Như lần trước, tôi kéo trực thăng vút lên cao, rồi tắt hết tay ga cho phi cơ rơi như chiếc lá, đến gần sát mặt đất mới điều khiển cho phi cơ vào bãi đáp. F 4 nhào lộn chung quanh. Thấy

đáp được dễ dàng, lại không bị pháo kích, tôi ngạc nhiên. Tín vừa báo cho biết nên cẩn thận, địch vừa dùng xe tăng cầm tử xung phong lên đồi nửa giờ trước. Thực vậy, vì bận lo đáp tôi chỉ thấy những cột khói nghi ngút dưới thung lũng, quên suy luận xem có gì vừa xảy ra.

Mặc kệ, tôi đề cho trực thăng sẵn sàng, nhảy xuống sân chạy vào giao thông hào. Tôi hét hải gọi Hường. Tên chỉ huy dù chạy lại kéo vào hào trung ương. Vừa lúc ấy Hường và Luyến cũng đến. Hường mừng :

— May đến được thật tài. Tội tao về chuyển này chứ ?

— Ủ, còn chỗ tải thương. Vợ mày mới gửi thư ra.

— Trời, sao không mang cho tao ?

— Chiều về đọc. Rõ lắm cầm. Nhanh lên.

Bấy giờ viên trung úy dù mới nói, giọng lạnh như dao chém :

— Các ông ở lại đây. Phải dành ưu tiên cho thương binh.

Tôi cãi lại :

— Lệnh của không đoàn là cho các hoa tiêu về. Sau mới đến thương binh

— Tôi chỉ huy ở đây. Chính tôi mới có quyền quyết định. Các ông mạnh khỏe. Phải nhường chỗ cho những người cần cấp cứu. Họ sắp chết nếu không được giải phẫu, tiếp-huyết.

Hường và Luyến không nói. Tôi bảo :

— Chính vì cần tải thương gấp nên phải cho hoa tiêu về trước.

Chúng tôi cần những hoa-tiêu giỏi

để tránh được hỏa lực địch.

Viên chỉ huy dẫn giọng :

— Không có thời giờ cãi vã nữa. Địch vừa định xung phong lên đây. Các ông còn có thể cầm súng chiến đấu. Các ông không thể bỏ về. Anh em dù sẽ bảo là các ông trốn.

Bấy giờ Hường mới nói :

— Thôi, chờ chuyển sau đi Thục. Trung úy cho toán tải thương làm việc nhanh nhanh lên. Mai mới nhớ mang thư cho tao.

Tôi lơ ngơ không biết phải làm thế nào. Toán tải thương đã khiêng thương binh ra gần đủ. Tôi chạy ra sân không nhìn lại phía sau. Bấy giờ súng địch tự nhiên nổ ran. Có quả đạn rơi ngay phía trước buồng lái. Không chần chờ gì nữa, tôi leo lên cho ngay trực thăng bốc thẳng khỏi vòng nguy hiểm. Tôi không còn đủ bình tĩnh nhìn về phía giao thông hào, cũng không đủ bình tĩnh để ghi nhận sự kiện lạ : Tự nhiên F4 bỏ đi hết đề địch có thể pháo kích bãi đáp trở lại.

Trong trường hợp nguy hiểm như bấy giờ, tất cả mọi phi công đều áp dụng một lối bay độc nhất : tránh theo một phi đạo nhất định. Tôi cho trực thăng vừa bay thẳng tới trước, vừa ghéch đầu chếch lên không, vừa quật mạnh về phía trái. Cho nên trực thăng phải chòng chành.

Nhờ ơn trời, tôi đã mang được chín thương binh về hậu cứ bình yên. Xin lỗi, mười chứ không phải chín, vì khi đáp xuống, tôi mới biết có người đeo cứng dưới hai cẳng.

oOo

3.- LỜI KHAI CỦA ĐẠI ÚY TÍN

Tôi hoàn toàn không biết gì về trung úy Thục, ngoài phi vụ yểm trợ tấn thương hôm ấy. Cho nên tôi chỉ khai những việc xảy ra từ sáng thứ tư mà thôi.

Tôi được lệnh trình diện gấp tại phòng thuyết trình hành quân. Lúc tôi vào, hầu như tất cả những người cần thiết đều đủ mặt. Tôi ngồi bên cạnh trung úy Thục. Dáng người cao lớn, vạm vỡ, nước da nâu, tóc cắt kiểu bàn chải. Đôi mắt của trung úy làm tôi chú ý nhất. Sâu, sáng, buồn, cái vẻ khổ não u uất như thường xuyên hiện ra ở đó.

Đôi mắt đặc biệt này làm tôi có cảm tình ngay với ông từ lúc đầu. Chúng chúng tỏ sự xúc động vô cùng của ông trước hình ảnh chiến cuộc diễn đều hằng ngày trên bãi đáp. Chúng tôi vẫn thường gọi đó là hai chuyến khứ hồi: chuyến khứ mang anh em từ Nam ra: mạnh khỏe, hăng hái, tươi cười, băng nắng bó hó như gà mắc đẻ; chuyến hồi mang anh em từ phương Tây về: hốc hác mệt mỏi, dầy dựa rên la trên băng ca hay nằm yên trong ponche.

Tôi càng cảm phục trung úy Thục hơn khi biết ông tự nguyện xung phong thi hành phi xuất này. Chúng tôi ở hậu cứ, được đọc nhiều nhật báo tuần báo tiếng Việt tiếng Mỹ, nên biết tình hình hiện không thuận lợi mấy. Đồi 17 đang bị nặng. đại đội tử thủ đang kêu cứu và chưa biết sẽ bị tràn ngập lúc nào. Đồi 19 đang

bị đe dọa. Thời tiết lại xấu. Phi công Mỹ có vẻ e ngại thi hành những phi vụ quá sức hiểm nghèo, nhất là sau lúc họ vẽ nguệch ngoạc khẩu hiệu "Peace now. Make love not war" trên hông trực thăng.

Kế hoạch hành quân khá tỉ mỉ, chắc chắn thành công. Tôi ngồi OV 10 của Mỹ đề hướng dẫn F4 và phi cơ trực thăng võ trang oanh kích. Nếu cần, có thể gọi pháo binh yểm trợ. Mục tiêu hành quân là ngăn chặn cuộc tấn công chiếm đồi 17 của địch, cứu thoát phi hành đoàn bị kẹt hôm trước và tải thương. Qua một vài câu ngắn tôi biết một đại úy bị kẹt trên đồi 17 là bạn thân của Thục. Tôi cảm phục ông hơn.

Chiếc OV 10 lượn qua chao lại như con diều trên không phân đồi 17. Tôi ghi nhận các mục tiêu có thể ẩn dấu xe tăng và trọng pháo địch, quan sát mọi phương đề dự đoán hướng tấn công. Mạn đông nguy hiểm nhất vì dốc thoải thoải. Sâu phía dưới cây cối um tùm, lại thêm mấy quả đồi rậm nhìn thẳng vào bãi đáp. Tôi gọi F4 thả bom các chỗ khả nghi ấy. Lúc 8 giờ, địch dưới đất bắt đầu tấn công. Các chiếc PT 76 lừ đừ bò khỏi rừng rậm leo lên sườn đồi. Hoa tiêu Mỹ chúi đầu bắn một hỏa tiễn khói ngay bên cạnh chiếc xe tăng. F4 nhào xuống, napalm trúng ngay mục tiêu. Khói lửa tỏa mù bên dưới. Địch chạy tủa ra chung quanh, giạt xuống chân đồi. Mấy chiếc F4 khác dùng bom bướm bướm thả phủ

xuống đàn kiến di động tơi tả, hoặc cày nát đỉnh đồi thấp và khoảng thung lũng rậm.

Hỏa lực ào ạt khủng khiếp ấy làm địch im tiếng súng. Bấy giờ trực thăng trung úy Thục cũng vừa đến. Tôi gọi cho Thục :

— Cậu coi chừng. Tụi nó vừa tấn công xong. Pháo của địch còn mạnh lắm.

Thục cảm ơn, hỏi ý kiến về an ninh bãi đáp. Tôi bảo :

— Các ồ pháo trên hai ngọn đồi thấp vừa im tiếng. Không biết đã thực sự nghẹn chưa. Tốt hơn hết, cậu đáp theo kiểu lá vàng rơi.

Thục đồng ý, bắt đầu cho chúì xuống. Tôi điều khiển các chiếc F4 và Cobra bắn rát hơn vào phía thung lũng và hai đỉnh đồi đối diện. Thục đáp an toàn. Không thấy có pháo địch, chỉ còn những tiếng bom nổ dòn và các đụn khói dâng cao đây đó trên thảm xanh đậm của rừng.

Bỗng trên tائن số cấp cứu có tiếng một phi công Hoa-kỳ :

— Tôi bị rồi. Phi cơ sắp cháy. Tôi nhảy dù đây.

Nhìn sang phía phải, một chiếc F4 bốc khói đằng đuôi, và hai chiếc dù trắng đỏ vừa nổ. Tôi gọi cho mấy chiếc F4 :

— Coi chừng hai đỉnh đồi, có thể pháo địch chưa im hẳn đâu. Làm ơn oanh kích rát hơn nữa.

Nhưng lần lượt tất cả mấy chiếc phản lực bay về phía hai cái dù. Hốt

hoảng, tôi nói với viên hoa tiêu OV 10 :

— Thôi, để tụi F4 lo. Mầy với tao ở lại điều khiển Cobra.

Chiếc OV 10 bỗng nâng hẳn lên, nghiêng mình bay theo mấy chiếc F4. Tôi nói với viên hoa tiêu :

— Làm ơn quay lại đi. Địch có thể tấn công trở lại. Làm ơn chút.

Tôi ràn rụa nước mắt. Nhìn ngoái lại đằng sau, pháo địch bắt đầu nổ trắng trong khi trực thăng của Thục nghiêng ngả chòng chành lách xa. Đúng như các ông hỏi, dưới bụng trực thăng có mấy người ôm cứng hai càng.

Chúng tôi về căn cứ khoảng bốn giờ. Thục đã về trước đó ít lâu. Anh em trong căn cứ bàn tán xôn xao về những tiếng kêu cứu vô vọng cuối cùng của đôi 17, về cái chết chắc chắn của Hường trên ngọn đồi bị tràn ngập, về giọng nức nở của người linh ôm càng trực thăng về được đến đây. Tại câu lạc bộ, tôi gặp Thục đang ôm đầu ủ rũ, mắt đỏ sưng.

Thục nói băng quơ :

— Không biết nó chết hay nó bị bắt.

Tôi im lặng, hiểu rõ Thục đang nói đến ai. Đột nhiên Thục hỏi tôi :

— Giá sử anh ở trong trường hợp này, anh xử trí ra sao :

Anh đang lái một cái xe đẩy nhóc anh em bạn bè. Xe chạy ngon trớn. Đột nhiên anh thấy trước xe có một thằng bé chạy ra giữa lộ. Phanh gặt,

xe sẽ lật. Lái tránh sang mé đường. chín mươi phần trăm chắc chắn là xe sẽ xuống hố. Anh sẽ làm gì?

— Cán bừa. Vì không thể tránh được nữa.

Thục nói :

— Tôi ước được như anh. Tôi đã rồ ga cán bừa, nhưng ngay sau đó, lại hối hận tự hỏi sao không đưa chân

dậm thẳng. Biết đâu trong mười phần trăm còn lại, đứa bé sẽ sống.

Hôm sau. Thục len lỏi ngược xuôi hỏi dò tên hai người lính rơi trực thăng. Thục hỏi kỹ cả gia cảnh họ.

Cả ngày và suốt đêm ấy, Thục không về trại.

Tôi chỉ biết có bấy nhiêu, và viết hết bấy nhiêu.

NGUYỄN MỘNG GIÁC

Qui Nhơn tháng 4-71



Nhức đầu

Viết bằng

Budon

TRI:

Nhức răng, nhức môi, đau
lưng, đau nhức lúc có
Kính Kỹ



KN 48 1211 / BYT / QGDP



THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm-Ngũ-Lão — Sài-gòn

Dây nói: 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG
có xưởng máy cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cổ áo (étiquette)
màu đẹp, bền, không phai.

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện SAIGON

Số: 2.701 THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

TUỔI TRẺ HƯ KHÔNG

8 / Truyện dài HOÀNG NGỌC TUẤN

(tiếp theo **BK** số 34⁴)

Chỉ mới hút xong điếu thuốc, Ngọc Đực đã xong xuôi tất cả. Hấn hỏi tôi cần thay áo quần hay tắm gì không. Tôi nói không cần, thực tình bây giờ tôi mới ngủ và chỉ thích ngủ một giấc tới sáng. Nhưng có lẽ không nên từ chối lời rủ đi chơi phố của một thằng bạn chung phòng mới quen và có vẻ dễ tính này.

Bực thang gỗ lại rung lên những tiếng kêu đáng ngại khi hai đứa đi xuống. Bà chủ nhà đang lim dim mắt phe phẩy quạt mở mắt ra liếc nhìn Ngọc Đực một cái có vẻ khó chịu, kèm theo với tiếng nói nhừa nhựa.

— Mười giờ là đóng cổng. Không ai thức khuya chờ mở cửa cho mấy cậu đâu.

— Được rồi. Quá giờ, bọn tôi ra ngủ ngoài đường.

Giọng nói của Ngọc Đực cũng tỏ ra cau có không kém.

Lát sau tôi theo hấn đi quanh co trong những ngõ hẹp tối tăm nào đó, rồi ra phía đường cái. Một con đường sáng rực đèn. Tất cả những xe cộ và người có vẻ như đổ xô từ mọi nơi hướng về trung tâm thành phố. Chỉ một khúc đường ngắn mà có đến hai ba quán cà phê ánh đèn mờ đỏ hồng, tiếng nhạc một mỗi vắng ra và chập choạng những hình

người mờ mờ trong làn khói thuốc.

Ngọc Đực nhìn vào quán, hấn đảo dác như định tìm một người quen. Tôi tưởng hấn sẽ dẫn tôi vào đó nhưng hấn lại lôi tôi đi ngang qua, mỉm cười.

— Máy quán đó dành cho những thằng hết chỗ chơi rồi. Sau này khi nào máy chán Sài gòn, máy cũng sẽ chui đầu vào đó ngồi cho qua ngày qua tháng.

— Chán sao được. Tao mới đến đây lần đầu mà.

Ngọc Đực vuốt vuốt mái tóc dài, hấn vừa liếc nhìn một cô gái đẹp đi ngược chiều, vừa nói :

— Bởi vậy mày hãy lê la khắp nơi đã. Đối với tao bây giờ, Sài-gòn chán chết thật. Nhưng còn mày, trước khi chán được nó cũng phải tơi tả khá nhiều.

Tôi dừng lại một chút để mua bao thuốc lá. Ngọc Đực bảo tôi nên mua thêm một hai tấm giấy số kiến thiết. Tôi làm theo ý hấn vì mơ mộng đôi chút khi nghĩ đến ngày dò số, chắc chắn tôi sẽ trúng lô độc đắc. Có vài triệu đồng trong túi mình sẽ làm gì ? Ăn xài huy hoàng cho đến khi sạch túi, cần cù làm ăn hay vai mang bó bạc trở về nhà... và như thế là cuộc chinh phục chấm dứt chỉ trong vài ba ngày, nhờ một tấm giấy mộng manh may rủi này ?

Ở Sài-gòn, có lẽ chỉ dọc theo một con đường cũng có đến cả triệu tiệm ăn, quán nước, sạp bán thuốc lá và vé số. Người ta xài tiền rĩ rã chỗ này chỗ kia một ít, và người ta chờ đợi tuần sau sẽ có tiền đầy túi.

Tôi cũng đang hy vọng ngây ngô như thế, hy vọng thì có mất mát gì đâu.

oOo

Tôi cũng không biết đã mấy giờ khuya rồi và mình đã đi đâu. Bây giờ tôi đang ngồi ở một nơi mà Ngọc Đục gọi là Ngã Sáu. Đây như là một cái chợ người ồn ào cười nói không ngớt. Trên bàn trước mặt tôi lỏng chỏng những vô chai la-de, hai chiếc cốc lưng chừng màu nước vàng óng đã nhạt vị những thỏi đá lạnh trong suốt. Ngọc Đục ngồi dựa người gần như ngã nhào ra đằng sau, hai chân hấn gác lên ghế nhịp lên nhịp xuống. Mặt hấn đỏ bừng, mắt lim dim nhìn tôi, cặp lông mày cố gắng nhướng lên như để mí mắt khỏi bị cơn buồn ngủ kéo sập xuống. Hấn lại nhăn mặt hớp thêm một ngụm bia, bọt trắng chảy tràn ra khỏi miệng và làm ướt cổ áo trước ngực.

Tôi ngáp dài, bãi hoai vô cùng. Điều thuốc lá kẹp giữa hai ngón tay cháy dần dần hồi nào không hay, mãi khi tàn thuốc đã thật dài và đầu lửa đỏ đỏ nóng vào da làm tôi giật mình vút vội điều thuốc. Tôi lại châm thêm một điều thuốc. Nhưng khi nhậu nhẹt, uống bia hay rượu, thuốc lá hút thấy ngon miệng và đậm đà ghê gớm. Trái với lúc ban chiều, bụng tôi bây giờ căng cứng đến khó chịu. Không biết Ngọc Đục gọi mấy thứ đồ nhậu và hai đứa thi nhau

nốc hết bao nhiêu chai bia. Chỉ nhớ loáng thoáng nào là một tô cháo lòng dần bụng, những đĩa tiết canh vịt với nhiều rau thơm ngọt mát, những con sò huyết khi bị tách vỏ ra, mời mọc làm chảy nước miếng với màu đỏ rực lóng lánh của nó, những trái trứng vịt lộn mau làm no bụng nhất và cuối hết có lẽ là hai con khô mực to tướng, những sứa mực xé ra từng mảnh nhỏ, mặn và dai cùng với mùi nước tương ớt đỏ cay, cứ nhai lai rai mãi trong miệng hoài cùng với biết bao ngụm bia kèm theo, mỗi lúc mỗi thấy béo ngọt thêm.

Tôi không nhớ đã theo Ngọc Đục đi đến những nơi nào trong thành phố. Có lẽ cũng không đâu xa và nhiều gì lắm. Thủ đô nào ban đêm, ánh đèn đủ màu loang loáng đầy chung quanh là hình ảnh điển hình nhất đập vào mắt đầu tiên. Vài công viên tối tăm có bồn nước bắn lên trời tung tóe những tia ánh sáng trắng vui mắt. Vĩa hè cũng vắng vẻ, những cửa hàng buôn bán đều đã đóng cửa. Ở đây, vào buổi tối, mọi người có vẻ thích chen chúc nhau trong những nhà hàng và quán nước gần máy lạnh ở các góc đường, bên trong lớp kính thủy tinh ngăn cách, ánh sáng đỏ hồng lộng lẫy của những ngọn đèn nổi bật hẳn lên trong bóng tối.

Khi đêm xuống sâu hơn, đường phố chỉ còn những ngọn đèn và các tấm bảng hiệu quảng cáo chạy những đường ánh sáng xanh đỏ. Ngọc Đục khoác vai tôi lững thững theo hướng về nhà trọ. Và hai đứa dừng lại ở đây, trung tâm của sáu con đường đụng đầu nhau. Trên một mảnh đất nhỏ sát lề đường, hàng

chục chiếc xe bán đồ ăn thức uống sát cánh bên nhau, tạo thành một khu chợ nhỏ ăm ỉ những người ăn nhậu.

Và bây giờ là tôi đang ngồi đây, không khác gì với những người bên cạnh. Cũng ăn nhậu, cũng trò chuyện lớn tiếng, nói cười đùa cợt đủ chuyện trên trời dưới đất, mặt cũng đỏ au và dấp dấp đã bắt đầu khật khưỡng. Không ai chú ý đến ai, mọi người có vẻ buông thả thỏa thích sự vui thú vào những cốc bia vàng bọt trắng lạnh ngắt, với đủ thứ đồ ăn đồ nhậu lật vật không thiếu một món nào... nghêu sò, chân gà chân vịt, mực khô, cá khô, tiết canh, lòng heo, bánh cuốn, chả giò, bò viên... tất cả mọi thứ lỉnh kỉnh tưởng có thể kê khai vào trong một cuốn tự điển dày, và một bọm ăn phải vay thêm hai ba cuộc đời mới có hy vọng ăn hết.

Tôi cảm thấy thú vị sảng khoái trong bầu trời đêm hỗn độn tiếng người ầy. Ở đây khác xa với căn phòng tịch mịch của nhà tôi, chỉ có tiếng sóng biển xa xa vọng về. Trong một thoáng, hình ảnh của bãi cát trắng mông mênh ven biển cả như một thế giới nào đó quá mơ hồ và xa vắng, tưởng chừng chỉ có trong giấc mộng, thế mà tôi chỉ mới rời xa nó cách đây vài ba ngày.

Uống thêm hai hớp bia cuối đã lạt lẽo trong đáy cốc, tôi chợt nhớ đến lời dặn của bà Tám Mập chủ nhà. Tôi ném một que diêm vào ngực áo Ngọc Đực nhắc hẳn :

— Có lẽ quá mười giờ rồi. Phải về trước khi nhà đóng cửa.

Ngọc Đực nhún vai.

— Mặc con mụ vịt già đó. Tao biết

cách leo lên gác trên. Tụi mình có phải là trinh nữ đâu mà phải đi ngủ sớm vậy ?

Tôi bật cười.

— Mới đêm đầu tiên ở nhà người ta mà tao đã bê bối theo mày rồi. Chắc là bà chủ nhà sẽ rất ít có cảm tình.

Ngọc Đực khoát tay bĩu môi, bắn suýt làm rơi một chai bia.

— Dĩ nhiên rồi. Mày ở chung phòng với thằng Ngọc Đực này đương nhiên là thành phe bị ghét nhất nhà. Nhưng cần cóc gì, con mẹ đó đâu phải là bà cổ nội của tao. Cuối tháng rán đóng đủ tiền trọ là xong.

Lời nói của Ngọc Đực làm tôi thoáng lo nghĩ về số tiền trong túi của tôi và những ngày tháng sắp đến. Dù sao, tôi cũng quên sự phiền muộn rất nhanh trong một nơi vui vẻ như thế này.

Ngọc Đực bồng vổ vai tôi, đầu hẳn cúi xuống nhưng giọng nói cổ cất lên ra vẻ khuyên bảo long trọng, nghe thật buồn cười.

— Lạ này, mày đừng bao giờ mất công nghĩ đến chuyện lấy cảm tình người khác làm gì. Rồi mày sẽ gặp cả triệu đứa cả chón, hắc ám... mày có mềm như con lươn mà tụi mình vừa nhậu với đồ chua, cũng không khỏi bị chúng ghét hại mày... Ở đây, mày chỉ cần có tiền là đủ...

Tôi gật đầu đồng ý, tôi linh cảm rằng ở trong một thành phố xô bồ hỗn loạn như Sài gòn, cái điều mà Ngọc Đực vừa nói sẽ hợp lý vô cùng. Tôi sẽ không phí bỏ đời tôi để mua chuộc hay đánh đổi cảm tình của thiên hạ. Bất kể được yêu thương hay bị ghét bỏ, tôi sẽ chạy trên đường đời như một con ngựa chững theo lời thúc giục của chính mình.

Tôi tán thưởng Ngọc Đực bằng cách rót thêm bia cho hắn. Dưới mái tóc dài và bộ râu như những tên đang tử, Ngọc Đực có vẻ là một người đã nếm đủ thú vui cũng như đã chia sẻ với những vỉa hè bần cùng gió bụi trong thành phố này. Như thế, hắn là một người bạn thích hợp và cần thiết cho tôi, một thanh niên ngơ ngáo mới vào đời mà gần như mừng rỡ trước đến những ngày ngã gục. Nhưng ngã gục để rồi đứng dậy và lao mình lên cao hơn. Tôi vẫn yêu những hình ảnh của chiến thắng lẫn chiến bại ấy.

Đến một lúc nào đó, tôi thấy uống thêm không nổi nữa và nhìn Ngọc Đực, có lẽ hắn cũng như tôi. Tôi đưa tay gọi những thằng nhỏ đang lăng xăng chạy quanh để trả tiền. Nhưng Ngọc Đực lạnh len và rành hơn tôi, hắn đứng dậy, len lỏi đến lần lượt bốn năm hàng quán khác nhau và chỉ trong một lát là đã trả tiền ăn nhậu xong xuôi. Tôi chỉ biết mua thêm hai bao thuốc lá và ngượng ngập nhìn hắn.

Ngọc Đực kéo tôi đi, hắn mỉm cười :

— Mày cần để dành tiền để xoay xở. Tao thì dễ lắm, hết ngày này ngày mai xoay có ngay.

Ngọc Đực chợt đưa tay vuốt má một cô gái bán thuốc lá nhưng cô nàng tránh được, nguyền dài. Hắn cười nhăn nhó, tiếp tục với tôi.

— Rồi mày sẽ thấy, tiền bạc là một cái gì kỳ cục lắm... trước sau gì cũng hết. Tốt hơn là mình nên cho nó hết... bằng cách nào gần nhất.

Hai đứa chập chạng băng qua đường có tiếng còi xe và tiếng thắng gấp của một chiếc xe hơi nào đó sau lưng.

Ngọc Đực tỉnh bơ cho hai tay vào túi quần, miệng huýt sáo những âm thanh rè rè nghe không ra cái quái gì cả. Tôi bắt chước theo hắn, đá tung tóe những lon sữa bò, những hộp giấy, vỏ chai hay bất cứ vật gì người ta vứt bỏ trên đường.

Trước mặt tôi bỗng loáng thoáng tiếng còi rít lạnh lạnh thật khó chịu và những đám người tụ tập đứng lơ lửng. Ngọc Đực chợt sững người lại, nhìn sững về phía trước. Tôi ngạc nhiên nhìn theo hắn và bây giờ mới nhận ra một hàng lính dài đầy đủ súng ống đứng dọc bên đường, đang chặn xe và người xét giấy tờ. Đủ thứ cả, cảnh sát áo trắng, cảnh sát rằn ri và lốm ngấm những chiếc nón sắt bóng loáng của quân cảnh.

Ngọc Đực hỏi nhanh.

— Mày đủ giấy tờ hợp lệ quân dịch không ?

— Đủ. Còn mày ?

Ngọc Đực gất nhỏ :

— Hỏi lắm lắm. Tớ có lớn tổng ngồng thế này lại không què cụt gì cả, không đi lính thì làm quái gì mà hợp lệ được.

Tôi đáp ứng :

— Giờ sao đây ?

— «Lặn» chứ làm gì nữa. Mày cứ đi bộ trước về nhà đi. Tao trở lui kiểm ngô khác về sau. Cứ ở trước cửa nhà chờ tao chỉ chỗ cho mà leo vào.

Tôi liếc về phía trước lo ngại cho hắn. Ngọc Đực đứng thẫn nhiên chăm một điệu thuốc lá. Hắn vờ không nhìn toán cảnh sát rồi từ tốn chậm rãi quay mình đi lui lại về phía Ngã sáu.

(Còn tiếp)

HOÀNG NGỌC TUẤN

Trước đòi hỏi nồng nhiệt của hàng
ngàn bạn đọc chưa kịp mua đã hết

nhà xuất-bản NGUYỄN ĐÌNH VƯỢNG
tái bản lần thứ nhất

SÔNG CHỈ MỘT LẦN

Truyện dài của Mai Thảo

*2500 ấn bản mới, in đẹp hơn lần trước sẽ phát
hành trên toàn quốc từ ngày 1 tháng 7 năm 1971.*

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S. O. A. E. O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Tường-Tập (Khánh-Hội) SAIGON

Tél : 93.741 – 93.742

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE GAZ CARBONIQUE

Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCLOPROPANE
— PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON ETC...

Matériel pour soudures oxy-acétylénique et électrique
Installations de gazothérapie

NOTRE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION DE LA
CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS

ASPRO



trị :

**CÁM CÚM
ĐAU NHỨC**

BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

PUB: TÂN-TRÍ

KN 226.BYT

Tương lai của chúng ta

TRẦN NGỌC NINH

(tiếp theo trang 12)

Những cuộc tiếp-xúc ở Đà-lạt đã không thể qua mắt được tình-báo của Mỹ, nên chính-phủ Ngô-Đình-Diệm đã bị quyết định là phải chịu sự hy sinh. Năm 1963, việc này thành tựu.

Sự leo thang chiến tranh của Hoa-kỳ không kịp được với những biến đổi của tình thế sau đó. Một phần vì sự lãnh-đạo Miền Nam đã tỏ ra bất lực, một phần vì sự tăng-trưởng nhanh chóng của quân đội MTGP có sự gia nhập của quân đội Bắc-Việt (ít nhất là 85.000 người vào khoảng năm 1965 theo những tài-liệu quân-sự của người Anh), nên miền Nam đã thực sự ở tình-trạng sắp mất vào năm này.

Những chiến-dịch bài Mỹ và chống chiến-tranh khởi sự từ những giới trí-thức khuynh tả Pháp được sự ủng-hộ của chính quyền De Gaulle cũng bắt đầu. Chính phủ Wilson của Anh quốc đóng vai trò hòa giải giữa Nga và Mỹ để tìm một đường lối dàn xếp cho chiến tranh Việt-Nam. Giải-pháp tương-tự với Hi-lạp được Bộ Ngoại giao của Anh quốc đề nghị, đối lại với giải pháp tương-tự với Cao ly theo người Mỹ, một thái độ tiêu-cực có hậu-ý của người Nga, và một thái độ quyết liệt của Trung-Hoa.

Sự bế-tắc chỉ mới bắt đầu được khai-thông vào khoảng 1968. Những lí do thực đã đưa đến tình-trạng mới chưa được tiết lộ. Giám-đốc Cơ-quan Tình-báo Trung-ương của Hoa-kỳ là Clifford, với tư cách là tân Tổng-trưởng

Quốc-phòng, đã thuyết phục Tổng-thống Johnson quyết định sự ngưng oanh tạc Bắc Việt, sự xuống thang chiến-tranh và sự hòa đàm công khai. Tình hình tài-chính và những xáo-trộn xã-hội ở Hoa-kỳ, sự vô hiệu của quân-lực Hoa-kỳ tại chiến-trường Việt-Nam là những yếu-tố thường được nói đến. Một sự tái định về Trung Cộng có thể đã có ngay từ lúc này. Và sau cùng, vai trò của Pháp cũng không thể bỏ qua được. Cuộc hòa đàm được mở ở Ba-lê, và đồng thời có những tiếp xúc khác ở Vạn-Tượng, Nam-Vang, Tân-Đề-li, Var-sovie, Moscou và Bắc-kinh giữa Hoa-kỳ và các nước lâm chiến phía Cộng.

Vai trò của Pháp càng ngày càng nghiêng về phía Hoa kỳ, nhất là sau khi De Gaulle rời khỏi chính trường. Cuộc tấn-công vào Cao miên tất phải có một sự thỏa thuận của Pháp, đổi lấy một cái gì mà ông Pompidou đã yêu cầu ở ông Nixon. Chính-phủ Pháp đã hoàn toàn yên lặng trong vụ Cao miên cũng như trong vụ Nam Lào. Rất có thể người Pháp đã làm một công việc trung gian to lớn hơn, giữa Hoa thịnh-đồn và Bắc-kinh, dẫn dắt đến những màn ping-pong ngoại giao và sự giải tỏa thương mại với khối 800 triệu dân Trung-Hoa.

Chính quyền Nixon đã thay đổi và sẽ bị áp-lực của các giới tài-chính để thay đổi nhiều hơn nữa về lập-trường đối với Trung Cộng. Một cục diện mới của thế-giới đang thành hình, trong đó Mỹ sẽ nhận định lại rằng kẻ đối địch thực sự của mình trong vòng 20 năm tới vẫn

còn là Nga-sô, và Nga-sô cũng sẽ phải cố gắng tận lực để chứng-miah rằng những tiến bộ kỹ-thuật của mình không thua gì Hoa-kỳ. Cảnh hai siêu cường-quốc ấy là một nước Trung Cộng hiền-lành hơn và một Tây-Âu mở rộng cho Anh-quốc, nhưng với một vai trò quan trọng của nước Pháp.

Chiến tranh Việt-nam sẽ còn bùng lên, nhưng để rồi tàn lụi đi. Năm 1973 được tiên phóng là năm cuối cùng của một ván cờ người đẫm máu giữa các siêu cường-quốc trong giai-đoạn « sống chung hòa bình ». Từ nay cho đến lúc đó, chắc chắn rằng sẽ còn vài chục ngàn người vô tội bị tử vong, và rất nhiều xáo trộn chính-trị xã-hội trên mảnh đất nhỏ bé này.

Hai nước Việt-Nam

Chiến tranh tàn lụi có nghĩa là sự tranh đấu chuyển sang địa-hạt không đổ máu tập-thể. Điều này không gạt bỏ những hành động khủng bố hay những sự bạo động khác. Sự tàn lụi của chiến tranh cũng chỉ có một ý-nghĩa phân bộ, vì chiến tranh có thể và có lẽ đang di chuyển đi nơi khác.

Kể cả trong trường hợp Miền Nam sẽ có một chính-phủ liên-hiệp và một đảng chính-trị thiên Cộng, một điều chắc chắn là sẽ vẫn còn hai nước Việt-nam trong một thời-gian không biết là bao nhiêu lâu nữa. Trước thế lực của các siêu cường-quốc, trong cái thân phận nhược-tiểu của ta, mặc dầu tất cả những sự hi-sinh về xương máu của cả một lớp thanh thiếu niên, chúng ta không làm gì được để quyết định về định mệnh của nước ta cả. Cho đến giờ phút này, Miền Bắc chỉ làm và nói theo mệnh lệnh của hai nước đàn

anh trong khối Cộng, và miền Nam cũng chỉ nói và làm theo sự chỉ-huy của Hoa-thịnh-đốn. Cả hai « nước », trong hiện tại đều sống nhờ viện trợ, và đánh hộ cho những chủ-nghĩa mà chính mình chưa từng bao giờ được hưởng. Chỉ có một điều khác nhau, là chính quyền miền Bắc thì đã hoàn toàn thấm nhuần đường lối và ngôn ngữ của các nhà lãnh đạo ở Moscou-Bắc kinh, còn chính quyền miền Nam thì không theo kịp được những thay đổi chiến-lược của Tòa Bạch-ốc.

Tôi muốn mình định lại rằng, ở trên tất cả mọi chủ-trương của các chính quyền, vượt qua tất cả những sự xáo-trá của sự tuyên-truyền tâm lý-chiến, thì ở trong lòng mỗi người Việt-nam đều có cái ý-chí cương quyết và bền vững về nền độc-lập và thống nhất của đất nước. Ở Việt-nam, chỉ có một lập trường, là lập-trường dân-tộc, chỉ có một ước vọng, là sự hòa đồng dân-tộc, chỉ có một đòi hỏi, là sự tự chủ của dân-tộc. Người dân có thể hiểu được những cái khổ tâm của chính-quyền nếu chính-quyền biết bảo vệ nền độc lập và che chở cho người dân sống với nhau trong tinh-thần thống nhất. Dầu là trên một phương-diện nào đó, phải chịu sự thụ phong và nép mình dưới bóng một cường-quốc quá lớn và quá mạnh. Dầu là các chính quyền của mình, sau những sự hi-sinh vĩ đại của toàn dân và những chiến thắng vẻ vang cho lịch-sử của đất nước, phải chịu tạ tội với Thiên-triều hoặc, trong ngôn-ngữ ngày nay, xác nhận lại sự trung thành với nước lớn qua « chủ nghĩa Mác Lênin » hay « lý tưởng tự do ». Việc đó là việc của chính quyền, ước lượng cái thế nước trong

cực-diện của những lực-lượng quốc-tế, tùy thời mà thay đổi. Miền là những điều đó không phạm đến sự hãnh-diện của dân-tộc và không thực sự làm mất cái chủ-quyền của người Việt-nam trên đất nước Việt-Nam.

Từ 1948 trở đi, tức là mới chỉ sau sự thành công của Cách-mạng Đồ ở Trung-Hoa lục-địa, các chính-quyền Việt-nam liên tiếp hình như đã quên cái truyền-thống lịch sử ấy và đã xa hằn người dân, nên có những chủ-trương

cực-đoan và cứng rắn mở đường cho những sự chém giết giữa người Việt với người Việt. Nhiều lúc tôi nghĩ: giá người Việt miền Bắc bớt anh hùng, giá người Việt miền Nam bớt ham muốn, biết đâu cuộc chiến tranh thúc đẩy bởi người ngoài này đã chẳng chấm dứt ngay sau ba tháng như những chiến tranh trên đất Ấn, đất Hồi? Một điều bi-thảm cho dân-tộc là cuộc chiến đẫm máu giữa người Việt và người Việt đã chỉ kết thúc khi quân đội Mỹ

BASTOS *Luxe*



巴
士
多
金
牌
煙
名
貴
大
方
真
地
超
等

bắt đầu đào ngũ trong tinh-thần, với bạch phiến và cần sa, còn những người Việt lâm chiến vẫn còn hùng hổ lắm le ãn gan uống máu nhau. Để làm gì? Than và thiếc Bắc Việt đâu có còn của ta: chúng đã được đổi lấy súng máy và hỏa tiễn để giết đồng bào miền Nam. Dầu hỏa chưa lấy được mà cũng đâu có của ta: dầu hỏa sẽ là nhiên liệu để đốt cháy đời sống của người Việt. Và chúng ta vẫn sẽ vẫn phải chấp thuận bất cứ giải-pháp gì mà các cường quốc định cho ta.

Thụy-Điển, Nam-Dương, Ấn-độ đã công nhận hai nước Việt-Nam. Tình trạng hai nước Việt Nam cũng đã có trong thực tế đối với Pháp. Đó là những nước đã giữ cái chìa khóa chính trị về nước ta.

Nội bộ miền Nam sẽ chịu một sự sắp xếp về chính trị. Trong sự sắp xếp lại này, quyền phát biểu của người dân sẽ được công nhận, và kết quả sẽ là sự có mặt của những đoàn thể có hậu-thuần thực trong nhân dân, nhưng cũng sẽ có cả hai khuynh-hướng đối nghịch và có những sắc-dân thiểu số. Những vấn đề phức tạp của những quân đội võ trang, của sự tái giảm quân số, của những lực-lượng địa phương và cảnh-sát, sẽ không được dễ dàng giải quyết và sẽ cần có sự trọng tài của quốc-tế. Một sự ân xá toàn thể sẽ được tuyên bố và giải tỏa vấn-đề tù binh. Nhưng sự thống nhất Bắc Nam sẽ được trao lại cho hai chính-quyền bàn cãi về sau, nghĩa là chưa biết bao giờ.

Lịch sử đã xoay tròn một vòng với chúng ta: Hai ngàn năm trước, nước Việt đã bị cắt đứt bởi sự xâm lăng của Trung-Hoa ở miền Bắc, để lại

một miền Nam lúc đó còn hoang vu và bán khai. Miền Nam ấy, ở ngoài vòng ảnh hưởng của Trung-Hoa, đã theo văn hóa Ấn-độ mà thành một nước khác nhưng vẫn còn giữ rất nhiều của truyền thống văn-minh Cổ-Lạc-Việt. Không thể nói được Đại-Việt hay Chiêm-ba, nước nào văn minh hơn nước nào. Sự hợp nhất hai Miền, do cái được gọi là sự Nam tiến của dân Việt, đã tạo ra một nước Việt-nam đơn thuần và xóa nhòa hẳn những thế-kỷ phân-ly.

Nhưng ngày nay, nếu có chấp nhận sự chia đôi đất nước chẳng nữa, thì ta cũng sẽ không quên rằng từ Nam lên Bắc, dân tộc vẫn chỉ là một, và sự phân chia chỉ là một cái tai-nạn trong lịch-sử trường cửu của Việt-Nam.

Vấn đề then chốt của Miền Nam

Miền Nam được hưởng cái lợi lớn là nhờ có miền Bắc đứng giữa mình và Trung-Hoa, sẽ có thể nảy nở được ở ngoài sự chi phối đã kéo dài cả hai ngàn năm nay của nước này. Trái lại miền Bắc sẽ phải nấp bóng người anh em vĩ-đại và một lần nữa, bắt buộc phải chịu sự đồng hóa.

Tuy nhiên, sự phát huy văn hóa dân-tộc, ngoài vòng cương tỏa của tư tưởng chính thống của Trung Hoa sẽ chỉ thành tựu được trong hòa-bình và với những điều-kiện xã-hội kinh-tế thuận lợi. Vấn đề then chốt của ta trong thời hậu-chiến là xây-dựng xã-hội và kinh-tế.

Cần phải có một sự chuyển hướng hoàn toàn về phương diện kinh-tế. Từ trước đến nay, vì tình trạng chiến tranh,

những người lãnh-đạo nền kinh-tế đã chỉ nghĩ đến sự ăn sổi và sống bám. Bây giờ không còn thể theo chính-sách ấy được nữa, vì một lý-do rất hiển nhiên là cả cái cơ-cấu của viện-trợ sắp thay đổi.

Sự viện-trợ trực tiếp về kinh-tế và quân-sự của Hoa-kỳ trong năm 1970 lên tới 2 tỷ 192 triệu Mỹ kim; thêm vào đó Hoa-kỳ mua một số bạc V.N tương đương với 400 triệu Mỹ-kim để chi tiêu trong năm. Số tiền lớn ấy đã giúp cho nền kinh tế mất thăng bằng của Việt-Nam không bị sụp đổ.

Những biện-pháp được dùng ở Việt-Nam để chấn chỉnh cán cân chi phó cũng chỉ là những biện pháp mà ta gọi là ăn sổi ở thì. Trong mấy năm qua, hơn một triệu xe kiểu Honda được nhập cảng, — với một dân số cả già lẫn trẻ, cả đàn ông lẫn đàn bà, chỉ có 16 triệu ! Sự tháo khoán nhập cảng những xe này, cũng như máy Ti-vi, tủ lạnh, nồi cơm điện, v.v... chỉ là để thu hút bớt tiền lạm phát về, và đồng thời lại lấy được thuế nhập cảng, nhưng cũng là một sự phung phí tiền cứng (ngoại tệ) một cách khó chấp nhận được. Ngay cả việc mua lúa gạo Mỹ để tiếp tế cho dân thành phố cũng là một cách làm tiền sổi : vì trong chương trình tiêu-thụ đồ sản-xuất thừa về nông-nghiệp của Hoa kỳ (gọi là PL 480) có tiền trợ cấp của chính phủ Hoa-kỳ cho giảm giá gạo xuống. Nhờ vậy, mà chính phủ Việt-Nam có thêm một mối lợi, nhưng nhà nông Việt-Nam thì không bán nổi được thóc gạo do mồ hôi nước mắt của mình làm ra nữa ; và kẻ có lợi lớn nhất lại là anh nhà nông Mỹ, vừa bán được gạo lại vừa được trợ cấp, nên nước Mỹ đã trở thành nước

xuất cảng gạo lớn nhất thế giới ! Sự ra đi của ngoại tệ, — mà người Việt-nam trả bằng xương máu, — thực là khủng khiếp. Năm 1969 chẳng hạn, chỉ xuất cảng được có 33 triệu Mỹ kim, mà nhập cảng thì tới 818 triệu, tức là đã có một sự thiếu hụt rất lớn, là 785 triệu. Đã đành là thu lại được một phần bằng thuế nhập nội, nhưng tiền mất là tiền cứng, tiền có giá-trị, tiền lẽ ra có thể dùng để xây dựng cái hạ tầng cơ-sở của sự sản xuất, chứ không phải là thứ tiền mà ngay đến nước Thái-lan cũng từ chối không thêm nhận.

Tất cả nền kinh-tế cần được chuyển hướng lại để có thể có những kế hoạch nhằm vào ngày mai, và để tiến đến sự độc-lập thực sự mà điều-kiện căn bản là một cán cân chi phó tương đối thăng bằng. Tất nhiên rằng ở hậu bán thế-kỷ thứ hai mươi, nghĩa của chữ độc-lập không còn giống như hồi một trăm năm về trước. Sự độc-lập của ta sẽ phải thực hơn nền tự-chủ cũ của đời Nguyễn, đời Lê, đời Trần vì không còn vấn đề triều-cống nhân-tài và quý vật, không còn sự dâng biểu xin thụ phong, v.v... Sự độc-lập của ta sẽ phải được đảm bảo bởi tổ chức chính thức của các nước địa-cầu là Liên-Hiệp-Quốc. Nhưng đơn? thời, sẽ có một sự liên-lập phải được xây-dựng lên, và nếu mọi sự đều tốt đẹp thì sự liên-lập sẽ có thể mỗi ngày một mở rộng.

Trở lại với những vấn-đề kinh tế, ta sẽ phải đối phó với sự giảm bớt số lượng ngoại-tệ thu vào, (vì Mỹ rút quân và giảm viện-trợ), với một tình trạng thất nghiệp nặng nề (vì Mỹ sa

thải công nhân và vì sự giải ngũ một số lớn quân nhân, bắt buộc bởi những hòa ước cũng như bởi nền kinh - tế lung lay), và với những đòi hỏi mới của sự xây-dựng xã-hội (việc phục hồi các cựu quân-nhân, tàn phế hay không tàn phế, việc khai khẩn lại những vùng đất và cơ sở bị phá hoại bởi chiến-tranh, việc hồi cư các người tỵ-nạn, việc mở mang giáo-dục, y-tả, việc cứu trợ xã-hội...). Ngay từ bây giờ, cần có những nhóm nghiên-cứu để xác định rõ tầm quan trọng của các vấn-đề và vạch ra những kế-hoạch cho thời sắp tới. Đó là một điều quan trọng trong sự lãnh-đạo quốc-gia, và cũng là một điều cần thiết nếu ta muốn còn có những viện-trợ quốc-tế (của các cơ quan L.H.Q. của các tổ chức phát triển quốc tế như Ngân hàng Phát triển, và của các quốc-gia như Hoa-kỳ, Anh, Hòa-lan, Pháp...). Tất cả các viện trợ quốc-tế, kể cả Viện trợ Mỹ từ 1972 trở đi, đều đòi hỏi phải có những kế hoạch, và phải có những nỗ-lực để thực hiện những khu-vực thiết yếu của quốc-gia.

Vấn-đề xây-dựng kinh-tế thực là quan trọng, nhưng vấn-đề xây-dựng xã-hội còn có phần hệ đại hơn nữa, và thực là một sự lầm lẫn lớn nếu những người lãnh-đạo tương lai chỉ nghĩ đến sự thịnh vượng mà quên mất sự công bằng và bỏ lãng việc thiết lập một hệ thống an-ninh xã-hội thích hợp cho quốc-gia.

Chiến-tranh đã nối tiếp vào chế độ thực dân để đào sâu cái hố giữa người giàu và người nghèo. Sự khác biệt không chỉ ở tiền tài, và ở sự ăn mặc,

mà ở trong nếp sống và trong những khát vọng văn-hóa. Hai lớp người có những tiêu-chuẩn đạo-đức và theo những giá-trị để phán xét khác nhau. Nếu tình trạng ấy vẫn được duy trì, thì tất cả lịch-sử của nước ta trong tương-lai sẽ chỉ là một chuỗi phiền loạn kết thúc bởi một cuộc cách-mạng thực, như những cách-mạng đã xảy ra ở một vài nước khác trên thế-giới.

Bài học của những nền kinh-tế phát-triển một cách bùng nổ mà không để ý đến các hậu-quả xã-hội không thể là một bài học suông, mà người lãnh đạo có thể quên đi trong một giây lát được. Ngay bây giờ, đã có quá nhiều tài-sản dựng lên nhờ chiến-tranh và nhờ quyền thế, và một số tài-sản tích-lũy đã đến những mức độ quá lớn với một nước trong đó lợi tức trung bình hàng năm cho đầu người chỉ có 75 mỹ-kim (hay kém nữa nếu không có viện trợ).

Khi hết chiến tranh, tư-bản quốc-tế sẽ hợp tác với tư-bản bản-xứ để khuếch trương. Đó không phải là một điều xấu và bất lợi. Nhưng nếu không có những luật lao-động tiến bộ và vững vàng, nếu chính quyền không cương quyết kiểm soát chặt chẽ một số khu vực hoạt động thiết yếu để bảo vệ đời sống và bảo vệ sự tự-do của người dân, thì sự kết liên của các tư-bản sẽ biến đại đa số dân ta thành những kẻ nô lệ hoại vong trong xã-hội. Sự tìm được dầu hỏa có thể sẽ làm cho dân Việt-nam làm-than hơn nữa, vì kỹ nghệ liên-quan đến dầu hỏa đòi hỏi những đại-tư-bản.

Tôi không muốn nói đến những vấn-đề khác, những ung nhọt của xã-hội hiện-tại, những trẻ em thất học sống lay lút ở vỉa hè, những người con gái lạc loài trong những chốn ăn chơi, những "băng" du-đăng, những thanh niên ghiền ma túy, những cô-nhi lớn lên trong sự lạnh lùng và không được giáo dục để

có một đời sống xứng đáng. Bỏ quên những vấn đề ấy là một cái tội lớn. Nhưng mỗi vấn đề dầu sao cũng chỉ ở trong một khu-vực nhỏ của xã-hội, không làm sao so sánh được với sự đe dọa lớn của một cuộc giai-cấp đấu tranh.

Có cứng mới đứng đầu gió

Vị trí của Việt Nam là một vị-trí đầu gió, đã từ nhiều năm nay. Chúng ta đã chịu không biết bao nhiêu sự khổ sở điêu linh; nhưng dân tộc Việt-nam, trong cơn thử thách, vẫn còn bền vững. Điều này không nhờ sự lãnh đạo tài giỏi, mà nhờ ở sức chịu đựng của

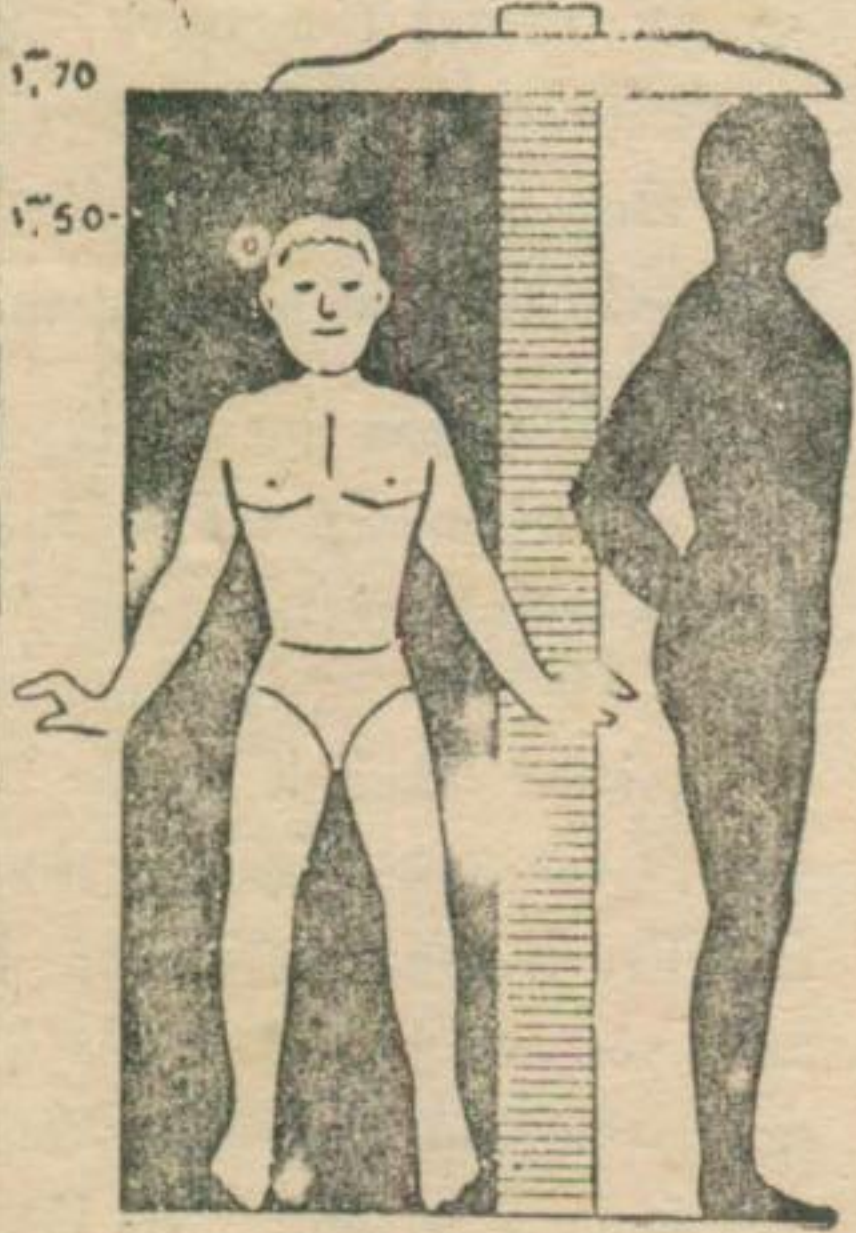
người dân.

Chiến tranh sắp tàn không có nghĩa là hết những nguy hiểm cho đất nước. Dừng lại một hình ảnh cũ để nói: con thuyền Việt-Nam chỉ mới ra khỏi một cái ghềnh nước, và sắp trôi dạt tới biển khơi. Ở đây, không phải chỉ là vấn đề leo lái, mà là vấn đề hiểu biết và tiên liệu, trong đó cái địa bàn, những máy đo gió, và trí óc con người là những yếu-tố căn bản. Chúng ta sẽ cần đến tất cả những cái ấy để khỏi bị biển cả nuốt sống.

TRẦN NGỌC NINH

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ
C . D . PP . B2 . B6 . B12



1.70
1.50

CON NỮ MAU
BIẾT ĐI
CÙNG XƯƠNG.
MẠNH KHOẺ.
NGƯỜI LỚN
CÙNG RĂNG.
ÍT ĐAU RĂNG.
YẾU PHỔI.
MỆT MỎI.

LABOHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BÔ.

KN Số : 78 MBYI/QCPD

Trong những ngày qua đời sống chính trị thế giới đã hoàn toàn trầm lặng, không có sự quan trọng nào xảy ra. Tuy nhiên người ta vẫn phải công nhận rằng các quốc gia Tây-Âu và Hoa-kỳ đang lúng túng trước vấn đề thương thuyết rút quân ở Trung Âu. Trong khi đó Tổng-thống Ai-Cập Sadat vẫn tiếp tục củng cố địa-vị của mình trước sự chỉ trích của các phe đối lập.

Thái độ của các quốc gia Tây-Âu trước vấn đề giảm quân

Hội-nghị các Tổng-trưởng Ngoại-Giao của khối Minh-ước Đại-tây-Dương đã được triệu tập lại Lisbonne, thủ-đô Bồ-đào-Nha. Thường thường thì những hội-nghị thường niên loại này chỉ là một cuộc gặp mặt ít có tính cách quan trọng. Nhưng năm nay các Tổng trưởng Ngoại-giao của Minh-ước đã hết sức bận tâm về vấn đề giảm quân ở Âu châu.

Thật vậy, vào tháng năm vừa qua vì ông Brejnev đề nghị hai khối Đại-Tây-Dương và Varsovie cùng thương thuyết để giảm quân tại Trung-Âu, ngõ hầu giải tỏa tình trạng căng thẳng tại vùng này. Tuy cũng muốn thương thuyết nhưng một vấn đề được đặt ra trước hội-nghị là Minh-ước Đ.T.D. phải có một thái-độ nào đối với đề-nghị của Brejnev. Từ trước tới nay Nga luôn luôn đòi triệu tập một hội-nghị giữa hai khối để đi tới một hiệp-ước bảo đảm an ninh Âu châu trước khi đi tới một cuộc bàn cãi

về rút quân. Nhưng bắt đầu từ tháng 3 vừa qua trước Đại-hội thứ 24 của Cộng-đảng Liên-xô ông Brejnev đã thay đổi lập-trường và cho biết rằng ông sẵn sàng làm việc rút quân mà không đưa ra điều kiện tiên quyết.

Vấn-đề được đặt ra trước Hội-nghị Lisbonne là phương-thức thương-thuyết. Không một quốc-gia hội viên nào của Minh-ước muốn để cho Mỹ một mình nói chuyện với Nga về vụ này. Vì vậy người ta đã cố gắng đề nghị một giải pháp là ông Manolio Brosio, Tổng Thư-ký của Minh-ước, sẽ đại-diện Minh-ước Bắc Đại-Tây-Dương tiếp xúc với Minh-ước Varsovie. Nhưng ông Brosio là một nhân vật Âu-châu có vai trò quá lớn trong cuộc chiến tranh lạnh, nên nhiều quốc-gia hội viên cho rằng nếu ông tiếp xúc với phe Cộng-sản thì sẽ ít hy-vọng thành công.

Một khó khăn thứ hai là vấn đề Bá-ling. Thủ-tướng Tây-Đức Willy Brandt muốn rằng tứ cường Anh, Nga, Pháp, Mỹ phải đi tới một thỏa hiệp về qui-chế Bá-ling trước khi tính chuyện rút quân Ngoài ra nếu phe Bắc Đại-Tây-Dương ngồi cùng bàn hội-nghị với một phái đoàn của khối Varsovie, trong đó có Đông Đức, thì sẽ là một hành động thừa nhận Đông Đức.

Sau hết, các quốc-gia Tây-Âu khác cũng tỏ ra hết sức dè dặt trước việc

giảm quân ở Trung-Âu. Theo Ngoại-trưởng Anh, Alec Douglas-Home, nếu không được cân nhắc kỹ lưỡng thì một thỏa-hiệp như vậy sẽ làm sai lệch cân cân lực lượng của Âu-châu hiện thời. Sau hết, Pháp cũng chống đối việc thương thuyết trực tiếp giữa hai khối. Vì theo chính phủ Paris, trao quyền cho các Minh ước để thương-thuyết về việc giảm quân chỉ có hậu quả là làm thiệt hại tới nền độc lập của các quốc gia hội-viên.

Tuy Hoa-kỳ muốn xúc tiến việc thương-thuyết để giải giới phe đối-lập ở Quốc-hội nhưng trước sự dè dặt của các bạo đồng-minh ông William Rogers đành phải chấp thuận một thông cáo « nước đôi » tuyên bố rằng các quốc-gia hội viên sẽ thăm dò Nga-sò với tư cách riêng để đi tới một cuộc thương-thuyết về vấn đề rút quân.

Tại Ai-cập Tổng-thống Sadat tiếp tục củng cố địa-vị.

Sau khi hạ các đối thủ thiên tả, bắt tay với Mỹ và đồng thời ký hiệp-ước hợp-tác với Nga, Tổng-thống Ai-cập đã bắt đầu giải-thích chính sách của ông. Trước Quốc-hội ông Sadat đã nhấn mạnh rằng « trái với dư-luận của một số người, hiệp ước giữa ông và ông Podgorny vẫn dành chủ quyền hoàn toàn cho Ai-cập ». Tuy nhiên người còn cố tình lên án ông Sadat đã rời bỏ chính sách không liên kết của cố Tổng-

thống Nasser nhưng giờ đây người ta được biết rằng chính ông Nasser khi còn sống đã cố gắng đòi một hiệp ước tương tự với Nga. Vì Nga không tin tưởng vào lực lượng quân sự Ai-cập sau trận chiến rranh 6 ngày năm 1967 nên họ đã bắt mực từ chối lời thỉnh cầu của Nasser. Nhưng hiện thời vì thấy ông Sadat đang dự tính nhích lại gần Hoa-kỳ nên điện Kremlin đã vội vã dành cho ông Sadat điều mà họ đã từ chối với ông Nasser trước kia. Như vậy ông Sadat đã lượm được một thành quả ngoại giao quan trọng.

Sau khi thắng lợi về mặt đối ngoại, ông Sadat đã cố gắng thu phục nhân tâm bằng cách hủy bỏ chế-độ khủng-bố cảnh-sát mà dân Ai-cập phải chịu từ nhiều năm qua. Trong một buổi lễ trọng thể, ông Sadat đã đích thân châm lửa đốt các hồ sơ mà công-an Ai-cập đã thu thập để theo dõi các phe đối lập.

Những thắng lợi chính trị của ông Sadat đã khiến cho Do-thái e ngại. Tổng-trưởng Do-thái Israel Galili đã cho rằng đây là một tình trạng nguy ngập mới cho Trung Đông vì « trong khi Ai-cập có sự trợ giúp của Nga trong 15 năm tới thì Do-thái lại không được sự trợ giúp tương tự của Hoa-kỳ ».

Như vậy người ta tự hỏi không hiểu Do-thái có tỏ ra cứng rắn hơn trong tương-lai hay không.

TỪ TRÍ

Đón đọc :

C Á T V À N G

Tập truyện của Lữ Quỳnh

Một tác phẩm lên tiếng về đời sống cùng những suy tư khốn khổ của những kẻ đang bị cưỡng bức để biến thành những con bài trong một canh bạc máu.

Ý-THỨC xuất bản

Báo mới

Tạp chí Bách Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những báo sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc.

Sóng Tạp chí văn học nghệ thuật số ra mắt tháng 5/71. Chủ trương: Hoàng Đình Huy Quan; Chủ biên: Từ kế Tường; Thư ký Tòa soạn: Thụy Miên. Tòa soạn 287 Nguyễn Tiểu La, Chợ Lớn. Mỗi số khổ 14x20 dày 11⁰ trang, giá 60đ.

Hương lúa Hậu giang (Tập san) số 4, tập san phát huy văn-nghệ Miền Tây. Mỗi số dày 110 trang, gồm những bài thơ và truyện của nhiều cây bút miền Tây. Tòa soạn đặt tại 35 Nguyễn An Ninh An Giang. Mỗi khổ 14x21, dày 110 trang.

— **Dậy** tuần báo ra ngày thứ năm của « tuổi trẻ đấu tranh » số ra mắt. Chủ nhiệm kiêm chủ bút: Đinh Đông Phương. Tòa soạn: 50 Nguyễn Hoàng Saigon. Mỗi số khổ 21, 5x30, dày 16 trang. Giá 20đ.

— **Ngàn thông bán nguyệt** sau tuổi học trò Việt-nam; số 1, số 2, và số 3, xuất bản ngày 5 và 20 mỗi tháng do Đào Quang Mỹ Chủ nhiệm, Chủ bút, Quyên Di Tổng Thư ký, Thái Bắc Thư ký Tòa soạn. Tòa soạn đặt tại 193/56 Công Lý Saigon 3. Mỗi số khổ 15,5x24 dày 64 trang gồm đoản văn, thơ, truyện dài, truyện dịch, và nhiều mục thường xuyên; nội dung vui tươi, hợp với tuổi học trò; tranh bìa của họa sĩ Vi Vi. Giá mỗi số 35đ.

— **Khoa học sản-xuất** số 2 và

số 3 tập san phổ biến khoa học kỹ-thuật do sự chủ trương của: Lâm văn Vãng, Hoàng Huân Định, Nông văn Bé, Me' Lê Hiệp, Tôn Thất Hanh, Trà Kim Thạch, Nguyễn Văn Vân. Mỗi số khổ 19x26 dày 56 trang, giá 70đ, gồm nhiều bài về khoa học và kỹ thuật liên quan đến sản xuất của các kỹ sư, bác sĩ, giáo sư đại học khoa học Đặc biệt số 3 (tháng 5/71) có những bài về vấn đề đầu hỏa và điều hòa sinh sản tại Miền Nam V.N.

Vận động số 1 Văn hóa Vận động chủ trương. Tập văn khổ 20,5x26 in ronéo, xuất bản tại Huế, mỗi số dày 98 trang gồm những bài khảo luận về văn hóa, văn nghệ, truyện, thơ, hồi ký đoản văn của: Nhất Huy, Đông phương Hồng, Lê nhược Thùy, Phan Ngọc Lương, Hạ Quốc Long, Hoàng Văn Giang, Phan Văn Phương, Văn hữu Tử.

Tham dự số 2 tập sau văn nghệ dân tộc, tuyển thơ văn xuất bản tại Vĩnh Long kết hợp những người cầm bút có ý thức và đầy nhiệt tình ở các tỉnh lẻ miền Nam» do Mai Trúc Linh và Trần Mộng Hoàng chủ trương, Việt-Chung-Tử coi sóc; mỗi số khổ 21x27 dày trên 40 trang, gồm những bài khảo luận, đoản văn, truyện, thơ, giá 50đ

Đường nắng đặc san mùa hạ của 2 trường Bồ Đề Tuy-hòa và Hiếu Xương Phú Yên, khổ 14x20, dày 116 trang gồm nhiều cây bút quen thuộc: Mang Viên Long, Khánh Linh, Phạm Ngọc Lư, Phạm Cao Hoàng, Trần Huiễn Ân v.v...

MỤC - LỤC THEO BỘ MÔN CỦA BÁCH KHOA

từ số 337 đến số 348. từ tháng 1 đến tháng 6 năm 1971 (*)

Sự sắp xếp theo bộ-môn dưới đây chỉ có tính cách hướng dẫn, giúp bạn đọc dễ tra cứu, bởi vậy nếu có những sai lầm trong sự phân loại, cũng mong bạn đọc lượng thứ cho.

ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ-MÔN	TÁC GIẢ	Số tạp chí	Trang
BIÊN-KHẢO NGHỊ LUẬN			
CHÍNH TRỊ			
Ý nghĩa và bên lề cuộc công du của Thủ tướng Pháp	Phạm Lương Giang	340	09
Một vài nhận xét và kỷ-niệm về Ấn-độ	— id —	343	39
— id —	— id —	344	39
1970. một năm chính trị bấp bênh	Từ Trì	337	09
Vụ nổi dậy của công nhân Ba-lan	— id —	339	09
Bầu cử tại Ấn-độ	— id —	342	09
Hội-quốc, giữa hai phong trào ly khai	— id —	343	15
Đạo hội Cộng đảng Liên xô kỳ thứ 24	— id —	344	09
Hòa giải giữa Hoa-kỳ và Trung-Cộng	— id —	345	17
Phong trào phản chiến tháng 5 tại Hoa kỳ	— id —	346	18
Mình ước Bắc Đại-tây-dương	— id —	347	09
100 bước đến Hòa-bình	Tạ-Chí Đại Trường	337	16
Giáo dục. một phương tiện chiếm quyền và giữ quyền	— id —	346	09
Tương lai của chúng ta	Trần Ngọc Ninh	348	09
GIÁO DỤC			
Giữ hay bỏ hạc tấn-ích	Võ Hồng	342	47
Dạy và học sinh ngữ	Cung Giũ Nguyên	341	09
KHOA HỌC			
Một năm khoa học	Tử Diệp	337	42
Tìm hiểu tiếng gọi về nguồn	Phan Dú	345	33

(*) B.K.T.Đ. số 337-338	(15-1-71)	B.K.T.Đ. số 343	(15-4-71)
	(01-2-71)	B.K.T.Đ. số 344	(01-5-71)
B.K.T.Đ. số 339	(15-2-71)	B.K.T.Đ. số 345	(15-5-71)
B.K.T.Đ. số 340	(01-3-71)	B.K.T.Đ. số 346	(01-6-71)
B.K.T.Đ. số 341	(15-3-71)	B.K.T.Đ. số 347	(15-6-71)
B.K.T.Đ. số 342	(01-4-71)	B.K.T.Đ. số 348	(01-7-71)

ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số tập chỉ	Trang
Tìm hiểu tiếng gọi về nguồn	Phan Du	346	41
Phép nhin ăn để trị bệnh...	Võ thị Thanh-Roòn	347	29
Cắt tử cung và phép nhin ăn ..	— id —	348	33
Nghĩ về vấn-đề hiện-đại-hóa Đông-Y	Trần-văn-Tích	337	103
— id —	— id —	339	37
— id —	— id —	340	43
— id —	— id —	341	15
Lược sử Đông-Y ở Trung-hoa và V.N.	Đỗ-đình-Tuân	347	23
— id —	— id —	348	23
Gico tình nhân tạo cho heo. .	Lê-hữu-Từ	344	20
Từ thuốc trường sinh đến hình nhân tự động	Thiện Ý	337	75
Pha giống bắp lúa	Võ quang Yếu	341	23
<u>KINH TẾ</u>			
Giới đại-thương-gia và kỹ-nghệ gia V.N. dưới thời Pháp thuộc	Nguyễn văn Đậu	343	31
Ôi ! La Dalat	Hoàng văn Đức	344	15
Dầu hỏa : y ^u tố sống chết của V N và Đông-nam-Á	— id —	347	17
Nghĩ về kinh tế V.N. năm qua và năm tới	Nguyễn Như	337	28
<u>NGHỆ THUẬT</u>			
1970, một năm ồn ào của điện ảnh V.N.	Lỗ Túc	337	35
Một người Gia-nã-đai và nghệ thuật Duy	Geroges E. Gauthier	337	48
— id —	— id —	339	45
— id —	— id —	340	19
— id —	— id —	342	16
— id —	— id —	345	75
— id —	— id —	346	53
— id —	— id —	347	43
<u>NGŨ HỌC</u>			
Chomsky và ngữ pháp biến tạo	Nguyễn đình Hòa	343	23
<u>PHONG TỤC</u>			
Chiến đấu tính trong cổ tục V.N.	Toan Ánh	337	63
— id —	— id —	339	29
Đêm giao thừa đổi lới trộm	Nguyễn đình Từ	337	71

ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số tập-chí	Trang
<u>SỬ</u>			
Bốn chặng huyền sử nước Nam	Kim Định	339	53
— id —	— id —	340	23
Tuyên Trung Hầu Nguyễn văn Tuyên	Nguyễn văn Hầu	348	17
<u>TIỂU SỬ — DANH NHÂN</u>			
Nhớ Đông Hồ tiên sinh	Nguyễn văn Hầu	343	47
Bertrand Russell...	Nguyễn hiến Lê	346	23
<u>TÔN GIÁO</u>			
Đức Phật và sự cải tạo xã hội	Trần Ngọc Ninh	345	09
— id —	— id —	346	31
— id —	— id —	347	33
<u>TRIẾT</u>			
Thời gian trôi qua dưới mắt người Việt	Nguyễn T. Ngọc Thắm	337	55
Trường hợp qui-nạp-pháp	— id —	342	29
<u>VĂN HỌC — VĂN HÓA</u>			
Thị trường sách báo 1970	Thế Nhân và	339	17
Nội bản khoán của Kim-Dung	Lê Phương Chi		
Góp ý với Viện Khảo-cổ	Nguyễn Mộng Giác	342	39
Văn hóa và văn chương	Nguyễn văn Hầu	340	31
— id —	Đỗ trọng Huê	341	35
Húy nhật cổ thi sĩ Đông Hồ	— id —	342	23
Hôn nhân và nghề cầm viết	Tiểu Lư Khê	343	55
— id —	Nguyễn hiến Lê	337	79
Đất Hà Tiên với họ Mạc và họ Lâm	— id —	339	23
— id —	— id —	340	37
Xã hội và văn hóa thái cổ V.N.	— id —	341	29
— id —	Trần Ngọc Ninh	343	09
Viết về xã hội và văn hóa thái cổ V.N.	— id —	344	29
Hoạt động xuất bản của Trung tâm học liệu	— id —	348	39
Truyện cổ dân gian (sắp xếp)	Thế Nhân	344	81
Thần thoại V.N. (sắp xếp)	Nguyễn T. Ngọc Thắm	344	23
	— id —	345	23
<u>LINH TINH</u>			
Nghệ thuật hút xì-gà	Bảo Châu	338	95

ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số tập chỉ	Trang
VĂN NGHỆ			
<u>ĐÀM THOẠI — PHỎNG VẤN</u>			
Đàm thoại với G.s Nguyễn-văn-Trung về trí thức thiên tả, Công giáo cấp tiến... Thị trường sách báo (Phỏng vấn các nhà xuất bản, nhà sách, nhà phát hành)	Bách-Khoa	341	45
	Lê Phương Chi	339	17
<u>TÙY BÚT — HỒI KÝ</u>			
Nửa gánh tang bằng Tù Thức lại bơ vơ Nhớ Đông Hồ tiên sinh Chỗ ở của loài người Đêm du ca Liêu-trai	Cung Giũ Nguyễn Sâm Thương và N.M G	337	87
	Nguyễn văn Hầu	345	47
	Nguyễn Sa	343	47
	Mộng Tuyết	337	149
		344	45
<u>ĐOÀN VĂN</u>			
Chiếc khăn trầu Người cách mạng là người bảo thủ	Xuân Tùng	345	67
	Thế Uyên	337	111
<u>TRUYỆN NGẮN</u>			
Trên tàu « Helgoland » — id —	Phan Du	340	51
Vệ cỏ	— id —	341	61
Đất và nước	Hồ miê, Dũng	347	72
Đêm trên thung lũng	Nguyễn mộng Giác	346	57
Nỗi buồn tháng 11	— id —	348	51
Những ánh sao đêm	Võ Hồng	337	117
Con ngựa gỗ	— id —	346	67
Tàn đông	Lê Bá Lăng	344	61
Cuối ngày	Phạm Ngọc Lư	344	51
Y. Ch.	Định Nguyễn	337	126
Như nỗi ước mơ	— id —	347	53
Như chiếc thuyền trôi	Trịnh Khả Nguyễn	340	71
Này đêm	Lê văn Trung	341	55
Đôi mắt mùa xuân xa	Lê văn Thiện	342	59
Chiếc nón Gò Găng	Trần Hoài Thư	337	139
Vì sao côi cút	— id —	342	51
Tai ương	— id —	345	57
	Kinh Dương Vương	342	66

ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số tập ch	Trang
TRUYỆN DÀI			
Tuổi trẻ hư không	Hoàng Ngọc Tuấn	339	71
— id —	— id —	340	61
— id —	— id —	341	73
— id —	— id —	343	63
— id —	— id —	344	71
— id —	— id —	348	65
TRUYỆN DỊCH			
Ám ảnh	John B. Gerald (Nguyễn dịch)	339	75
THƠ			
Bát cơm tân khách	Trần Huyền An	345	72
Uống mừng tình bạn thủy chung	— id —	346	73
Thân phận	Mạc Ly Châu	339	66
Gởi mùa xuân thành nội	Hoàng Ngọc Châu	337	124
Mười năm bóng hạc — Xuân chợt lòng thu	Vũ Hoàng Chương	341	70
Lòng đây tưởng đó	— id —	348	-
Dù sao cũng phải gửi thư cho vợ	Trần Đại	346	74
Cuối năm	Phổ Đức	337	115
Quê ngoại	Phạm Cao Hoàng	345	73
Tình đi mùa thu — Chút tình băng khuâng	Kê Kinh Kha	343	73
Đi câu với Phạm Lê Phan	Tường Linh	343	72
Một sớm mai nào	— id —	346	72
Những đồng tiền mừng tuổi anh	Hoàng Lộc	337	136
Thơ cho con đầu lòng	Mang Viên Long	344	70
Thánh đọa	Trần Dza Lữ	341	72
Tương lai mở cửa	Trần thị Tuệ Mai	337	125
Trên tà áo gió	— id —	344	69
Đợi một mùa xuân	Lê Minh Ngọc	337	138
Sớm mai	Định Nguyên	339	67
Mũi né	Đỗ Nghệ	339	66
Buồn loăng trên đời	Nguyễn Đức Nhân	342	64
Bốn mùa thương	Huỳnh kim Sơn	337	136
Giã từ	Hạ đình Thao	344	67
Nắng vàng quê hương	Phan Phụng Thạch	340	68
Một thành phố cho tương lai	Đông Trình	343	74
Đường xưa lối cũ	Lê văn Trung	337	114
Đành quên	— id —	340	69

ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số tạp chí	Trang
Lời cảm ơn bạn bè	Lê văn Trung	342	65
Không sầu	Cao quảng Vấp	345	72
Tội làm người	Nguyễn thị Vinh	340	67
Xuân 28 — Hẹn mai	Hằng Vũ	337	137
Chỗ đứng	Ý Yên	344	68

SINH HOẠT

Lễ phát giải thưởng Văn-bút 70
Hoạt động xuất bản của T.T. Học Liệu
Thời sự thể giới: (BK. 339, 342, 343,
344, 345, 346, 348)
Thời sự khoa học: (BK. 339, 340, 343,
344, 346)
Thời sự văn nghệ: (BK. 340, 342, 343,
344, 345, 346, 348)

Thế Nhân
— id —
Tư Trì
Tử Điệp
Tràng Thiên và
Thu Thủy

Muốn tìm hiểu CHẤT LIỆU trung thực,
sự PHÂN TÍCH khách quan,
và con đường SÁNG TẠO nối tiếp với truyền thống
của nền văn minh VIỆT NAM nằm trong PHƯƠNG ĐÔNG,
đề góp phần vào sự tiến bộ của NHÂN LOẠI,

Hãy tìm đọc
nguyệt san
phát hành
đầu tháng

Số đầu :
20-6-1971

PHƯƠNG ĐÔNG

Với sự cộng tác của : KIM ĐỊNH, HOÀNG-VĂN-ĐỨC, TAM-ÍCH, TRẦN
VĂN-QUẾ, NGHIÊM-THÂM, TRẦN-VĂN-TỪ, HỒ-HỮU-TƯỜNG ...